

VĂN HỌC

BIÊN KHẢO — VĂN HÓA — XÃ HỘI — CHÍNH TRỊ — NGHỆ THUẬT

VĂN CHƯƠNG TRUYỆN KIỀU

VỤ ÁN TRUYỆN KIỀU
NGUYỄN DU « HOÀI LÊ »
và TRUYỆN KIỀU
TÚ BÀ, CON THÒ LÒ SÁU MẶT
MỘT DÂN VẬT VỌNG ÂM
THẦN THOẠI TỪ HẢI

THANH-LẮNG

NGUYỄN MẠNH-CÔN
LƯU TRUNG-KHẢO
LÊ ĐÌNH PHẠM-PHÚ
DƯƠNG NGHIÊM-MẬU

CÁCH MẠNG — DÂN CHỦ ?

CÁCH MẠNG và DÂN CHỦ
HỒ HỮU TƯỜNG ?
HIỆN TÌNH VIỆT NAM

LÝ CHÁNH-TRUNG
THẾ-UYÊN
NGUYỄN HỮU-DUNG

VĂN NGHỆ SÁNG TÁC

JULES ROMAINS — HOÀNG-VŨ Đ. V. • DỊCH HẠCH (La peste)
A. CAMUS — HOÀNG VĂN-ĐỨC • VẾT ĐẠN — NGUYỄN-SA •
MỘT VỤ XỬ ÁN TRONG VÙNG TÈ — NGUYỄN MẠNH-CÔN •
VỀ CÁI CHẾT VÀ CHIẾN TRANH — NGUYỄN ĐÔNG NGẠC •
GIỌNG BUỒN LANG THANG — LUÂN HOÁN
CHÂN TRỜI VĂN HỌC — TRÀNG THIÊN

nội dung số này

- | | | |
|----|--|--------------------|
| 3 | Cách mạng và Dân chủ | LÝ CHÁNH-TRUNG |
| 4 | Nguyễn-Du « Hoài Lê »
và truyện Kiều | NGUYỄN MẠNH-CÔNG |
| 10 | Tú Bà, Con thò lò sáu mặt | LƯU TRUNG-KHẢO |
| 15 | Một đản vật vọng âm | LÊ-ĐÌNH PHẠM-PHÚ |
| 22 | Hiện tình V.N. trong
nhân tuyển Việt kiều | NGUYỄN HỮU-DUNG |
| 29 | Vụ án Truyện Kiều | THANH-LĂNG |
| 50 | Hồ Hữu-Tường | THẾ-UYÊN |
| 54 | Jules Romain trong « Những kẻ có lòng » | HOÀNG-VŨ Đ.V. |
| 59 | Về cái chết và chiến tranh | NGUYỄN ĐÔNG-NGẠC |
| 60 | Một buổi chiều của người lính già | VŨ-HOÀI MẠC-NGUYỄN |
| 62 | Đêm đối thoại trên một thành | DƯƠNG NGHIÊM-MẬU |
| 67 | Dịch hịch | HOÀNG VĂN-ĐỨC |
| 70 | Giọng buồn lang thang | LUÂN-HOÁN |
| 71 | Vết đẹn | NGUYỄN-SA |
| 76 | Chân trời văn học | TRÀNG-THIÊN |

Thư từ, bài vở tiền bạc ngân phiếu xin gửi :
PHAN KIM THỊNH

CÁCH MẠNG và DÂN CHỦ *

Cách mạng không phải là dân chủ, mà chỉ là con đường đi đến dân chủ. Chúng ta phải làm cách mạng để thực hiện dân chủ không thể « làm dân chủ » để thực hiện cách mạng. Cách mạng chỉ là phương tiện ; cứu cánh là dân chủ.

I.— DÂN CHỦ THẬT, DÂN CHỦ GIẢ.

Dân chủ là trạng thái hoàn tất của cách mạng. Dân chủ dựa trên hai nền móng : bình đẳng và tự do. Chưa có bình đẳng, chưa có tự do, chưa có dân chủ. Cho rằng ông triệu phú và anh xích lô là « bình đẳng » (vì cả hai đều có quyền bỏ một lá phiếu để cử người đại diện cho mình) tức là đánh lừa anh xích lô. Bởi lẽ người đại diện cho anh xích lô chắc chắn sẽ là bạn bè của ông triệu phú chứ không phải bạn bè của anh xích lô. Cho rằng ông chủ xưởng dệt và cô thợ dệt là « tự do » (vì không ai bắt buộc cô thợ dệt phải làm cho chủ xưởng cũng như không ai bắt ông chủ xưởng phải mướn cô thợ dệt) tức là đánh lừa cô thợ dệt. Bởi lẽ ông chủ có thể mướn hay không mướn cô thợ, chứ cô thợ không thể không làm cho ông chủ : không làm thì lấy gì mà sống !

Chưa có bình đẳng, chưa có tự do mà đòi dân chủ, thì cũng có thể có dân chủ... Dân chủ theo kiểu xứ Nam Mỹ La Tinh !

Cho nên phải phân biệt lý tưởng dân chủ với chế độ dân chủ. Chế độ dân chủ chỉ là một thể thức cai trị trong đó một số người, được xem là đại diện của dân, có quyền quyết định vận mạng của đất nước dân tộc... Lý tưởng dân chủ nhằm thực hiện một xã hội, một nhân loại trong đó mọi người được tự do, bình đẳng và có thể đối xử với nhau như anh em.

Thiết lập chế độ dân chủ không phải là thể hiện lý tưởng dân chủ. Cho rằng thành lập một Quốc hội là đã có dân chủ tức là phản bội lý tưởng dân chủ, là lừa bịp, là gian trá.

2 — CÁCH MẠNG NHẪM THỂ HIỆN LÝ TƯỞNG DÂN CHỦ

Cách mạng nhằm thực hiện bình đẳng và tự do, nghĩa là đặt nền móng cho dân chủ thực sự. Cách mạng là thay đổi và thay đổi tận gốc rễ.

Thay đổi tận gốc rễ là thiết lập một cơ cấu xã hội mới, biểu lộ một bậc thang giá trị mới. Chứ không phải chỉ là thiết lập một cơ cấu chính trị mới. Không có chế độ chính trị nào «mới» cả. Quân chủ và dân chủ đã có từ ngàn xưa. Cái mới là nền tảng của mối tương giao giữa người và người: một tương giao dựa trên trên đàn áp, bóc lột, một tương giao dựa trên bình đẳng tự do.

Nói như vậy còn trừu tượng xa xôi lắm. Phải nói rằng: cách mạng là làm sao cho chữ tiến không còn đi đôi với chữ quyền. Làm sao cho chữ tiến, từ đầu thang tuột xuống cuối thang, chữ lao động, từ cuối thang leo lên đầu thang. Để cho người đại diện của anh xích lô là bạn bè của anh xích lô chứ không phải của ông triệu phú. Để con anh xích lô và con ông triệu phú có thể ngồi chung một lớp học, và nếu con anh xích lô thông minh hơn thì sẽ được làm xếp con ông triệu phú. Để cho anh xích lô, cô thợ dệt, bác nông phu có đủ điều kiện làm chủ thực sự đất nước này, Nghĩa là quyết định vận mạng của đất nước này thay vì ông triệu phú, ông chủ xưởng. Vì họ là đại đa số và một đại đa số có ý thức có khả năng phán đoán.

Khi nào người ta không còn thể dùng đồng tiền để mua chuộc, lừa gạt đàn áp, bóc lột, khi nào mọi người được làm tất cả những gì mình có thể làm được, được hưởng tất cả những gì mình có quyền hưởng chừng đó mới có cảnh bình đẳng tự do chừng đó mọi người mới có thể nhìn thẳng vào mặt nhau một cái nhìn huynh đệ chừng đó mới có dân chủ.

3. — CÁCH MẠNG LÀ KHÙNG BỒ

Cách mạng là thay đổi. Muốn thay đổi phải bắt buộc. Bắt buộc ông chủ xưởng, ông triệu phú đã đành, mà cũng bắt buộc luôn cả anh xích lô, cô thợ dệt.

Vì rằng bình thường con người không ưa thay đổi. Khi anh xích lô có đủ khách cô thợ dệt có việc làm thì ít khi đòi hỏi gì thêm nữa, do đó cũng không cố gắng gì thêm nữa. Cách mạng, trước tiên, là dạy cho anh xích lô, cô thợ dệt biết đòi hỏi những đòi hỏi một đời sống vật chất đầy đủ hơn, chắc chắn hơn mà còn đòi hỏi được sống như một công dân trọn vẹn được quyết định thật sự vận mạng của

đất nước này. Cách mạng sau đó, là bắt buộc anh xích lô cô thợ dệt phải *cố gắng tương xứng với đòi hỏi của họ*, nghĩa là không những Phải làm nhiều hơn nhanh hơn mà còn phải học hỏi để biết rộng hơn sâu hơn thế nào là đời sống của một quốc gia dân tộc.

Muốn được như vậy, mỗi người phải gò mình vào kỷ luật, mọi người phải nghĩ đến quyền lợi chung trước quyền lợi riêng. Mọi người phải làm nhiều, học nhiều và có lẽ, trong bước đầu của cách mạng, phải ăn ít hưởng ít. Không ai ưa thích việc này cả. Không ai ham bỏ ra 3 giờ nghỉ để học tập hội thảo trau dồi nghề nghiệp văn hóa thay vì đi xi nê, đánh tứ sắc hay tán dóc chung quanh chai ba xi đề.

Vì vậy phải bắt buộc. Càng chậm tiến lại càng bắt buộc gắt gao. Vì cái chậm tiến trăm trọng nhất nằm trong *Ý thức về sứ mệnh làm người*. Làm người rất mệt nhọc và rắc rối. Tốt hơn là làm ông triệu phú, làm anh xích lô. Cho nên bắt buộc đầu tiên của cách mạng là bắt buộc mọi người đảm nhận trọn vẹn thân phận và sứ mệnh làm người, không gian trá, không chạy trốn.

Bắt buộc là *khủng bố*. Không cần phải chém giết cầm tù, đánh đập, mới có khủng bố. Có bắt buộc dù dưới hình thức nào, là có khủng bố. Cách mạng và khủng bố có 2 hiện tượng sanh đôi, bề mặt và bề trái của một đồng tiền. Trong lịch sử không có cuộc cách mạng nào là « ôn hòa » cả. Không có cuộc cách mạng nào mà không đổ máu. Không thể vừa nháy tuyết, vừa đánh tứ sắc, vừa nhậu ba xi đề vừa làm cách mạng, cách mạng là khủng bố vì còn người chưa trưởng thành vì con người chỉ trưởng thành trong cách mạng.

Tuy nhiên, khủng bố sẽ giảm bớt tính cách cay nghiệt của nó nếu mọi người được giải thích rõ rệt về hướng đi của cách mạng nếu mọi người ý thức rằng mỗi cố gắng của mình là viên gạch xây dựng một ngôi nhà ấm cúng hơn cho mình và con cái mình. Nếu chính những người lãnh đạo cách mạng biết hòa mình vào nỗi cực nhọc chung của dân tộc, biết đau khổ cái đau khổ chung của dân tộc. Nếu những người lãnh đạo cách mạng không chiêm đoạt cách mạng làm của riêng mình và từ đó, bắt cách mạng dừng lại ở khủng bố. Nếu lý tưởng dân chủ, ý nghĩa của cách mạng luôn luôn hiện diện trước mặt mọi người như một chân trời mở rộng. Nếu cách mạng đồng hóa với đạo đức.

Lẽ dĩ nhiên, trong thế gian này, sẽ không bao giờ có dân chủ hoàn toàn, nghĩa là có bình đẳng tuyệt đối, tự do tuyệt đối. Không bao giờ tâm hồn anh, tâm hồn tôi có thể trong suốt như 2 mảnh pha lê, để

hợp nhất hoàn toàn trong tình yêu, trong sự thật. Những người hứa hẹn một địa đàng trong thế gian này là những kẻ nói láo. Cũng như những kẻ cho rằng con người tội lỗi không bao giờ xây dựng được một xã hội tốt đẹp hơn trong thế gian này toàn là nói láo tuốt.

Lý tưởng dân chủ là một chân trời, càng đi tới càng lùi xa. Nhưng không phải vì thế mà con người không đi tới. Rốt cuộc cách mạng là một bước tiến. Tiến về phía chân trời. Và khi lý tưởng dân chủ được toàn thể nhân loại ý thức, thì lịch sử sẽ là cuộc cách mạng liên tục.

4.— PHẢI LỰA CHỌN : DÂN CHỦ HAY CÁCH MẠNG.

Cách mạng là gò mình vào kỷ luật, là hy sinh ngày hôm nay để xây đắp ngày mai, là từ chối dân chủ giả để đặt nền tảng cho dân chủ thật.

Trong tình trạng đất nước, phải lựa chọn : hoặc chúng ta đòi hỏi dân chủ, hoặc chúng ta đòi hỏi cách mạng. Sau ngày chánh biến 1-11-63, các nhà cầm quyền, với nhiều thiện chí, đã nghĩ rằng : sau 9 năm độc tài, tự nhiên phải có « dân chủ » ; sau 9 năm gò bó, tự nhiên phải có « tự do ». Hơn một năm nay, chúng ta đã dân chủ, và tự do thế nào, chắc không cần phải nhắc lại.

Cho nên đòi hỏi dân chủ trong lúc này là đánh lạc mục tiêu tranh đấu của người dân. Người dân cần cách mạng để được có dân chủ. Người dân không cần dân chủ khi chưa có cách mạng.

LÝ CHÁNH - TRUNG

GIÁ TRỊ MỘT TÁC PHẨM CÓ TÙY THUỘC
THÁI ĐỘ CHÍNH TRỊ CỦA TÁC GIẢ HAY KHÔNG?

NGUYỄN DU «HOÀI LÊ»

và

TRUYỆN KIỀU

NGUYỄN MẠNH-CÔNG

Vào khoảng năm 1961, khi nhà thơ Hà-Thượng-Nhân được cử làm Giám đốc đài Phát thanh Sài gòn, ký giả Bùi-Đình có được ủy thác mở mục Diễn đàn Thi văn làm nơi phát biểu ý kiến cho anh em văn nghệ về những đề tài có tính chất thuần túy thơ, văn. Trong những buổi mở đầu, anh Bùi-Đình có nhã ý bảo tôi viết một bài về thi sĩ Nguyễn Du.

Tôi nhân dịp, đã trình bày với anh về một đề tài hơi « bạo phổi » nhưng có thể có tác dụng quan trọng. Nói về cụ Nguyễn Du, tôi có ý định chứng minh rằng Cụ không từng có tinh thần « hoài Lê » bao giờ, hay ít ra là qua cuốn truyện Kiều, người ta không có quyền kết luận một cách gán ghép như thế. Hoàn cảnh thời bấy giờ không cho phép tôi nói rõ hơn, nhưng tôi có cảm tưởng như hai anh Hà Thượng-Nhân và Bùi-Đình đều biết tôi có ý muốn nói rằng « một nhà thơ không cần phải có thái độ chính trị « ủng hộ » chính quyền mới được kể là nhà thơ hay ». Sự kiện này có vẻ trái với thái độ của chính tôi, nhưng thật ra, vào năm 1961, tôi tuy còn ủng hộ và cố gắng giúp đỡ chính quyền của ông Ngô-đình-Diệm, nhưng thái độ của tôi là do tôi tự ý lựa chọn, không vì bất cứ một nguyên nhân thế lực hay quyền lợi nào. Thái độ chống Cộng-sản của tôi cũng hoàn toàn do tôi biết rõ (đối phương) mà có. Nhưng còn một số bạn khác, hoặc viết văn, hoặc làm thơ, dù ở ngoài hay ở trong chính quyền, thường vì muốn giữ vững cơm áo (nếu không bị cấp trên thúc đẩy, đòi hỏi) mà phải viết văn, thơ chống Cộng hay tán tụng chính quyền. Những bản văn này bao giờ cũng gượng ép và ít khi có giá trị. Người cầm bút mất cả sự yên ổn trong tâm hồn.

Vì thế, tôi chủ trương phải để cho văn nghệ sĩ được tự do lựa chọn một lập trường chính trị, hay không lựa chọn lập trường nào hết.

Tôi mong mỗi người ta không những không áp chế những người làm thi văn — sự thật thì họ không bị áp chế trực tiếp bao giờ — mà còn không dùng phương pháp gián tiếp để bắt buộc người cầm bút phải bẽ eo ngòi bút của họ. Đó là nguyên nhân vì sao tôi viết « Cự Nguyễn-Du có thể không trung thành với ai hết, mà cuốn Truyện Kiều vẫn có giá trị như thường » Sự mong mỗi hơi xa xôi, tôi không dám chờ đợi được nhiều người không thông cảm.

Nhưng thú thật, tôi cũng không chờ đợi bị tấn công một cách khác hẳn. Tờ báo Tự Do hồi bấy giờ, trong mục « Nói hay Đừng » đã viết về cuộc nói truyện của tôi đến ba bốn bài liền. Không phải người viết bài có gan trách tôi « liếm gót giày cho tên Ngô-dinh-Diệm » như gần đây, cố nhiên là sau cuộc chính biến 1-11, có người đã viết về tôi một cách can đảm. Cũng không phải người viết bài đã chứng minh sự sai lầm trong khi biện thuyết của tôi.

Người viết bài « chửi » một kẻ hậu sinh dám « hỗn » với một bậc tài năng tiền bối. Một người khác, tiếp theo, đem truyện riêng của tôi — mà tôi không dấu — ra gán ghép với những truyện tiểu lâm thời thượng, cốt bêu xấu cho hả cơn tức giận. Tôi không trả lời vì tôi hiểu sự tức giận ấy. Vì tôi biết có người không hiểu nổi cái hay, cái đẹp của văn chương Nguyễn-Du, và tự họ không có chí độc lập để tự tạo cho bản thân một thái độ, nên họ phải căn cứ vào lời khen chê của những người đi trước, để răm rồ chạy theo. Lời khen chê tôi nói đây, chủ yếu là bài tựa mà Cự Trần-trọng-Kim viết nơi đầu cuốn « Truyện Thúy Kiều ».

Bài tựa Cự Trần-trọng-Kim được viết cách đây 40 năm. Bài nói truyện của tôi tuy mới được có 4 năm. Nhưng thời gian qua không để lại dấu vết gì về việc đó. Nên hôm nay, nhắc lại vấn đề cũ, tôi muốn xác nhận lại một lần nữa sự nhận định của tôi.



Viết về Văn chương truyện Kiều, tôi đã cho rằng « khắp thế giới » nên chỉ kể những áng thơ văn tôi được đọc, không có thi sĩ nào, kể cả Shakespeare có thể được sánh ngang hàng với Nguyễn-Du. Thiết tưởng chỉ nói thế cũng đủ tỏ tôi đã lấy làm hãnh diện được kể làm đồng bào và « hậu thế môn sinh » của Cự biết bao nhiêu.

Còn về thái độ chính trị của Cự, tôi có nêu ra 4 điểm:

I — Cự Trần-trọng-Kim viết về Cự có 4 đoạn:

a — *Tiên sinh phải triển ra làm quan, hai ba lần từ chối không được. Năm Gia Long nguyên niên (1.802), tiên sinh phải ra làm tri huyện Phù-Dục (nay thuộc tỉnh Thái-bình)*

b — *Cứ theo lời chép trong truyện (Chính Biên Liệt Truyện) thì tiên sinh hay bị quan trên đè nén, không được thỏa chí của mình, cho nên thường buồn rầu không vui. Đối với nhà vua thì chỉ giữ hết hồn phân chứ không hay nói năng điều gì. Có khi vua đã quở rằng: « Nhà nước dùng người cứ*

ai hiền tài thì dùng, không phân biệt gì Nam với Bắc cả. Người đã làm đến chức á khanh, biết việc gì phải nói để tỏ cái chức trách của mình. Có lẽ dẫu lại cứ rụt rè sợ hãi, chỉ vàng vàng, dạ dạ hay sao? »

— Mấy lời ấy làm bằng chứng rõ ràng cái bụng bất đắc dĩ của tiên sinh phải ra làm quan.

c— Bài ca vịnh Thăng Long cổ câu :

Thiên niên cự thất thành quan đạo.

Nhất phiến tân thành một cổ quan

Nghìn năm nhà lớn thành đường cái quan

Một mảnh thành mới dim cửa ải xưa (1)

Hai câu thơ này thật là tiếng than, tiếng khóc của một người cự thần đi qua chỗ kinh thành của tiền triều đã bị phá hoại. Tiên sinh là dòng dõi quan nhà Lê, gặp phải khi thời thế đã biến đổi, phải ra làm quan với triều Nguyễn, lại đi qua chỗ giang sơn cũ, lòng nào lòng chẳng chua xót.

d— Bỏ thân về với triều đình.

Hàng thần lư lão, phận mình ra đâu.

Không hàng thần cũng như hàng thần cho nên tiên sinh có ý tự ví mình như một người dân-bà bạc-mệnh, vì thế bất-dắt-dĩ, phải bán mình mà phụ nghĩa cổ phư. Đã nói thất tiết, thì thân nghìn vàng với thân bảy thước có khác gì nhau? Bởi thế cho nên làm quan thì làm quan, chứ.

Mặc người mưa Sở mây Tần,

Những mình nào biết có xuân là gì !

Mà còn vui nữa, thì cũng :

Vui là vui gương kéo là,

Ai tri âm đó mặn-mà với ai ?

Vì cái cảm tình ấy, cái tư tưởng ấy, cho nên chung thân tiên sinh làm quan thường hay buồn rầu, mà cũng không lúc nào bán bạc điều gì, Tiên sinh có ý muốn như Từ-Nguyên-Trực về với Tào mà thế không hay mưu tính kế cho Tào. Nhưng tiên sinh là người kín đáo, người ngoài không rõ, mới cho là tiên sinh buồn rầu về quan trên dè dặt và tính hay sợ hãi, cho nên không dám nói năng gì cả. Thiết tưởng một người như tiên sinh sợ gì ai, mà ai dè dặt được. Chẳng qua ở vào thời đại chuyên chế, tiên sinh biết theo cái đạo minh-triết chấp kinh cũng phải có khi tòng quyền cho nên :

Mà xem con tào xoay vần về đâu,

Tóm tắt 4 đoạn trên đây, người ta thấy cụ Trần Trọng Kim suy luận đại ý như sau :

(1) Trong nguyên bản chỉ in phần chữ Hán. Bản phiên âm và dịch nghĩa của người viết.

Thứ nhất, vì Thế-tổ Cao-hoàng bản triều (triều Nguyễn) bắt buộc và từ chối không được, Cụ Nguyễn-Du phải ra làm quan.

Thứ hai, sách truyện cũ thuật rằng Cụ bị quan trên đè nén nên thường buồn bã. Vua đã quở, có vẻ trách Cụ... phân chia Nam, Bắc (!)

Thứ ba, cụ làm thơ, tỏ rõ tinh thần hoài Lê

Thứ tư, vì tiên-sinh kín đáo, nên sách cổ hiệu lầm mà cho rằng Cụ buồn vì bị đè nén, và tính hay sợ hãi, nên không dám nói năng gì cả.

II— Một ấn bản khác của Truyện Kiều, hình như của Đào duy-Anh, trong đoạn nói về thân thế tác giả, có cho rằng Cụ có ý chiêu binh, mãi mã, lập chiến khu (?) phò Lê, chống Nguyễn, nên tự xưng, cùng với một người bạn (Cụ Chu mạnh-Trinh ?) là Hồng-sơn liệt-hộ.

II— Nếu bây giờ chúng ta xét lại các điểm trên đây bằng một cách khách quan nhất có thể được, thì chúng ta sẽ nhận thấy :

Thứ nhất vua Gia Long lên ngôi năm 1802 rồi mới đem quân ra chinh phạt Bắc-Hà. Quân đi bộ, lại ở lại Thanh-hóa một tháng, thì vượt qua con đường ngót nghìn cây số cũng phải nửa năm. Vua Gia-Long có tới Thăng-Long sớm lắm cũng vào cuối mùa Thu năm ấy. Và như thế, còn thì giờ đâu để Cụ Nguyễn-Du hai ba lần từ chối rồi mới ra làm quan, mà vẫn kịp trong năm 1802. Điều cần nhớ là ngày xưa, giấy tờ đã chậm chạp, việc giao thông lại càng chậm hơn nhiều. Và lại, đời xưa có lệ, nếu đã được Vua vời, thì hoặc chối từ khéo như La-sơn phu-tử, hoặc chống đối hẳn thì bị bạc đãi, còn đã theo, thế tất được làm quan to. Đàng này Cụ Nguyễn-Du chỉ được làm tri huyện một huyện nhỏ, ở ven bờ bể—cách đây 4 đời, huyện Phụ-dực còn ăn thông ra bể (1).

Về điểm này, tác giả có nhớ, sau vụ nói truyện năm 1961, có được đến thăm một vị huynh-trưởng trong giới văn - nghệ sĩ là Lãng-Nhân Phùng tất-Đắc. Nhân nói về Cụ Nguyễn-Du, anh Phùng, có một người bạn nữa cùng ngồi, có cho tác giả biết Hồng-sơn Liệt-hộ là một «hỗn danh» của người làm thơ năng đi lại xóm Hồng-sơn, là một xóm nổi tiếng về cô đầu hát. Đại ý mấy chữ «Người thợ săn núi Hồng» lại dấu cái nghĩa thật, là «người rất thông thạo về xóm Hồng-sơn».

Anh Phùng cho tác giả biết, nhưng có nói rằng anh không nhớ lắm, về việc hai cụ Nguyễn-Du và Chu-mạnh-Trinh, cùng là... Hồng-sơn Liệt-hộ, sau mấy năm nhà Lê bốn ba, đã trở nên túng thiếu. Nên hai cụ đón xin triều kiến vua Gia-long để đưa một bài điều trần về việc giúp yên miền Bắc. Anh Lãng-Nhân nhớ có nghe kể truyện, nhưng không nhớ rõ xuất xứ, nên không bảo đảm. Tuy nhiên, anh cũng tỏ ý cho tác giả là có lý. Vì anh cho rằng cha, anh cụ Nguyễn-Du đều làm quan to nhà Hậu-Lê, mà vào cuối đời Hậu-Lê, người ta chỉ có thể làm quan với

1) Sở dĩ người viết biết rõ điều này vì có quê mẹ ở Phụ dực.

nguyễn du

Chúa Trịnh chứ không ai được làm quan — quan to — với vua Lê. Vậy Cụ Nguyễn-Du khó có thể có tinh thần hoài Lê được.

(Tuy nhiên, người ta có thể cho rằng cụ có thể có bề ngoài hoài Lê (hoài cổ) vì, nhà nghệ sĩ nhớ thời vàng son, khi cha anh cùng làm quan một mình tha hồ hát xướng và làm thơ. Hoài cổ, nhưng không lẽ lại viết «Tôi tiếc cái thời cha tôi làm Thủ-tướng» hay «Tôi tiếc cái thời Chúa-Trịnh yên ổn, tha hồ chơi bời», cụ Nguyễn-Du đành mượn chữ «hoài Lê» mà nói lên sự nuối tiếc quá khứ! Hoặc giả cụ Trần-trọng-Kim, vẫn biết không có «vụ» Hoài-Lê trong văn chương Thúy-Kiều và cuộc đời Cụ Nguyễn-Du, nhưng cụ tự ý «khám phá» ra điều đó, để dùng nó vào công việc gián tiếp kích thích tinh thần «hoài Lê» trong độc giả của Cụ. «Hoài Lê» trong trường hợp này, có nghĩa là hoài cổ, là tiếc nhớ quá khứ, một quá khứ có đầy đủ «chính nghĩa» vững chãi, lâu dài, nghĩa là không bị đô hộ như nhà Nguyễn, không ngán ngùi như nhà Tây-Son.

Thứ hai, Cụ Trần-trọng-Kim cho tác giả cuốn «Chinh biên liệt truyện. hiểu nhầm cụ Nguyễn-Du» Điều này rất có thể có. Nhưng muốn chứng minh, cụ Trần phải có tài liệu cụ thể, khác với những câu thơ trích mà người ta không khó gì không tìm được câu ngược lại.

Ví dụ cụ Trần-trọng-Kim có thể trích :

«Bỏ thân về với triều đình

«Hàng thần lơ lảo, phân mình ra đâu ?

hoặc :

«Vui là vui gượng kéo là

«Ai tri âm đó, mặn mà với ai ?

hoặc nữa :

« Cũng liều nhắm mắt đưa chân

« Thử xem con tạo xoay vần đến đâu?

thì người khác cũng có thể trích :

« Nghĩ mình, mặt nước cánh bèo

« Đã nhiều lưu lạc, lại nhiều gian truân

« Bằng nay chịu tiếng vương thần

« Thênh thênh đường cái thanh vân hẹp gì ?

hay :

« Công tư vẹn cả hai bề

« Dần dà rồi sẽ liện về cổ hương

« Cũng ngôi mệnh phụ đường đường

« Nở nang mày mặt, rõ ràng mẹ cha

« Trên vì nước, dưới vì nhà

« Một là đặc hiên, hai là đặc trung

hay nữa :

« Rằng Ân Thánh để đời dào

« Tuổi ra đã khắp, thắm vào đã sâu

Một đẳng chán nản, buồn bã, một đẳng tràn trề hy vọng và tin tưởng đậm đà, là thái độ trái ngược của Từ-Hải và Thúy-Kiều. Sự trích văn để đoán tâm sự người, trong trường hợp này, không thực hiện được. — Người ta, theo ý tôi, chỉ có thể trích những đoạn văn *tuyệt hay* để đoán *linh* (chứ không phải tâm sự) tác giả. Ví dụ cụ Nguyễn-Du viết về những đoạn chia ly, đau đớn rất hay, thì người ta nhân đó, có thể đoán Cụ là người rất nhạy cảm và nhiều tình lụy. Còn người ta tuyệt đối không được thấy một tác giả viết về một nhân vật phản quốc mà bảo tác giả ấy có *tâm sự* phản quốc.

Điều đáng chú ý là cụ Trần trọng Kim khó có thể viện dẫn chứng có một cách đơn sơ như vậy nếu Cụ không có mục đích không thể nói ra. Mục đích ấy có thể là, qua tinh thần «hoài lê», kích thích nhắc nhở độc giả nhớ luôn đến quá khứ, giữ vững giá trị văn hóa của tiền nhân, và—theo con đường của Cụ Phan chu Trinh—giữ thái độ trung thành với tổ quốc trên con đường văn hóa.



Trình bày như trên đây, tôi thiết tưởng đã tạm đủ rõ ràng. Nếu cụ Trần trọng Kim có hảo ý thúc dục chúng ta bảo tồn lấy tinh thần «hoài Lê» thì tinh thần ấy, bây giờ, không còn cần thiết nữa. Vì nước đã độc lập, chúng ta có tự do, có quyền nói thẳng quan niệm của mỗi người. Còn đối với số độc giả nhất định hiểu Cụ Nguyễn Du thật sự có trung thành với nhà Lê, thì tôi xin kết luận rằng dù có hoài Lê hay không, dù có «xin việc» với nhà Nguyễn hay không, Cụ Nguyễn-Du vẫn là tác giả cuốn Kim-vân-Kiều. Sau khi Cụ đã mất đến ngót 150 năm, những truyện thị phi không còn có nghĩa gì nữa. Hoặc giả, nếu có đôi điều có thật, thì tôi nghĩ nó chỉ có giá trị nếu nó có liên hệ đến tác phẩm của Cụ. Ví dụ : vì tiếc nhớ nhà Lê, nên Nguyễn-Du thường dễ xúc động mỗi khi nói đến sự biệt ly, và do đó, mà cụ tả đoạn «Vầng trăng ai xẻ làm đôi» và đoạn «Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình» một cách thấm thiết, đau thương.

Nhưng, tiếc thay, đó là điều không ai chứng minh được. Sự phê bình một tác giả đã quá cố, mà không để lại nhiều tài liệu sinh hoạt, là một điều khó khăn. Người ta phải tự thu hẹp phạm vi nhận định trong các tác phẩm. Và bất cứ một sự khẳng định nào không được chứng nghiệm một cách cụ thể sẽ không có giá trị gì hết.

Sự phê bình tác giả, ngoài phần ảnh hưởng của cuộc sống vào nghệ thuật và tư tưởng (tư tưởng trong tác phẩm chứ không phải thái độ

chính trị thử thời), thật ra cũng không cần thiết. Mặc dù viết như tôi sẽ viết sau đây là hết sức chủ quan, tôi vẫn tin rằng tên Nguyễn Mạnh-Côn, dù có liếm gót giày Tổng-thống Ngô đình-Diệm mỗi ngày ba lần, mà tác phẩm của y vẫn đường hoàng, hợp lý hợp tình, vẫn có nghệ thuật vững vàng điêu luyện, thì tác phẩm ấy nhất định vẫn được bạn đọc hoan nghênh. Còn nếu y một thân một mình, dẫu không có, quan thầy cũng không, mà dám, trước mặt hàng ngàn đồng bào Quận Ba Saigon, đường đường «chủ bới» cô Thủy, bà Nhu, và chế độ mật vụ lạm quyền của ông Nhu, chế độ cán bộ thối nát của Tổng-thống Ngô đình-Diệm, nhưng tác phẩm của y thối không ngửi được, thì rút cục, y vẫn chỉ là một thằng liều, và độc giả sẽ chẳng có vị nào bỏ tiền ra mua sách của y làm gì !

Thưa, có phải thế không. quý vị ?

NGUYỄN MẠNH-CÔN
18-3-LXV.

TÚ BÀ, con thò - lò - sáu - mặt

LƯU TRUNG KHẢO

Lầu xanh có mụ Tú Bà,
Làng chơi đã trở về già hết duyên.
Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
Mặt cưa, mướt đấng đôi bên một phường.
Chung lưng mở một ngôi hàng,
Quanh năm buôn phẩn, bán hương đã lè.
Dạo tìm khắp chợ thì quê,
Giả danh hầu hạ, dạy nghề ăn chơi.

(809-816)

Tám câu thơ trên là lời tác giả Đoàn Trường Tân Thanh giới thiệu lại lịch Tú Bà. Chỉ với 8 câu thơ vắn tắt, tác giả đã cho ta một bảng tóm lược khá đầy đủ về tiền sử mụ già này. Đó là một mụ già xuất thân từ chốn lầu xanh thuộc về loại .

« Má đã nhăn, màu da đã mốc,

Dầu hoa hoè có cóc ai ưa. »

(Trần Tế Xương)

Một gái làng chơi giàu kinh nghiệm và thủ đoạn trở về già làm nghề chủ chứa như Tú Bà thì thực là một tai họa cho các cô gái con nhà lành không may « lỡ bước, sa chân ». Mụ có thừa đòn phép để trị bọn con em cứng đầu. Đối với Mã Giám Sinh, người chung vốn và cũng là người « già nhân ngãi, non vợ chồng », mụ cũng làm cho vào khuôn vào phép, dù rằng anh chàng họ Mã cũng là trai-tứ-chiếng. Cứ xem những ý nghĩ của họ Mã trước khi nhập phòng Thúy Kiều thì đủ rõ :

Mụ già hoặc có điều gì,

Liền công mất một buổi quý mà thôi.

(841-842)

Phần giới thiệu tổng quát trên đây, sau này đã được soi sáng bằng những hành động của Tú-Bà. Dưới ngòi bút của Nguyễn-Du, Tú Bà hiện ra dưới nhiều bộ mặt khác nhau.

Trước hết là Tú-Bà, một nhà ngoại giao. Sau một tháng hành trình Thúy Kiều tới Lâm Chuy. Ngay khi xe vừa dừng bánh nàng được tiếp đón bởi một người :

Thoát trông nhờn-nhọt màu da,

Ăn gì cao lớn đầy-đà làm sao ?

Trước xe, loi-lả han chào,

(923-925)

Sự tiếp đón thực là ân cần nồng hậu. Tuy nhiên người đọc tinh ý tất nhiên vẫn nhận thấy một sự thiếu hòa hợp giữa sự niềm nở biểu lộ một cách hơi quá đáng với hình vóc của mẹ. Cái con người không biết ăn gì mà cao lớn đầy-đà, màu da nhờn-nhọt đó đã loi-lả, hời han, chào đón Thúy-Kiều: Từ ngữ loi-lả cho thấy sự gương ép, sự giả-tạo một cách máy móc trong cử chỉ tỏ tình thân hữu này. Đến khi Thúy-Kiều làm lễ Thần mây trắng (Bạch-mi thần) thì Tú-Bà đã mặc một bộ áo khác. Lúc này mẹ biến thành *Trưởng ban Nghi-lễ*, của một thứ tôn-giáo lớn có khá nhiều tín chủ ở những xã hội thối nát. Tôn giáo này cũng có những nghi thức phụng-vụ khác biệt. Nếu thừa mồi hàng, gái làng chơi sẽ khóa thân cầu nguyện trước thần rồi lấy hoa cữ trên bàn thờ lót xuống dưới chiếu nằm tự nhiên sẽ tha hồ đưa người cửa trước, rước người cửa sau». Thúy Kiều vừa lạy trước thần Bạch-mi, thì Tú Bà đã cầu nguyện, khấn vái :

Cửa hàng buôn bán cho may,

Đêm đêm hàn-thực, ngày ngày nguyên-tiêu.

Muôn nghìn người thấy cũng yêu,

Xôn xao anh-yến, dập-diều trúc mai.

(941-944)

Lễ tất, Tú-Bà bắt Thúy-Kiều làm lễ ra mắt y thị và Mã Giám sinh để xác-nhận quyền gia-trưởng :

Dạy rằng : « Con lạy mẹ đây,

Lạy rồi sang cậu mày bên kia »

(951-952)

Nhưng sau nghe Thúy Kiều giải-tô nội-vụ, Tú-Bà đã nổi cơn tam-bành lên. Phản ứng đầu-tiên của mẹ là phản ứng của một người đàn-bà ghen tuông vì bị một người thiếu-nữ trẻ đẹp quyến rũ mất chồng:

Này này sự đã quả-nhiên.

Thôi đã cướp sống chồng mình đi rồi

(963-964)

Tuy nhiên, tình-nghĩa vợ chồng của bọn « trai tứ chiếng, gái giang-hồ » này đâu có bền chặt gì nhất là vợ chồng kiều Tú-Bà Mã-Giám-sinh lại xây dựng trên căn bản « công-ty hợp-doanh »

Chung lưng mở một ngôi hàng,

Quanh năm buôn bán, bán hương đã lẽ.

Chính vì tình nghĩa vợ chồng Tú-Mã đặt trên căn bản lý

tài mà phản ứng thứ hai của mẹ là phản ứng của một anh trọc phú keo kiệt bị mất trộm một lúc cả triệu đồng. Sự suy tính của Tú-Bà là sự suy tính của bọn con buôn :

Bảo rằng : « Đi dạo lấy người,
 Đem về rước khách kiếm lời mà ăn.
 Tuồng vô nghĩa, ở bất nhân,
 Buồn mình, trước đã tằn mẫn thử chơi.
 Máu hồ đã mất đi rồi.
 Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma !

(965-970)

Phần vì tức giận Mã-Giám-sinh dám chiếm đoạt Thúy-Kiều làm cho « vốn liếng đi đời nhà ma », phần vì muốn dấu mặt Thúy-Kiều để làm gương cho bọn con em trong nhà chứa, Tú Bà « chấp bì tiền rấp sẵn vào ra tay » thì Thúy-Kiều đã rút dao dấu trong tay áo ra tự tử. Tú Bà hoảng sợ, vì trách nhiệm trước pháp-luật, vì vốn liếng sẽ đi đời nhà ma thật sự, nếu Thúy-Kiều chết. Cho nên, mẹ vội vã đổi chiến lược cho thích-ứng với tình-thế mới. Mẹ chực sẵn bên màn, chờ Thúy-Kiều hồi tỉnh để thuyết phục nàng bỏ ý định tự tử. Lúc này, mẹ đóng vai thuyết khách với giọng lưỡi của Tô-Tàn, Trương-Nghi. Thoạt tiên, mẹ kêu gọi bản năng ham sống của con người, rồi ca ngợi nhan sắc Thúy-Kiều, công nhận lỗi lầm của mẹ, đề cao đức kiên trinh của Thúy-Kiều để thỏa mãn lòng tự ái của nàng. Cuối cùng, mẹ đề nghị với Kiều một giải pháp hợp-tình hợp-lý, có lợi cho đôi bên :

Một người dễ có mấy thân,
 Hoa xuân đương nhụy, ngày xuân còn dài.
 Cũng là lỡ một, lắm hai,
 Đá vàng sao nỡ ép nài mưa-mây.
 Lỡ chân trót đã vào đây,
 Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non.
 Người còn thì của hãy còn,
 Tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà,
 Làm chi tội báo oan-gia,
 Thiệt mình mà hại đến ta hay gì !

(1005 - 1014)

Ta có thể diễn giải lời khuyên của Tú Bà đại-cương như sau :

«Đời người sống có một lần, mạng sống của con người thực quý giá nhất là đối với cô tuổi còn trẻ, đời còn dài, nhan sắc lại xinh đẹp như hoa xuân đương độ». Như vậy kết luận ám thị tất nhiên là : việc gì mà cô phải tự tử, tự tử nằng lăm. Mẹ tuyệt nhiên không đả-động gì tới

tú bà

từ-ngũ nào dính líu tới cái chết, e sẽ tạo cho Thúy-Kiều một ý tưởng cố định thì khó mà lay chuyển được về sau. Kế đó, mẹ nói tiếp : «Việc đáng tiếc vừa xảy ra là do một sự hiểu lầm, lỗi lầm này tôi xin chịu. Nhưng cô cũng phải xét cho nhà hàng. Đưa tiền cho Mã-Giám-Sinh bảo đi mua người về tiếp khách, thấy đưa cô về ai cũng tưởng là «thuận mua vừa bán» Nào có ai biết đâu, hẳn lừa dối cô nói là mua về làm vợ. Chúng tôi quả thật ngay tình, chứ nếu biết cô cương quyết mà lại ngay thẳng như vậy, chúng tôi đâu dám ép cô làm chuyện xấu xa. Nhưng cô cũng nên xét lại cho nhà hàng được nhờ. Bao nhiêu tiền của vốn liếng, nhà hàng đã bỏ ra vào việc này. Đưa trả cô về với gia-đình thì nhà hàng chắc phá sản. Thôi thì tôi đề nghị như thế này : Cô cứ sống với chúng tôi một nơi riêng biệt — tôi cam đoan không bao giờ ép cô làm công chuyện bất tiện đó nữa — chờ chừng nào có người đang-hoàng cưới hỏi cô làm vợ, tôi sẽ tác thành cho. Như vậy cô có nơi nương tựa tử tế mà nhà hàng cũng thu lại được dần vốn, chứ nếu cô cứ toan tính kia khác thì chỉ thiệt cho bản thân mà lại còn bại lây đến nhà hàng nữa». Tinh thần còn đương giao-động sau khi tự tử hụt, nhất là lời khuyên của Đạm Tiên còn văng vẳng bên tai, Thúy-Kiều chẳng thể chẳng chấp-thuận đề-ughi có vẻ rất hữu-lý của Tú-Bà. Tuy nhiên, Tú-Bà vẫn giữ được chủ ý của mình : tạm thua trận đầu đề bài binh bố trận cho cuộc chiến đấu quyết định cuối cùng. Thế nên khi nghe Thúy-Kiều bày tỏ ý nguyện «ai có muốn đấu thế này!» Tú-Bà biết cuộc phản công của mẹ đã có kết-quả, mẹ đã trở lại chiếm thế thượng-phong, nắm giữ vai trò chủ-động :

Mẹ rằng : «Con hãy thông dong,

Phải điều lòng lại đối lòng mà chơi ! »

(1027 — 1028)

Như vậy, giữa Tú-Bà và Thúy-Kiều đã có một thỏa-ước. Đôi bên đều nhận điều kiện của nhau và tạm thời hòa hoãn.

Nhưng, Thúy-Kiều còn ngây thơ và nhẹ dạ dễ tin tưởng ở lời hứa và lời thề của Tú-Bà, chứ Tú-Bà thì đang «lùi một bước để tiến hai bước». Mẹ theo đúng thỏa ước cho Thúy-Kiều ra ở lầu Ngưng Bích. Ngoại cảnh buồn nản của lầu Ngưng-Bích đã tác động mạnh mẽ vào tâm hồn Thúy-Kiều, nên khi Sở-Khanh vừa biểu lộ một vài tác phong «anh hùng rơm» là Thúy-Kiều đã gửi cho họ Sở một bức tâm thư «kể hết xa gần». Bức thư này tự nhiên phải đến tay Tú-Bà để làm tài liệu chứng tỏ lỗi vi phạm thỏa ước về phần Thúy-Kiều. Rồi Thúy-Kiều theo Sở Khanh đi trốn. Như vậy, trên nguyên tắc, Tú Bà vẫn là người tôn trọng thỏa ước mà kẻ «xé rào» lại chính là Thúy-Kiều. Bắt được Thúy-Kiều tại trận với những chứng cứ nắm vững trong tay, Tú Bà lần này đổi hẳn thái độ :

Hung-hăng chẳng hỏi, chẳng tra,

Đang tay vùi liễu, dập hoa tươi-hời.

(1035-1036)

mà Thúy Kiều vẫn không có quyền oán trách. Điểm kỳ lạ nhất là chính Thúy Kiều lần này lại tự thuận nhận điều kiện của Tú Bà đưa ra khi

trước, sau khi nhắc nhở số vốn liếng của mẹ có thể tiêu tan vì cái chết của nàng ;

Nhưng tôi có sá chi tôi.

Phận tôi đành vậy, vốn người dễ dãi ?

Thân lươn bao quản lấm đầu,

Chút lòng trinh bạch từ sau cũng chưa !

(1045-1048)

Mưu cơ Tú Bà thật đã thâm hiểm. Mẹ quả là một nhà chính trị cao tay ấ. Đó là quần chúng muốn thế, đó là nhân dân muốn thế ! Nhà lãnh tụ, nhà cầm quyền, chỉ việc thực hiện nguyện vọng, ước muốn của quần chúng, của nhân dân !!! Mưu định đã thành, Tú Bà giờ đây lo việc huấn luyện Thúc-Kiều cho thành thạo. Theo nguyên tác của Thanh-Tâm Tài-Nhân, Tú Bà hỏi Kiều :

— Tiếp khách làm sao lưu được khách ?

Thúc-Kiều trả lời :

Ngủ với người ta chứ gì ?

Tú Bà đáp :

— Nếu gái lâu xanh mà cũng như con nhà lương thiện thì khách nào thêm tới luôn. Nay con phải nhớ v.v...

Rồi Tú Bà dạy Kiều những kỹ thuật ràng buộc khách về mặt tình-cảm những mảnh khứa chiều chuộng khách trong chốn gối chăn. Trong Đoạn trường Tân thanh, Nguyễn-Du cũng giữ nguyên ý này nhưng trình bày giản lược hơn. Dù theo nguyên tác của Thanh-tâm tài-nhân hay theo phóng tác của Nguyễn-Du, Tú Bà vẫn là một huấn luyện viên có biệt tài.

Khi Thúc-Kiều hành nghề, Tú Bà đã săn sóc nàng cẩn thận. Mẹ « tô lức chuốt hồng », để làm đẹp Thúc-Kiều và cũng là để khai thác túi tiền của khách làng chơi. Đến lúc không thể giữ nổi Thúc-Kiều, vì mưu chước của Thúc-Sinh, mẹ đành cầu hòa để lấy lại số tiền chuộc chắc chắn cao hơn số bốn trăm lạng mà mẹ đã bỏ ra cho Mã Giám-sinh đi mua nàng về. Mẹ quả là một « bà bầu » kiêu mẫu !

Nhân vật Tú Bà đã hiện nguyên hình với nhiều bản mặt khác nhau : Tú Bà ngoại giao, Tú Bà trưởng ban nghi lễ, Tú Bà chủ nhà chứa, Tú Bà đánh ghen, Tú Bà mưu sĩ, Tú Bà huấn luyện viên. Nói tóm lại : Tú Bà là con-thỏ-lò-sấu-mặt. Tú bà là tất cả những ti-tiện, đều-giả. Tất cả những ti-tiện đều-giả là Tú Bà. Mẹ có mặt ở mọi nơi chốn, mọi thời đại. Nếu mẹ có thực và nếu mẹ còn sống ở thời đại này, chắc chắn mẹ sẽ trở thành một chính trị gia có hạng trên bình diện quốc gia cũng như trên bình diện quốc tế.

MỘT DẪN VẬT VỌNG ÂM

LÊ-DÌNH PHẠM-PHÚ

Ngày hôm nay mưa dầm gió bắc một cách khác thường ; mới hôm qua đây, trời nắng như đổ lửa. Buồn lòng, tôi nhớ đến lời hứa em học đệ tứ cứ theo hỏi mãi về tâm sự của Nguyễn Du. Đã mấy lần tôi muốn nói với nó nhưng mà tôi không biết nói thế nào cho hợp với một thí sinh. Tôi thì vẫn quen thói mình nghĩ chi giãi bày mới hay. Nhưng nếu tôi gợi lên những điều sau đây với nó, nghĩ mà buồn tình vì chẳng có ích gì cho bài nghị luận phổ thông nó lo lắng.

Nó đã học đệ tứ, lớn rồi lại sinh trong thời loạn, cho dù nó biết nhiều khổ đau tủ nhục nhưng chắc nó chưa chịu khổ khổ khổ những vấn đề bí ẩn và sinh tử của quốc gia xã hội được.

Cho dù nhiều đứa bạn bè nó cũng có người yêu, thường viết thư cho người yêu, có những câu bộc bạch được thâm tình của người con trai hiện diện trên một quê hương đầy bất hạnh, cái nhìn của nó cũng chưa gần được Nguyễn Du. Tuổi nó hoa mộng, đọc được cảnh Kim Trọng Thúy Kiều, và thích những tâm sự trữ tình nên nó nghĩ tâm sự toàn tác phẩm hẳn cũng sẽ gần gũi với nhớ thương thương nhớ và nó bám theo mà hỏi.

Ừ, thì hẳn nhiên Nguyễn Du gợi cảm tâm sự nhiều, bởi không làm sao lại « Tân Thanh » khúc « Đoạn Trường ». Nhưng mà nghe tâm sự người làm sao không « giết mình, mình lại thương mình xót xa » đối với thế hệ chúng ta, chiến tranh kéo dài trên một quê hương đầy đầy kỷ niệm. Chàng Kim với chúng ta nói chuyện nhau qua hươu đến thời đại, cô Thúy Kiều thì con chỉ nữa cuộc đời con gái ! Nguyễn Du đã nói rất nhiều mà chúng ta cũng nghe rất nhiều.

Xứ sở của chàng Kim, chính quyền là của vua chúa. Xã hội của nàng Kiều có những Bạc Bà Mã Giám Sinh, cái học của chàng Kim là học ra ông huyện. Cái mơ ước của nàng Kiều là gặp được bậc văn tài. Nhưng muốn đời Thượng đế bắt con người mang những xót xa và hoài niệm bất tử ; trước khi khổ đau khởi đi, đó là thời kỳ ai ai cũng thăm mơ ước : xứ sở thanh bình, Kim-Kiều yêu nhau tha thiết tưởng không bao giờ có thể hết yêu được nữa !

Rồi người con gái bán mình đi chuộc cha khỏi tội. Người con trai trở về chốn cũ :

« Tìm em như thể tìm chim

Em nơi biển bắc anh tìm biển đông ».

(Ca dao)

Người con gái bị rơi từ nơi thô bỉ này đến lầu xanh khác nhưng lúc nào tâm hồn của nàng vẫn tưởng nhớ Kim Trọng. Làm sao không tiếc thương ngày cũ được. Cho nên nhiều người phê bình nàng say đắm cảnh truy lạc là sai, vì đem đối chiếu giữa cuộc đời hoa gấm dệt bằng mộng và tình yêu khi còn ở nhà với thân phận một kẻ làng chơi, thì ai mà có thể say mê cảnh truy lạc được ? Chàng Kim dù sao cũng phải tin chắc rằng người tình của mình vẫn không bao giờ quên mình được.

Chàng Kim còn điếm an ủi đó và đó cũng là điếm bi đát.

Mười lăm năm sau, khúc đoạn trường như chấm dứt, nàng Kiều tái ngộ chàng Kim. Nhưng một khắc nghiệt lại đặt ra bởi con người là thân xác hữu hạn, một phút trôi đi có bao giờ tìm lại, tâm hồn con người có phải là vô tư trước những năm dồn dập đau thương cho nên, lấy chi mà dỗ mà đền cho những con người nhiều mất mát. Vàng bạc châu báu ư ? — Danh tước ư ?

Không bao giờ !

Chỉ còn tình yêu của hai người nhưng tình yêu ở đây có pha mùi nước mắt. Tình yêu của mọi người thì là mang nặng những xót xa.

Tôi cũng biết rằng em tôi nó muốn như Kim Trọng, có được một cô nàng đẹp nhất trên đời. Nó yêu Kim Trọng, tôi cũng thương Kim Trọng. Xã hội bây giờ thì còn nói chi chuyện tình nghĩa kim tiền, đối trái làm mặt là hiếm có nữa. Quốc gia chúng ta đã mấy ngày sống trong cảnh thanh bình mà là thanh bình mà thiếu ăn thiếu mặc ?

Độc tài và đảng trị, độc tài và bè phái trị, độc tài quân phiệt, thì biết cái gì là hơn cái gì ? hoan hô mà không có cơm ăn, hoan hô mà không được chút tự ý, hoan hô mà người ta nắm tay lôi đi, thì có cái gì hơn cái gì ? Đấy, tự do của người dân đã mấy chục năm nay từ khi mà những lời hô diệt phong kiến và dựng dân chủ ra đời ; đừng nói chi thời vua chúa.

Nguyễn Du kể cho chúng ta nghe một khúc đoạn trường mà mở đầu tung hô như vậy : « Đầu năm gia tỉnh triều minh. Bốn phương lặng lẽ hai kinh vững vàng », làm cho tôi liên tưởng đến lối nói của những lời tuyên bố quan trọng : « chúng ta đang nỗ lực dồn dịch vào thể bí và dịch khó lập lại những thể quân bình về chính trị, quân sự ». Nhưng nếu thực trạng xã hội trong truyện bẽ bối, thì thực trạng quốc gia chúng ta có vị tướng lãnh đã can đảm nhận rằng : « Tại sao ta đầy đủ vũ khí tối tân, nắm quyền chủ động mà vẫn chưa chấm dứt được chiến tranh ».

Cuộc đời của người trong truyện nhiều khi cũng phản ảnh thực tại, nếu nói được nổi truân chuyên của nàng Kiều là một biểu tượng.

Nàng Kiều làm sao không mơ ước một cuộc sống hạnh phúc. Nhưng trót rơi vào trong vòng khắc nghiệt của định mệnh, mà tử thay, hề đã sa chân thì biết có ngày tìm lại an lành được không ? Nàng Kiều đã gặp những kẻ ra tay giúp đỡ nhưng giúp đỡ rất lưu manh, nhưng khi gặp được kẻ đàng hoàng thì bản tính lại nhu nhược hay hữu dõng mà vô mưu.

Quốc gia chúng ta tan nát lắm rồi, chúng ta gặt bỏ tự ái để công nhận điều đó, dân ta nghèo xác xơ. Người Việt chúng ta hai mươi năm trời nay đều có thể hiện được sự đoàn kết vẫn tự hào. Cho nên Tổng Thống De Gaulle nói ít ai nghe vì chính phủ nước ông đã lắm lần làm những tên Mã Giám Sinh, sở Khanh ưu hạng.

Đọc lịch sử «Đông Dương» giữa thế kỷ XIX đến XX là điều sỉ nhục cho những tuyên ngôn hòa bình và những lời ca nhân đạo. Đừng bao giờ Pháp nuôi tham vọng nói chuyện Đông Nam Á cho dễ nghe, cũng như trước lúc xử án, Bạc Bà, Ưng, Khuyển... biện hộ được vững vàng.

Chúng ta đã công nhận nước ta nghèo qua, dân tộc chúng ta còn phân tán ý chí vì vậy công việc trợ giúp kinh tế, tài chính... của các nước bạn phải là điều cần thiết. Nhưng đã nói, rất khó tìm được một người giúp đỡ cho được vừa ý, trái với những điều chúng ta thường thấy kẻ phá hại lại làm quá sức lượng đo của chúng ta.

Người bạn tốt Hoa Kỳ đã tốn rất nhiều đô la ở xứ sở chúng ta từ 1954 đến nay, họ có nét hào hoa của chàng Thúc. Họ đã anh dũng oanh kích quân địch, họ có được nét hùng mạnh của Từ Hải.

Thật tình thì sự trợ giúp của Hoa Kỳ vô cùng quan trọng, nhưng khi thời ông Diệm và sau đảo chính Hoa Kỳ vẫn chưa có một chuẩn bị và cương quyết. Hoa Kỳ vẫn nghĩ chịu khó viện trợ nhiều tiền cho chúng ta thì chúng ta đỡ cơ cực và không có gì quan trọng hơn. Nhưng tâm sự và ý chí của người dân đất nước qua phân có khác, ý chí của người dân thù ghét nô lệ khác với điều Hoa Kỳ nghĩ.

Hoa Kỳ cũng không phải không biết nhưng có thể «bứt giây động rừng» như tình trạng Thúc Sinh. Thúc Sinh chỉ mong Thúy Kiều không bị hành hạ, cũng chẳng cưới nàng, chỉ đi lại với nhau trong bàn chính thức, Thúy Kiều nghĩ khác. Đối với người dân Việt nam, rất khó chịu thỉnh thoảng nghe những lời chúc tụng nhau của yếu nhân — mà mỗi bên thì hoài vọng khác nhau nhiều.

Hào hoa như Thúc Sinh, cứng như Từ Hải rất đáng quý nhưng đừng để «nửa đàng tan ghé» như họ. Bởi vì sợ «bứt giây động rừng» nên họ Thúc sau phải chạy ba bò sáu cẳng; bởi vì cứng rắn mà thiếu kế hoạch như Từ Hải nên chỉ chút kế mọn dù dài mà bị gãy như kẹo kéo Bắc kỳ.

Hoa kỳ không phải dễ dàng vượt qua được sự ràng buộc về chính trị cực kỳ tế nhị, cũng như những phiêu lưu kỳ thù

Trong cuộc chiến bây giờ, Hoa Kỳ chỉ có con đường giúp Việt nam bằng chiến lược mạnh, nhưng sự giúp đỡ có kế hoạch ăn khớp toàn

khối Tự Do chứ không thể chấp vá lâu nay mãi — Chúng ta phải nhận định những yếu điểm tâm lý sau đây :

— Một trăm năm nay dân Hoa kỳ chưa trực tiếp chịu tàn phá chiến tranh họ sung sướng quen rồi nên vì chuyện Việt nam mà bắt họ trực tiếp tham gia chiến tranh là điểm khó khăn cho chính phủ Hoa kỳ.

— Hoa kỳ có những đồng minh rất sợ sự choảng nhau giữa Hoa kỳ và Nga.

Chính vì thế mà Hoa kỳ cần phải có kế hoạch lâu dài, tiêu diệt và hòa giải được những khó khăn, nếu trên đường thi hành kế hoạch, có nước Đồng minh nào đưa ra yêu sách.

Tỉ dụ như Hoa kỳ đang oanh tạc đường tiếp tế và căn cứ quân sự địch nếu có nước nào bạn bè như Anh, Nhật chẳng hạn cau mày, biếng dung nham một chút mà chàng Hoa kỳ vội «ngiên cứu lại» thì rõ ràng bản tính Thúc Sinh với Từ Hải rồi đó.



Nếu nhiều người đã nhìn đoạn kết Kim Kiều tái ngộ là tầm thường thì nó vô cùng quan trọng trong thái độ của Nguyễn Du, trong tâm sự và luận đề của Nguyễn Du.

Tâm sự của tiên sinh phải được chú ý nhất, vì tiên sinh đã vượt qua biết bao nhiêu khó khăn để tỏ thái độ Nguyễn Du muốn nói, nhưng bước chân tù túng trong khuôn khổ sĩ phu : «văn sĩ tải đạo» trong thể chế phong kiến : phải ca ngợi quân quyền, trong nỗi khổ tâm về thể thái nhân tình. Tiên sinh đã vượt qua những trở lực bằng kế hoạch của thiên tài.

Tiên sinh kết tác phẩm có hậu, một phần theo lẽ cổ điển, nhưng đáng kể vẫn là hảo ý muốn tỏ thái độ hàn gấm và xây dựng kỳ được.

«Đoạn Trường Tàn Thanh» tức tác giả muốn nhắc lại cho người ta một khúc đoạn trường. Nhắc lại cho chúng ta giải trí thì không cần đoạn kết, nhưng trái lại, tác giả đã tha thiết phải tái hợp cho kỳ được; sau những đau thương, chia lìa, bất hạnh nhất định phải tìm nhau, phải tìm được ngày hạnh phúc.

Cái hảo ý kết luận có hậu phải được chia xẻ trong thâm tâm người Việt nam bây giờ. Đất nước chúng ta đau khổ đã nồng nàn, dân tộc ta chín muồi chưa xót, chúng ta dứt khoát tỏ thái độ với câu chuyện đoạn trường của quê hương chúng ta ; không ngoài hảo ý kết cấu có hậu.

Trong ý muốn đó, chúng ta đã nhận định được quá khứ của quê hương bị Thực dân lừa dối, hiện tại rơi trong những ràng buộc và rắc rối, quay cuồng. Và thế hệ chúng ta bây giờ chẳng sung sướng gì. Chúng ta không phải nhìn thấy chúng ta đề mà xót xa, đòi thụ hưởng,

Ngày trước, chàng Kim đi học điều làm cho âu sầu đó là ái tình mà thôi. Bây giờ nhiều lúc chúng ta chuẩn bị đọc một chồng sách giáo khoa cho hết trong một tháng trời, nhưng oái oăm thay đã hết 17, 18 đêm chứng kiến đánh nhau hay tam chọi xuống hầm trú ẩn. Rúc lên rúc

xuống trốn đạn nhiều lần một đêm như vậy thì đồ cậu học trò nào mà học được ?

Lứa tuổi chúng ta, có đứa chưa biết mặc quần thì chiến tranh đột khởi, có đứa hồi đó mới mấy tháng cha mẹ phải ẩn đi tản cư, có đứa thì đã qua nhiều đoạn hải kinh của làng xóm chạy tan, bom dội long trời. Cho nên mấy đứa qua Tây học, sờn gáy khi nghĩ chuyện đó nên ở lì bên ấy hoài cũng có lý !

Ngày trước, học đi làm quan, nếu hỏng đi thì ngày ngày làm khổ giữ con nít, mồm năm ba chữ. Ngày nay chúng ta phần đông chẳng ham thích đời bệ vệ của kẻ có chức quyền, mất tất cả tự do đi lại. Ngày nào mà trên xứ sở chúng ta những viên chức khiêm nhường như ông thôn trưởng, hội viên xã bị giặc hăm dọa mạng sống không biết kết liễu lúc nào thì ngày đó đồ ai thêm thường chức vụ nếu đừng có nợ cơm áo hối thúc.

Và chính vì muốn làm công chức mà đừng chống Cộng nên phần đông công chức đều cầu an tiêu cực. Có nhiều phòng làm việc 24g/24g một ngày vì thiếu người, trong khi có vô số người ngồi ngáp 3 ngày mới thấy cấp trên sai đánh máy một cái giấy phép hay chứng nhận.

Tôi rất ngần ngại đề viết lời giảng quốc văn cho thằng em lang bang thành bài này, nghĩ cũng không nên nói nhiều vì nói nhiều đôi khi làm cho người có trách nhiệm nghe không hết, nhất là trong giai đoạn cực kỳ khó khăn này, vô tình có thể gây hỗn loạn khắp nơi thì lợi đâu chưa thấy mà hại nhiều. Nhưng sợ mình không nói và người khác quên đi thì bao nhiêu tâm huyết còn ần mãi và cũng biết đâu sau này gặp chính quyền xấu bụng kiểm duyệt hết thì không có dịp. Vậy hôm nay nói được xin nói cái đã.

LÊ-ĐÌNH-PHẠM-PHÚ

HIỆN TÌNH VIỆT NAM

TRONG

NHÂN TUYẾN VIỆT KIỀU HẢI NGOẠI

Ông chủ nhiệm Văn-Học vừa cho tôi biết tập san này có một số độc giả ở ngoại quốc. Ông ấy có nhận được thư của độc giả hải ngoại tỏ vẻ áy náy về tình hình Việt-Nam. Về phần tôi, cũng nhận được từ tháng 8 năm ngoái mấy lá thư tương tự, ngoài ra trong chỗ quyển thuộc cũng có người được bà con hải ngoại thúc dục nên chạy nhanh sang Pháp.

Vì vậy, tôi xin có vài ý kiến sau đây trình bày với độc giả.

NGUYỄN-HỮU-DUNG

Các chính phủ Việt-Nam liên tiếp từ 12 năm nay — kể cả các chính phủ trong thời Bảo-đại — thường phàn nàn rằng nhiều du học sinh Việt-Nam « tự túc », sau khi tốt nghiệp, đã không chịu hồi hương để phụng sự trong nước. Kết quả là một sự phí phạm nhân lực và một tình trạng ngược nhiên. Trong khi quốc gia Việt-Nam phải nhờ sự viện trợ kỹ thuật — của các nước khác và phải tiếp đón nhiều chuyên viên ngoại quốc, thì chuyên viên Việt-Nam lại làm việc tại những quốc gia vẫn viện trợ kỹ thuật cho V.N. Nếu biết rõ số chuyên viên Việt-Nam hành nghề tại ngoại quốc thì có thể hiểu được những lời lẽ, một vài khi cay cú, của những nhà hữu trách Việt-Nam đã phàn nàn về thái độ không dứt khoát của những người trí thức hải ngoại, quá thờ ơ với trách nhiệm công dân của mình.

Đành rồi, phàn nàn và cay cú không phải là thượng sách, ấy là chưa kể rằng nhiều nhà hữu trách cũng reo gương xấu, vừa có quyền hành thì tức khắc cho con chạy trước sang Pháp, lấy có du học, và chính con những người ấy cũng không hối hươg sau khi tốt nghiệp.

Vấn đề phải đặt ra là tìm biết các lý do ngõ hầu nghiên cứu sửa đổi các khuyết điểm. Nói về sự kiện có nhiều người trí thức không chịu hối hươg, có nhiều lý do lắm, liên quan tới nhiều thứ. Chính vì vậy nên việc tìm kiếm một giải pháp hữu hiệu là một việc khó và chỉ có thể thực hiện được nếu có một chính sách chung liên tục, bó buộc mọi ngành hoạt động — kể cả ngành quân sự — phải thi hành trung trực. Muốn bảo vệ cho sự sống còn của tờ báo, trước những thế lực kiểm duyệt và luật lệ mà ngôn ngữ không được định nghĩa khúc triết, chưa thể đề cập tới tất cả các lý do.

Trong bài này chỉ xin nói tới những quan niệm sai lầm — những ý niệm sai lầm thì đúng hơn — của Việt - kiều hải ngoại liên quan tới tình hình chính trị của Việt-Nam và tình hình chiến tranh. Nhiều người Việt ở ngoại quốc tưởng như bây giờ trên đất Việt nam Cộng hòa không còn chút an ninh nào và không sớm thì chầy toàn thể lãnh thổ Việt Nam sẽ rơi vào vòng kiểm tỏa của Cộng Sản.

Đặc biệt từ tháng 8 năm 1964, nhiều người Việt Nam trú ngụ ở ngoại quốc, nhất là ở Pháp, và còn có gia đình tại Saigon, đã thúc dục bà con phải chạy nhanh. Những người ấy nghĩ thực rằng tình trạng Miền Nam suy sụp lắm rồi, chỉ còn ngày một ngày hai là sẽ bị Cộng sản thu hút. Vậy, những người ấy cũng nghĩ rằng xã hội Cộng sản là một thứ khó thở và không ai nên nghi oan cho họ là đã bị Cộng Sản huyền hoặc.

Những người ấy nghĩ rằng đồng bào trong quốc nội không hiểu rõ tình trạng Việt Nam bằng họ, vì lẽ tại Việt Nam báo chí bị kiểm duyệt nên loan tin một chiều, vì nhiều báo ngoại quốc bị cầm lưu hành tại Việt Nam.

Trước hết, những người ấy chỉ biết tin qua báo chí ngoại quốc và trong những cuộc thảo luận dựa vào tin tức do vài nhật báo lớn loan ra, không có dịp để đối chiếu với các sự thực. Sau nữa, tuy Việt Nam không nhận được đầy đủ báo chí ngoại quốc, và tuy phạm vi loan tin của các báo Việt Nam rất chật hẹp, nhưng ở Miền Nam

mọi người vẫn được tự do xử dụng máy thu thanh. Nhờ vậy, những người lưu tâm tới thời sự, không những nghe các đài Anh, Mỹ, Pháp, Úc, v.v.,... mà còn biết được cả tin của các nước Cộng sản, kể cả Trung Cộng và Bắc Việt. Ngoài ra, những người này có điều kiện để đối chiếu tin tức với các sự thực trong nước.

Nói về báo chí, trước hết có vấn đề nhận định tin tức. Mỗi người nhận định theo nhãn tuyến của mình. Ngoài vấn đề thành kiến, còn có vấn đề tâm lý. Người Âu Mỹ không cùng một tâm lý với người Việt Nam nên thường nhận định sai ý nghĩa của các sự việc Việt Nam nhất là các sự kiện thuộc về chính trị nội bộ. Do sự khác biệt tâm lý — kết quả tất nhiên của những nếp sống hoàn toàn khác nhau — không phải chỉ có ký giả ngoại quốc, mà là cả các chính khách ngoại quốc cũng có thể hiểu lầm thực trạng Việt Nam.

Tôi xin lấy một thí dụ điển hình. Hoa Kỳ đang cộng tác chặt chẽ với Việt Nam, và có tại Việt Nam mọi loại cơ quan. Ấy thế mà Hoa Kỳ vẫn nhận xét lầm. Chứng cứ là năm 1963, sau khi nhân dân Việt Nam đã thực sự chán ghét chế độ nhà Ngô tới cực điểm, Chính Phủ Hoa Kỳ vẫn tuyên bố ủng hộ ông Ngô Đình Diệm. Chứng cứ là sau khi nhân dân Việt Nam đã xuống đường để phản đối ông Nguyễn Khánh vì những manh tâm độc tài quân phiệt biểu lộ rõ ràng trong Hiến Chương Vũng Tàu, Chính Phủ Hoa Kỳ còn tuyên bố rằng ông Khánh là một người lỗi lạc « ngoại hạng » và Hiến Chương Vũng Tàu là một hiến pháp tốt. Chứng cứ là trong khi nhân dân Việt Nam đã quá hiểu các mưu mô kỳ thị địa phương (phân chia Nam Bắc) của tay chân ông Trần-văn-Hương—những mưu mô này đã đưa tới các tranh chấp tôn giáo và tất nhiên sẽ đưa tới sự thỏa hiệp với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chỉ là một tổ chức Việt Cộng trá hình — và nhân dân đã quả cảm xuống đường mặc dầu bị đàn áp, Chính Phủ Hoa Kỳ còn tuyên bố ủng hộ ông Hương !

Không phải chính Phủ Hoa Kỳ muốn chọc tức nhân dân Việt Nam, hoặc chủ trương làm ngược nhân dân V.N. để phô trương lực lượng đảng uồn nần cho thành ngoan ngoãn. Cũng không phải là Chính phủ Hoa Kỳ chỉ muốn có những chính phủ Việt Nam ngoan ngoãn. Sự thực, người Hoa-Kỳ không mong gì hơn là tình nội bộ Cộng Hòa Việt Nam chóng ổn định và chóng có một chính phủ được nhân dân ủng hộ.

Lý do là vì người Hoa Kỳ đã hiểu lầm các phản ứng của nhân dân Việt Nam, do nơi có một tâm lý khác biệt. Chính khách — có phận sự tìm biết sự thực để dùng làm căn bản cho việc nghiên cứu

các giải pháp quan trọng — còn lắm lỗ như vậy, thì hỏi rằng các ký giả — là những người không có trách nhiệm chính thức — còn có thể lắm lỗ tới mức nào? Đồng bào hải ngoại thử hỏi tưởng xem đã bao lần bị xáo xuyên vì tin báo chí, rồi rút cuộc chẳng có gì hết, thì thấy rõ.

Vấn liên quan tới báo chí, thói quen nghề nghiệp là tìm tin giật gân, trình bày một cách giật gân (*recherche du sensationnel*). Do thói quen này, ký giả có thể phóng đại một tin mà người trong cuộc coi thường.

Tôi xin lấy hai thí dụ. Thí dụ đầu là các vụ đặt chất nổ tại thủ đô Saigon. Trong khi báo chí ngoại quốc loan tin rầm rộ, làm như đời sống ở Saigon bị xáo trộn trầm trọng, nhân dân Việt-Nam vẫn thản nhiên, người nào làm việc của người đó, có thời giờ tới xem chơi. Các đảo chính quân sự xảy ra rất âm thầm trong những giờ đầu. Sau khi được biết tin, nhân dân Saigon đổ xô đi xem, nhiều khi không biết xem ở chỗ nào, chẳng ai lo sợ gì hết. Ấy thế mà báo chí ngoại quốc cho chạy tit thực lớn và bàn tán phóng đại khiến Việt-kieu ở ngoại quốc phải lo sợ cho bà con và viết thư hỏi thăm.

Thí dụ thứ hai là trận Bình-Giã. Khi trận này mới bắt đầu, nhiều báo ngoại quốc đã phê bình như là một «Điện-Biên-Phủ thứ hai». Nhiều người nhận được thư của bà con ở Pháp thúc dục chạy ngay sang Pháp. Trong khi ấy nhân dân Việt-Nam vẫn lo toan công việc thường nhật. Còn các người hiểu thời thế thì thấy rằng không thể nào có một Điện-Biên-Phủ thứ hai vì bốn lẽ.

Lẽ thứ nhất là trong những năm từ 1946 tới 1954, Pháp Quốc đánh nhau để đặt lại chế độ bảo hộ dưới một danh tính khác, vì vậy các người Việt-Nam sung vào Đoàn viễn chinh Pháp chỉ đánh lấy lệ, hoặc tự coi mình là lính đánh thuê, hoặc âm ức vì bị bó buộc. Bây giờ, một mặt sự can thiệp của Hoa-Kỳ có tính cách khác hẳn và Chính phủ Hoa-Kỳ luôn luôn long trọng nhắc lại lời cam kết sẽ rút khỏi Việt-Nam nếu Cộng-Sản đình chỉ xâm lăng, chứ không phải chỉ đòi điều đình để hứa suông song rồi lại nuốt lời. Một mặt khác, Quân Đội Việt-Nam thực sự do người Việt-Nam chỉ huy (chúng tôi không quên việc ông Đại Tướng Nguyễn-Khánh và ông ta cũng không cần Văn-Học bên vực. Chỉ xin nhắc lại rằng việc ông ta phổ biến một nhật lệnh và hợp báo để chống Hoa-Kỳ cuối tháng 12 năm 1964 là một việc không thể xảy ra trong thời có Đoàn viễn chinh Pháp ở Việt-Nam).

Lẽ thứ hai là khi trước Pháp phải xin viện trợ của Hoa-Kỳ. Báo Pháp và mấy quyển sách do tướng lãnh Pháp viết, đều xác nhận

rằng trong khi trận Điện-Biên-Phủ xoay chiều bất lợi, Pháp đã cử ngoại trưởng đi xin viện trợ của Hoa-Kỳ và Anh, nhưng hai đại cường này đã từ chối. Hai quốc gia này sợ mang tiếng là ủng hộ thực dân do nơi chính sách của Pháp không rõ rệt. (Sau khi Pháp rút lui, Hoa-Kỳ đã trực tiếp giúp Việt-Nam, nhờ vậy đã có ưu thế tại Việt-Nam. Có lẽ Pháp nghĩ rằng Hoa-Kỳ đã không giúp Pháp để Pháp phải thua rồi thay thế Pháp tại Việt-Nam nên mới cay cú với Hoa-Kỳ). Bây giờ Hoa-Kỳ là quốc gia cấp viện trợ, chứ không phải đi xin viện trợ như Pháp năm 1954.

Lẽ thứ ba là những cố gắng hiện tại của Hoa-Kỳ tại Việt-Nam chưa thấm thía vào đâu với khả năng sẵn có và tiềm tàng của Hoa-Kỳ. (Có người nhận xét rằng hiện giờ Việt-Nam còn ở thời kỳ chỉ dùng đồ thặng dư - surplus - tức là đồ thừa thãi của Hoa-Kỳ). Trên thực tế, Quân Đội Cộng-Hòa Việt Nam và các cố vấn quân sự của Hoa Kỳ vẫn tìm các bộ đội của Việt-Cộng để giao chiến, nhưng ngoài vài trận lớn như Bình-Giã, các toán quân du kích vẫn rút lui hoặc phân tán trước khi Quân Đội Quốc Gia tới. Nếu có một trận Điện-Biên-Phủ thứ hai, hay nhiều trận, thì điều đó đúng với ước vọng của Quân-Đội Việt-Nam, nhưng Việt-Cộng không đại đâu.

Lẽ thứ tư là Pháp đã triệt thoát khỏi Việt-Nam, không phải vì đã thua trận Điện-Biên-Phủ. Lý do chính là tình hình chính trị nội bộ của Pháp Quốc. Trong những năm từ 1952 tới 1954, tại Pháp đã có một phong trào đòi chấm dứt « chiến tranh bẩn thỉu » tại Việt-Nam, ngoài ra có vấn đề Algérie và một tình trạng kinh tế xấu. Điện-Biên-Phủ đã chỉ là một cớ để Pháp rút lui « trong danh dự ». (Mới đây báo chí đã đăng một tâm thư của một nhóm người Pháp sống ở Pháp, viết gửi Đại-Sứ Hoa-Kỳ tại Việt-Nam và yêu cầu Hoa-Kỳ đừng « phản trắc bạn bè » như Pháp đã làm năm 1954). Bây giờ tình hình Hoa-Kỳ không nát bét như Pháp hơn mười năm trước, và sau các vụ oanh tạc Bắc-Việt đa số nghị sĩ và báo chí Hoa-Kỳ ủng hộ chính sách của chính phủ Hoa-Kỳ tiếp tục chiến tranh chống Cộng tại Việt-Nam.

Cũng có người nói rằng tuy Hoa kỳ không nát bét nhưng tình hình nội bộ Việt-Nam nát quá, không sớm thì chầy thế nào Hoa-Kỳ cũng nản trí và rút lui. Trước hết, Hoa-Kỳ đã « nhúng » vào Việt-Nam quá sâu, không thể « trở mặt » được nữa. (Năm 1961, Hoa-Kỳ đã trở mặt tại Ai-Lao và hy sinh chính phủ Oum Boum để trung lập hóa Ai-Lao. Năm 1963 Hoa-Kỳ đã phải trở lại Ai-Lao để ngăn làn sóng đỏ.

Đôi với Việt-Nam, Hoa-Kỳ chưa trở mặt lần nào, và sau kinh nghiệm Ai-Lao, chắc hẳn Hoa-Kỳ không trở mặt, thỉnh thoảng Hoa-Kỳ bỏ rơi một vài chính khách lưu manh có hại cho chiến tranh chống Cộng, chứ không phải trở mặt với Việt-Nam). Sau nữa có vấn đề quyền lợi của Hoa-Kỳ mà VĂN-HỌC (1) đã phân tích.

Đề bảo vệ quyền lợi gần gũi và xa xôi, Hoa-Kỳ không thể nản trí vì các rối ren nội bộ của Việt-Nam, chúng có rằng tình hình Việt-Nam đã nhiều lần rối ren trong một năm trời. Hoa-Kỳ có dám nản trí đâu? (Trong Văn học số 29 phát hành ngày 1-12-64, chúng tôi đã trình bày các lý do lục đục của Việt-Nam, và đã phát biểu ý kiến rằng Hoa-Kỳ sẽ không nản trí. Trên thực tế, thái độ chống Cộng ngày càng thêm cứng rắn của Hoa-Kỳ đã xác nhận lời dự đoán của chúng tôi).

Lại có người nói rằng nếu Hoa-Kỳ thắng được Việt-Cộng thì Việt-Nam sẽ bị Hoa-Kỳ đô hộ. Trong Văn học số 30, chúng tôi đã trình bày những lý lẽ khách quan và chứng minh rằng Việt-Nam lâm vào cảnh «bó buộc phải độc lập». Nếu Việt-Nam rơi vào quỹ đạo Cộng-Sản thì không bao giờ các cường quốc Tây-Phương chịu (Vì lý do quyền lợi). Nhưng nếu Hoa-Kỳ đô hộ Việt-Nam thì không những người Việt-Nam không chịu, Trung-Hoa cũng sẽ không chịu và sẽ đánh mãi, dù là Trung-Hoa Quốc Gia hay Trung-Hoa Cộng-Sản (cũng vì lý do quyền lợi). Chỉ có một cách là củng cố nền độc lập của Việt-Nam, vì lẽ một quốc gia Việt-Nam độc lập không đe dọa được Trung Hoa hay các đường hàng hải của Tây-phương tại các bể Miền Nam Thái-Bình-Dương. (Chúng tôi công nhận rằng có những chuyên viên Hoa-Kỳ thiếu tế nhị, nói năng sỗ sàng, và những cách thức làm việc của người Hoa-Kỳ quá chặt chẽ, thích căn vặn. Nhưng đó chỉ là những trường hợp lẻ tẻ mà nguồn gốc là sự khác biệt tâm lý, hai bên đều có lỗi, chứ không phải là kết quả của một chính sách thực dân còn che đậy).

Vì những lý do địa dư và lịch sử mà chi tiết đã trình bày trong Văn-Học số 30 rồi, Việt-Nam đã thành ra một chiến địa, và chiến tranh còn có thể kéo dài. Vấn đề đặt ra cho Việt-Nam là làm thế nào để biến thế « nạn nhân thời cuộc » thành thế « thủ lợi nhân » giữa hai khối quyền lợi trái ngược nhau (Văn-Học số 32). Vì lẽ ấy, người Việt-Nam nào cũng ao ước có một chánh phủ hữu năng để thực sự sử dụng quyền « dân tộc tự quyết » mà không ai chỗi cãi cả. Hiện giờ ao ước ấy chưa có dấu hiệu rõ

(1) Văn-Học số 25 và 29 tháng 10 và 11/65

ràng được thỏa mãn. Nhưng đó không phải là một lẽ dễ mất tin tưởng, và dễ bị thời trí bởi các bài phê bình phóng đại của báo chí ngoại quốc.

Riêng đồng bào ở Pháp không nên nghĩ rằng Hoa-Kỳ không thể thắng ở chỗ Pháp đã bại. Lập luận thiên lệch ấy đã sao lãng các sự thực, không phải chỉ là sự thực của Việt-Nam mà báo chí và một số chính khách Pháp đã nhận định sai, theo một nhãn tuyến đặc biệt và những luận điệu hàm hồ phóng đại.

Chúng tôi không nói rằng tình trạng Việt-Nam Cộng-Hòa hoàn toàn tốt đẹp. Trái lại, chỉ có tình hình quân sự là không xấu thôi. Chúng tôi chỉ muốn nói rằng ta không có lý do nản trí, các tương quan quốc tế không cho phép Cộng-Sản Á Đông thắng ở Việt-Nam đâu. Còn việc đi nước khác để tìm công ăn việc làm, thì đó là một chuyện khác, nên suy nghĩ về phương diện kinh tế chứ không phải chính trị hay quân sự.

NGUYỄN-HỮU-DUNG

Vụ Án Truyện Kiều

THANH-LĂNG

PHẠM-QUỲNH

CHÚNG ta biết từ ngày có Đông Dương tạp chí mà nhất là Nam Phong tạp chí ra đời, Phạm-Quỳnh không bỏ một cơ hội nào mà không tranh đấu cho Quốc văn : nào là bênh vực nó, nào là ca ngợi nó, đặt nó ngang hàng với nhiều tiền văn học mà ông muốn đưa ra đó là truyện Kiều. Bởi vậy, hễ có dịp là ông không tiếc lời ca tụng Kiều. Theo Phạm Quỳnh, tình thế đương thời không có gì bi quan tuyệt vọng là vì «truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn.»

Do sáng kiến của Phạm-Quỳnh và Đông Dương tạp chí cũng như Nam Phong tạp chí, cả một phong trào suy tôn Kiều ra đời : người ta đọc Kiều, dịch Kiều, chú thích Kiều diễn thuyết về Kiều, làm lễ truy điệu tác giả Kiều... Đáng chú ý hơn cả có lẽ là bài nghiên cứu của Phạm Quỳnh về Kiều năm 1919 dài hơn 60 trang (1). Bài này chúng ta đã có dịp nói đến khi nghiên cứu về Phạm-Quỳnh, nhà phê bình. Đại ý bài này là minh chứng truyện Kiều, về mọi phương diện, xứng đáng gọi là một kỳ công kiệt tác không riêng gì của Việt Nam mà của cả nhân loại. Truyện Kiều làm vinh quang cho cả dân tộc. Chúng ta sẽ ghi chú những đoạn Phạm-Quỳnh ca tụng Kiều hơn cả trong bài này. Đây là những điều quả quyết của Phạm-Quỳnh về Kiều :

1 — Kiều là cuốn sách được tôn sùng hơn hết

Phạm-Quỳnh minh chứng trên thế giới này không đâu có cuốn sách nào được người ta đọc nhiều, ham nhiều, tôn sùng bằng Kiều :

« cf trích trang 92 và 73 của đoạn A » (2)

(1) Nam-Phong số 30, tháng Décembre 1919 P 480-500.

(2) Phạm-Quỳnh, Thượng chí văn tập III trang 92-93

2 — *Kiều là cuốn sách cao thượng hơn hết*

Kiều không những được người ta tôn sùng vì nó hay mà nhất là vì nó là cuốn sách cao thượng hơn cả : « không đâu có quyển sách nào vừa cao thượng đủ cảm được người học thức, vừa giản dị đủ cảm được kẻ bình thường như truyện Kiêu vậy » (1)

3 — *Tác giả Kiêu đáng được toàn quốc tôn thờ*

Nói về Nguyễn-Du, Phạm-Quỳnh viết :

« Một người đã có công với quốc văn như cụ thật đáng lưu danh thiên cổ, và đang cho quốc dân sùng phụng muôn đời như một ông thánh trong nước vậy » (2)

4 — *Truyện Kiêu và tác giả truyện Kiêu sẽ bất diệt*

Mà lòng sùng mộ Kiêu, lòng yêu mến Nguyễn-Du không phải là tình cảm nhất thời : Kiêu và Nguyễn-Du sẽ bất diệt : « cf trích đoạn A trang 122 và 123 » (3)

5 — *Văn chương truyện Kiêu, tài tình, kiệt tác nhất*

Xét về phương diện văn chương, Kiêu không những hơn hết thấy các sách ở Việt Nam mà ngay đến Trung-Hoa cũng không có áng văn nào hoa mỹ bằng :

« Trích cả đoạn A trang 127, 128, 129 » (4)

6 — *Nhân vật trong thế giới truyện Kiêu sống động như thực*

Phạm-Quỳnh đã đem Kiêu mà so sánh với truyện quốc tế, và quả quyết nghệ thuật sáng tạo của Nguyễn-Du không thua kém nhà văn nào trên thế giới : « Trích cả đoạn A 142, 143, 144 » (5)

Phạm-Quỳnh cực tán Kiêu đã hạ những lời nhiều khi có hơi to tát và đôi khi có vượt ra ngoài phạm vi nghệ thuật mà bước sang phạm vi đạo đức, cho Kiêu là một gương tiết nghĩa.

Nhưng xét chung, ông vẫn chỉ là một nhà nghệ sĩ đứng trước một tác phẩm nghệ thuật. Những lời ông phê bình Kiêu chẳng qua cũng chỉ là những xúc cảm mãnh liệt của ông khi đọc Kiêu. Tiêu chuẩn gợi nên những xúc cảm cũng là những nguyên tắc giáo điều, cổ điển. dựa theo khoa tu tri học cổ điển Tây phương.

VŨ-ĐÌNH-LONG

Sau khi Phạm-Quỳnh bàn về Kiêu trên Nam Phong năm 1919, thì vắng hẳn đi một thời gian mấy năm từ 1919 đến 1923. Nhưng từ 1923

(1) Phạm-Quỳnh, T.C.V.T. III. 93

(2) Phạm-Quỳnh, T.C.V.T. III. p 121

(3) Phạm-Quỳnh, T.V.C.T. III. q 122-123

(4) Phạm-Quỳnh, T.C.V.T. III p 127-129

(5) Phạm-Quỳnh, T.C.V.T. III p 142-144

trở đi, tự nhiên một phong trào khai thác Kiều rầm rộ. Riêng Vũ-Đình-Long, một giáo học trường Pháp-Việt Hà-Dông có ba bài nghiên cứu dài rộng về truyện Kiều đăng liên tiếp trong gần mười số Nam-Phong.

1 — Nhân vật truyện Kiều

Bài thứ nhất đề là « Nhân vật truyện Kiều » đăng trong Nam Phong các số 68, 69, 70 bắt đầu từ Février 1923 trở đi.

Qua thiên khảo cứu dài mấy chục trang đó, Vũ-đình-Long cứ tuần tự theo các tình tiết trong câu truyện mà bàn bạc về hành vi, tính tình từng vai truyện với những lời khen chê. Cũng như Phạm-Quỳnh, Vũ-đình-Long đã cực tán Kiều không những về đường văn chương mà cả về đường đạo đức luân lý nữa. Đây ta nghe mấy lời phát đoan của ông :

« Truyện Kim vân Kiều là một thiên tiểu thuyết kiệt tác của Nguyễn-Du tiên sinh, viết bằng văn vần, là một nền văn chương bất hủ, hay nhất của nước chúng ta. Khắp người nước ta, từ bác xã cày sâu cuốc bẫm cho chí nhà văn học vạn quyền thiên kinh, từ chị hàng rau cục kịch cho chí người khuê các phong tao, ai cũng ưa đọc truyện Kiều, ai cũng thích ngâm truyện Kiều. Xét những bộ tiểu thuyết tuyệt bút của các nước thường không có được cái tính cách phổ thông, mà những bộ tiểu thuyết phổ thông được trong dân gian, thời không phải là nền văn chương có giá trị mỹ thuật.

Vì sao vậy ? Vì cái sở thích của những người ít học là ở những câu truyện rắc rối, rườm rà, lắm việc bi thương, huyền hoặc, náo động, chứ đến những tiểu thuyết cốt cách tầm thường, chủ não rõ rệt, thuật ít tả nhiều, tả cảnh, tả tâm lý, chứa chan tư tưởng, dồi dào ngụ ý, thì họ chê là nhạt, là tẻ, là buồn. Mà nhạt, mà tẻ, mà buồn cho họ thật, vì họ có biết thưởng giám đâu đến những chỗ cực tả bức chân, những tư tưởng uyên áo, những ngụ ý cao xa. Tài tình thật ! Đến Tiên diên tiên sinh thì tài tình thật ! Truyện Kiều của tiên sinh thì khắp các hạng người trong xã hội ta đọc, mỗi người hiểu một cách, mỗi người ưa một đoạn, nhưng ai đọc đến truyện Kiều cũng đều công nhận là một truyện hay đến cực điểm... Cái hay của truyện Kiều tuy ở văn chương cũng nhiều thực, nhưng lời văn đẹp, câu thơ giòn chẳng qua mới là bộ áo khoác bên ngoài, nếu truyện Kiều hay chỉ ở có đấy thôi thì cái giá trị đâu có được lớn lao như thế, cái ảnh hưởng đâu có được sâu xa như thế ? Truyện Kiều sở dĩ được cùng với non sông thọ trường là vì tác giả có cái tài sáng tạo ra nhân vật, nghĩa là nhân vật của truyện Kiều sinh hoạt hết như thực, ngôn ngữ cử chỉ của người nào trong truyện Kiều cũng hợp với cái tâm lý người ấy, Nguyễn-Du tiên sinh là một nhà am hiểu nhân tình thế thái, trông suốt gan ruột người đời một cách sâu xa mật thiết, không những tiên sinh biết.

« Đau lòng vì những điều trông thấy » mà tiên sinh lại có tài thuật

lại những cái tiên sinh trông thấy, khiến cho người nghe tiên sinh cũng phải đau lòng, cũng phải cau mày rơi lụy » (1)

Phê bình về thân thể nàng Kiều, Vũ-Đình-Long viết : « ký giả càng chỉ trích cái lòng say mê của cô Kiều đối với cậu Kim bao nhiêu, thì nay lại càng phục, càng khen cái lòng quên tình vì hiếu của cô bấy nhiêu. Cái nét của cô lẳng, cái tình của cô thâm, cái lòng say mê càng mạnh thì cái chí báo hiếu của cô càng khó, cái cuộc chiến đấu trong lòng cô trước khi quyết làm nghĩa vụ càng kịch liệt.

Duyên hội ngộ, đức cù lao

Chữ tình chữ hiếu bên nào nặng hơn ?

Thế mà cô cả quyết bán mình chuộc tội cho cha thì cô khi khái cao thượng biết là bao nhiêu ? Đáng thương thay, đáng chú trọng thay, người hiếu nữ » (2).

2 — Bài « Triết lý và luân lý truyện Kiều » (3).

Sau khi khen nhân vật truyện Kiều, Vũ-đình-Long lại hùng hồn biện hộ cho triết lý và luân lý truyện Kiều. Phần đầu tác giả phân tích và xác định triết lý truyện Kiều mà ông cho là đồng nhất với tâm lý truyện Kiều. Phần thứ hai ông bác bỏ các lý do người ta viện ra để kết án luân lý truyện Kiều : « Ta xem thế thì biết cái tâm lý cụ Nguyễn-Du, cái triết lý truyện Kiều là một cái gương sáng sủa vô cùng, lưu truyền đến thiên cổ cho người đời soi chung.

Cái triết lý truyện Kiều cao bao nhiêu, thì luân lý truyện Kiều cao bấy nhiêu. Cụ Nguyễn-Du đem tâm sự riêng của mình bộc bạch với non sông, mà thành ra cụ dạy đời cái đạo thờ vua giúp nước, cái cách vợ thờ chồng, con thờ cha, cái cách làm người ở đời cho xứng đáng... Cái luân lý cao quý vô cùng ấy, thực là lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu, ta nên thấp hương cảm tạ cụ mà kính lĩnh đem ra thực hành. » (4)

3 — Bài « văn chương truyện Kiều » (5).

Đó là một bài Vũ-đình-Long phân tích truyện Kiều rất tỉ mỉ. Bài này chia làm chín đoạn : trừ đoạn đầu để phân chia và toát lược câu truyện, tám đoạn sau đều dành cho việc nghiên cứu giá trị truyện Kiều mà ở đâu Vũ-đình-Long cũng hạ những câu cực tán.

(1) Nam Phong 68, Février 1923 p. 127-128.

(2) Nam Phong, số 68, Février 1923 p. 133

(3) Nam Phong, số 71, Mai 1923 p. 420-423

(4) Nam Phong, số 71, Mai 1923 p. 421-422

(5) Nam Phong, số 81, 83, 85, 87.

— Đoạn II bàn tổng quát về giá trị truyện Kiều, Vũ-đình-Long viết : « Đọc một bộ tiểu thuyết của Tàu hay của ta, thường nhận được rằng không phải một truyện mà nhiều chuyện hợp nên, hoặc là một truyện chính mà có rất nhiều truyện lật vạt không quan thiết gì đến chủ não truyện chính, cái đó là vì tác giả trước khi kết cấu không định trước chủ não vậy... Cái đặc sắc của truyện Kiều là có chủ não, là bao nhiêu việc đều quay về cái chủ não ấy. Chủ não đã là chữ tình hy sinh cho chữ hiếu thời bao nhiêu việc trước sau chỗ hy sinh đó đều là việc khiến cho độc giả ai cũng phải hết lòng thương vì hiếu quên tình, mà đến cả chỗ kết cục đoàn viên cũng là thuộc về chủ não truyện Kiều vì Kim Kiều đoàn tụ há chẳng phải là cái phần thưởng đích đáng cho người hiếu nữ ư ? » (1)

« Nói tóm lại, thời cái bí thuật của cụ Nguyễn Du là bao nhiêu hành động, bao nhiêu cảnh ngộ, bao nhiêu việc vặt, bao nhiêu tính tình... đều liên tiếp, ràng buộc nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, một cách rất tự nhiên mà đến cái hứng vị câu truyện thời dự bị sẵn, giữ gìn khéo, có khi hồ lửng lơ, có khi cho đột ngột, chủ đích làm cho cái hứng vị ấy từ đầu đến cuối truyện cứ tuần tự mà tăng tiến vậy » (2).

— Đoạn III « bàn về bút pháp » tức là đoạn Vũ đình Long phê bình về tài nghệ của Nguyễn Du trong việc dùng tiếng một cách tài tình kỳ diệu.

— Đoạn IV bàn về « văn tự sự », Vũ đình Long viết : « Văn tự sự truyện Kiều bao giờ cũng rõ ràng, hoạt bát, nhanh nhẹn, lời ý đủ, nghe qua hiểu ngay. Văn như thế mà vẫn đậm đà êm ái, vẫn kêu, vẫn vui, vì cụ Nguyễn Du khéo thay đổi đặt câu, khi chêm câu hỏi, khi sen lời cảm thán » (3)

— Đoạn V bàn về « văn vắn đáp ». Vũ-đình-Long cũng cực tán như sau : « Người có ngôn ngữ, có cử chỉ, ngôn ngữ cử chỉ là tiêu biểu sự sinh hoạt của người ta. Bởi vậy cho nên, tiểu thuyết đã là hình dung cuộc đời, tất phải dùng đến văn vắn đáp thời mới giống sự thực. Đọc truyện đến chỗ có văn vắn đáp thì độc giả như trông thấy hoạt cảnh mà nghe những người trong truyện, vắn đáp nhau như thực. Tiểu thuyết nhờ văn vắn đáp mà có vẻ hoạt động vậy. Nhưng văn vắn đáp ấy phải thích hợp với tình ý trong câu truyện, với thể tài câu văn, mà ngôn ngữ của hạng người nào hợp với tư cách, trình độ của hạng người đó. Văn vắn đáp truyện Kiều thời thật có đủ bấy nhiêu tính cách vậy » (4).

— Đoạn VI bàn về « văn tả người » Vũ đình Long phân tích nét bút của Nguyễn Du mà ông cho là tài tình là vì cùng một nét bút mà cụ tả

(1) Nam Phong số 81, trang 216

(2) Nam Phong số 81 trang 217.

(3) Nam Phong số 83 trang 422

(4) Nam Phong số 85 trang 56

— Đoạn II bàn tổng quát về giá trị truyện Kiều, Vũ-đình-Long viết : « Đọc một bộ tiểu thuyết của Tàu hay của ta, thường nhận được rằng không phải một truyện mà nhiều chuyện hợp nên, hoặc là một truyện chính mà có rất nhiều truyện lật vạt không quan thiết gì đến chủ não truyện chính, cái đó là vì tác giả trước khi kết cấu không định trước chủ não vậy... Cái đặc sắc của truyện Kiều là có chủ não, là bao nhiêu việc đều quay về cái chủ não ấy. Chủ não đã là chữ tình hy sinh cho chữ hiếu thời bao nhiêu việc trước sau chỗ hy sinh đó đều là việc khiến cho độc giả ai cũng phải hết lòng thương vì hiếu quên tình, mà đến cả chỗ kết cục đoàn viên cũng là thuộc về chủ não truyện Kiều vì Kim Kiều đoàn tụ há chẳng phải là cái phần thưởng đích đáng cho người hiếu nữ ư ? » (1)

« Nói tóm lại, thời cái bí thuật của cụ Nguyễn Du là bao nhiêu hành động, bao nhiêu cảnh ngộ, bao nhiêu việc vặt, bao nhiêu tính tình... đều liên tiếp, ràng buộc nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, một cách rất tự nhiên mà đến cái hứng vị câu truyện thời dự bị sẵn, giữ gìn khéo, có khi hồ lửng lơ, có khi cho đột ngột, chủ đích làm cho cái hứng vị ấy từ đầu đến cuối truyện cứ tuần tự mà tăng tiến vậy » (2).

— Đoạn III « bàn về bút pháp » tức là đoạn Vũ đình Long phê bình về tài nghệ của Nguyễn Du trong việc dùng tiếng một cách tài tình kỳ diệu.

— Đoạn IV bàn về « văn tự sự », Vũ đình Long viết : « Văn tự sự truyện Kiều bao giờ cũng rõ ràng, hoạt bát, nhanh nhẹn, lời ý đủ, nghe qua hiểu ngay. Văn như thế mà vẫn đậm đà êm ái, vẫn kêu, vẫn vui, vì cụ Nguyễn Du khéo thay đổi đặt câu, khi chêm câu hỏi, khi sen lời cảm thán » (3)

— Đoạn V bàn về « văn vắn đáp ». Vũ-đình-Long cũng cực tán như sau : « Người có ngôn ngữ, có cử chỉ, ngôn ngữ cử chỉ là tiêu biểu sự sinh hoạt của người ta. Bởi vậy cho nên, tiểu thuyết đã là hình dung cuộc đời, tất phải dùng đến văn vắn đáp thời mới giống sự thực. Đọc truyện đến chỗ có văn vắn đáp thì độc giả như trông thấy hoạt cảnh mà nghe những người trong truyện, vắn đáp nhau như thực. Tiểu thuyết nhờ văn vắn đáp mà có vẻ hoạt động vậy. Nhưng văn vắn đáp ấy phải thích hợp với tình ý trong câu truyện, với thể tài câu văn, mà ngôn ngữ của hạng người nào hợp với tư cách, trình độ của hạng người đó. Văn vắn đáp truyện Kiều thời thật có đủ bấy nhiêu tính cách vậy » (4).

— Đoạn VI bàn về « văn tả người » Vũ đình Long phân tích nét bút của Nguyễn Du mà ông cho là tài tình là vì cùng một nét bút mà cụ tả

(1) Nam Phong số 81, trang 216

(2) Nam Phong số 81 trang 217.

(3) Nam Phong số 83 trang 422

(4) Nam Phong số 85 trang 56

— Đoạn II bàn tổng quát về giá trị truyện Kiều, Vũ-đình-Long viết : « Đọc một bộ tiểu thuyết của Tàu hay của ta, thường nhận được rằng không phải một truyện mà nhiều chuyện hợp nên, hoặc là một truyện chính mà có rất nhiều truyện lật vạt không quan thiết gì đến chủ não truyện chính, cái đó là vì tác giả trước khi kết cấu không định trước chủ não vậy... Cái đặc sắc của truyện Kiều là có chủ não, là bao nhiêu việc đều quay về cái chủ não ấy. Chủ não đã là chữ tình hy sinh cho chữ hiếu thời bao nhiêu việc trước sau chỗ hy sinh đó đều là việc khiến cho độc giả ai cũng phải hết lòng thương vì hiếu quên tình, mà đến cả chỗ kết cục đoàn viên cũng là thuộc về chủ não truyện Kiều vì Kim Kiều đoàn tụ há chẳng phải là cái phần thưởng đích đáng cho người hiếu nữ ư ? » (1)

« Nói tóm lại, thời cái bí thuật của cụ Nguyễn Du là bao nhiêu hành động, bao nhiêu cảnh ngộ, bao nhiêu việc vật, bao nhiêu tính tình... đều liên tiếp, ràng buộc nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, một cách rất tự nhiên mà đến cái hứng vị câu truyện thời dự bị sẵn, giữ gìn khéo, có khi hồ lửng lơ, có khi cho đột ngột, chủ đích làm cho cái hứng vị ấy từ đầu đến cuối truyện cứ tuần tự mà tăng tiến vậy » (2).

— Đoạn III « bàn về bút pháp » tức là đoạn Vũ đình Long phê bình về tài nghệ của Nguyễn Du trong việc dùng tiếng một cách tài tình kỳ diệu.

— Đoạn IV bàn về « văn tự sự », Vũ đình Long viết : « Văn tự sự truyện Kiều bao giờ cũng rõ ràng, hoạt bát, nhanh nhẹn, lời ý đủ, nghe qua hiểu ngay. Văn như thế mà vẫn đậm đà êm ái, vẫn kêu, vẫn vui, vì cụ Nguyễn Du khéo thay đổi đặt câu, khi chêm câu hỏi, khi sen lời cảm thán » (3)

— Đoạn V bàn về « văn vắn đáp ». Vũ-đình-Long cũng cực tán như sau : « Người có ngôn ngữ, có cử chỉ, ngôn ngữ cử chỉ là tiêu biểu sự sinh hoạt của người ta. Bởi vậy cho nên, tiểu thuyết đã là hình dung cuộc đời, tất phải dùng đến văn vắn đáp thời mới giống sự thực. Đọc truyện đến chỗ có văn vắn đáp thì độc giả như trông thấy hoạt cảnh mà nghe những người trong truyện, văn đáp nhau như thực. Tiểu thuyết nhờ văn vắn đáp mà có vẻ hoạt động vậy. Nhưng văn vắn đáp ấy phải thích hợp với tình ý trong câu truyện, với thể tài câu văn, mà ngôn ngữ của hạng người nào hợp với tư cách, trình độ của hạng người đó. Văn vắn đáp truyện Kiều thời thật có đủ bấy nhiêu tính cách vậy (4).

— Đoạn VI bàn về « văn tả người » Vũ đình Long phân tích nét bút của Nguyễn Du mà ông cho là tài tình là vì cùng một nét bút mà cụ tả

(1) Nam Phong số 81, trang 216

(2) Nam Phong số 81 trang 217.

(3) Nam Phong số 83 trang 422

(4) Nam Phong số 85 trang 56

Đồng nhân bàn định mở cuộc diễn thuyết, ngâm thơ, ca nhạc, đó là theo lối mới, lại định trưng dâng kết thể, bày hương án, đặt đỉnh trầm, đó là giữ lễ cổ. Cử ông Phạm-Quỳnh và ông Trần-Trọng-Kim diễn thuyết ông Nguyễn-đôn-Thục soạn một bài ca kỷ niệm còn các đồng nhân thời mỗi người giúp một phần vào việc tổ chức. Lại viết thư cho rạp hát Sáo-nhiên-đài xin mượn kếp Thịnh và đào Tuất là hai người kể truyện Kiều có tiếng hay. Về việc trưng bày sắp đặt thời nhờ được ông Nguyễn Thành là phó Hội-đồng công quán Khai trí, có tài xếp đặt khéo, mỗi khi trong hội có bày cuộc gì cũng có ông chủ trương cả. Lại định sẽ làm ngoài sân cho rộng, vì bữa ấy thiên hạ đến xem chắc đông. Mười lăm ngày trước, chương trình đã nhất định đem ra trình với Hội-đồng Tri-sự hội Khai-trí, hội đồng đều duyệt y cả. Chương trình như sau :

1) Ông Phạm-Quỳnh thay lời văn-học ban diễn thuyết về mục đích cuộc kỷ niệm.

2) Ông Phạm-Quỳnh diễn thuyết bằng tiếng Pháp cho hội viên Tây nghe.

3) Ông Trần-Trọng-Kim diễn thuyết về lịch sử cụ Tiên-Điền và văn chương truyện Kiều.

5) Kếp Thịnh và đào Tuất kể truyện Kiều.

5) A đào hát bài ca kỷ-niệm của ông Nguyễn-đôn-Thục soạn.

Hết mỗi hồi, có âm nhạc Ich-lạc giúp đánh đàn thổi sáo.

Bài diễn văn bằng quốc văn của

PHẠM-QUỲNH

Trong ngày kỷ niệm Nguyễn-Du, Phạm-Quỳnh đã đọc 2 bài diễn văn, một Việt, một Pháp, nhưng, về nội dung, chỉ có bài bằng tiếng Việt là quan trọng, vì chính nó gây nên cái vụ án truyện Kiều, chính nó sẽ bị Ngô-Đức-Kế đem ra mổ xẻ một cách chua cay.

Bài diễn văn của Phạm-Quỳnh thực là một bài cực tán Kiều với những lý luận hoàn toàn độc đoán giáo điều.

Qua bài diễn văn này, Phạm-Quỳnh minh chứng giá trị tuyệt vời kỳ diệu của Kiều ở ba điểm :

a) Thứ nhất Kiều giá trị vì Kiều là cuốn sách được toàn quốc yêu mến, ham thích :

«Hiện nay suốt quốc dân ta, trên từ hàng thương lưu học thức, dưới đến kẻ lam lũ làm ăn. bất cứ già trẻ, lớn bé, đàn ông, đàn bà ai ai cũng biết truyện Kiều, ai ai cũng kể truyện Kiều, ai ai cũng ngâm Kiều, như vậy ai ai cũng đều hưởng cái công nghiệp của cụ Tiên-Điền ta, ai ai cũng nhớ ngày giỗ Cụ và nghĩ đến cái ơn của Cụ tác thành cho tiếng nước nhà» (1)

b) Thứ hai truyện giá trị vì nó liên hệ mật thiết đến vận mệnh của cả một dân tộc :

Phạm-Quỳnh giả sử nếu không có Kiều, thì văn học Việt-Nam hoàn toàn trống rỗng : « Muốn cảm cái ơn ấy cho đích đáng hẳn thử giả thiết cụ Tiên-Điền không xuất thế, cụ Tiên-Điền có xuất thế, mà quyền truyện Kiều không xuất thế, quyền truyện Kiều có xuất thế mà vì có gì không lưu truyền, thời tình cảnh tiếng An-nam đến thế nào, tình cảnh dân tộc đến thế nào ? » (1)

Phạm-Quỳnh cho Kiều là bộ sách thánh của cả một dân tộc : « Văn chương người ta thiên kinh vạn quyển đâu có thiếu mất một quyển chẳng hại gì. Văn chương mình chỉ độc có một quyển, vừa là kinh vừa là truyện vừa là Thánh thư Phúc âm của cả một dân tộc vì lại khuyết mất thì dân tộc ấy đến thế nào » (2)

— Phạm-Quỳnh cho rằng Kiều là niềm tin tưởng, là tang chứng hùng hậu nhất để bảo đảm sự tồn vong của dân tộc :

« Than ôi ! mỗi lần nghĩ tới mà không khỏi rung mình, chột dạ, sửng sốt, rụng rời, tưởng như hòn ngọc ở trên tay bỗng rơi xuống vỡ tan tành vậy. Rồi mới tỉnh ra, sức nhớ đến mấy câu Kiều, vỗ bàn đập ghế, gõ díp rung đùi, lên giọng cao ngăm :

Lơ thơ lơ liễu buông mình,

Con Oanh học nói trên cành mĩa mai,

Bỗng thấy trong lòng vui vẻ, trong dạ vững vàng, muốn nhảy muốn múa muốn reo muốn hò, muốn ngao nghê với non sông mà tự phụ với người đời rằng : truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn nước ta còn, có gì mà lo, có gì mà sợ, có điều chi nữa mà ngờ ! » (3)

« Truyện Kiều biểu hiệu tất cả tinh hoa của non sông đất nước : « Có nghĩa xa xôi, cho thăm thía, mới hiểu rằng truyện Kiều đối với vận mệnh nước ta có một cái quý giá vô ngần.

« Một nước không thể không có quốc hoa, truyện Kiều là quốc hoa của ta; một nước không thể không có quốc túy truyện Kiều là quốc túy của ta; một nước không thể không có quốc hồn truyện Kiều là quốc hồn của ta » (4)

Hơn thế nữa người viết Nam mới chỉ là người Việt Nam hoàn toàn, mới đích thực đóng vai chủ nhân ông ở xã hội này từ khi có truyện Kiều, chứ trước khi có Kiều, ta vẫn còn bị coi là khách trên giải đất này : « truyện Kiều là cái « văn tự » của giống nòi Việt Nam ta đã « trước bạ » với non sông đất nước này. Trong mấy ngàn năm ta chôn rau cắt rốn, gửi thịt gửi xương ở đất này, mà vẫn hình như một giống ăn trọ ở nhờ.

(1) Nam-Phong, số 86 trang 9

(2) Nam-Phong, số 86 trang 9

(3) Nam Phong, số 86 trang 91

(4) Nam Phong, số 86 trang 91

đối với đất nước non sông vẫn chưa từng có một văn tự văn khế phân minh, chứng nhận cho ta cái quyền chính đáng. Mãi đến thế kỷ mới rồi mới có một *đăng quốc sử*, vì nòi giống, vì đồng bào, vì tổ tiên, vì hậu thế, rõ máu làm mực «tá tả» một thiên văn khế tuyệt bút, khiến cho giống An nam được công nhiên, nghiêm nhiên, rõ ràng đích đáng làm chủ-nhân-ông một cõi sơn hà gấm vóc». (1)

c) *Giá trị truyện Kiều so sánh với văn học thế giới.*

— So sánh với Trung-hoa, Kiều không thua kém mà còn có phần khởi sắc hơn: «Văn chương Tàu thật là mệnh mông bát ngát như bể như rừng. Nhưng trong rừng văn bể sách, tưởng cũng ít quyền sách sánh được với truyện Kiều, mà xét cho kỹ không có sách nào giống như truyện Kiều». (2)

— So sánh với nền văn kiệt tác như của Pháp, Kiều cũng không thua kém.

Rồi để kết luận, Phạm-Quỳnh lại một lần trịnh trọng tuyên bố: «Thề rằng: «truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn, còn non còn nước còn bài, chúng tôi là kẻ hậu sinh xin rầu lòng dốc chí cố công trau chuốt lấy tiếng quốc âm nhà, cho quốc hoa ngày một rực rỡ, quốc hồn ngày một tỉnh táo, quốc bộ ngày một tấn tới, quốc văn ngày một vẻ vang, ngõ hầu khỏi phụ cái chi hoài bão của tiên sinh, ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây! (3)

Thực là từ xưa đến nay chưa có một ai cực tán Kiều như Phạm-Quỳnh. Kiều quả là một công trình toàn thiện toàn mỹ về mọi phương diện. Nó là hạt trân châu không riêng gì cho nòi giống xứ sở ta mà là báu vật của chung cả gia đình loài người.

Tuy nhiên, từ đầu chí cuối, Phạm-Quỳnh cũng chỉ là quả quyết một cách độc đoán, giáo điều; cũng chỉ nhờ trực giác mà biện minh một cách say sưa như nhà nghệ sĩ giàu tình cảm đứng trước một cảnh dễ gây xúc động. Do đấy, lời lẽ của Phạm-Quỳnh không khỏi có chiều quá to tát.

Bài diễn thuyết của
TRẦN-TRỌNG-KIM

Sau bài diễn văn này của Phạm-Quỳnh, Trần-Trọng-Kim lại đăng đàn, đọc một bài diễn văn rất dài bàn về thân thế Nguyễn-Du, nghiên cứu nguồn gốc truyện Kiều, phân tích tâm lý Nguyễn-Du qua vai Kiều, đánh giá văn chương truyện Kiều. Tự trung cũng toàn là lời cực tán, ca ngợi Kiều là tác phẩm tuyệt vời, kỳ diệu, tán dương Nguyễn-Du là một bậc đại tài đại danh nước nhà.

(1) Nam phong, số 86 p 91-92

(2) Nam Phong, số 86 p. 92

(3) Nam Phong, số 86 trang 93-94

Bài hát kỷ niệm cụ Tiên-Điền

HÁT MUỖU

Mấy hàng cầm tú văn chương
Yên hoa giở khúc đoan trường ngâm hoa.
Chùng ta nay nguyện tăng già,
Còn non còn nước quốc hoa còn dài.

HÁT NÓI

Bắc phương nhất đại giai-nhân lục,
Nam-hải thiên-thu quốc-sĩ văn.

.
Đau đớn thay là cuộc phong trần !
Mà bạch-điện với hồng-nhan sau khéo-khéo.
Gấm kim cổ trong vòng thế đạo,
Trai thờ vua chi khác gái thờ chồng.
Tiếc cho ai nên bằng tuyết chất phủ phong,
Con gia biến lạ lòng trên cột.
Chàng với thiếp đề mỗi tình thơ thốt,
Mười lăm năm khôn xiết nỗi ba đào.
Gớm thay cái số hoa đào,
Nghề mục Tú học sao cho được.
Chùa chị Hoạn ngõ phúc-duyên chẳng lợi ác;
Kiện anh Tì thời phú quý cũng phủ vân.
Thôi thôi đừng ngậm ngùi mãi cho thân,
Đành chữ hiếu muôn phần trọn vẹn
Cuộc nhân thế vì bề dân nên truyện.

Như vậy ta thấy, tất cả những bài viết về Kiều trong mấy năm vừa qua đều do Nam-Phong chủ trương, nghĩa là đều do Phạm-Quỳnh khởi xướng. Mà thực lời tuyên bố to tát nhất về Kiều cũng đều do phe phái Phạm-Quỳnh cả. Tựu trung những lời thăm định về Kiều thường là khen tính cách phổ thông của truyện Kiều trong dân gian, ca ngợi lối văn kỳ diệu của Nguyễn-Du, đề cao giá-trị luân lý và triết học của câu truyện, coi sự nghiệp của Nguyễn-Du là quốc hồn quốc túy đáng phải nêu gương cho muôn đời soi chung. Sự sung mộ Kiều lúc đó trở thành một cái mốt, con người Kiều thành nên như một nhân vật còn đang sống giữa đời với một thân phận số kiếp bi đát tuyệt vọng. Những mối tình lãng mạn, nhân thế, phát triển ồ ạt. Khoảng năm 1921, ta nên nhớ là khoảng ra đời của Tố Tâm, của Tuyết Hồng Lệ Sử, là thời kỳ phong trào lãng mạn phát triển mạnh nhất. Trai gái đua nhau chìm đắm vào trong con đường tình ái, rồi tuyệt vọng, rồi thi nhau mà tự tử.

Tình trạng đó, có phải nguyên nhân do cái phong trào sùng mộ Kiều hay không? Có lẽ còn có nhiều nguyên nhân khác, nhưng truyện Kiều hẳn phải có phần ở trong. Mà cho ngay rằng truyện Kiều chưa tác động gì đến sự truy lạc kia, thì cái việc đưa truyện Kiều ra mà tuyên truyền cổ võ trong tình trạng xã-hội lúc đó cũng là thổi thêm vào lò lửa lạng mạn kia cho cháy bùng to lên. Có lẽ vì thế mà vừa sau khi Nam-Phong cho đăng các bài diễn văn của Phạm-Quỳnh tháng 8 dương lịch 1924, thì đến mùng 1 tháng 9 dương lịch cùng năm ấy, Ngô-Đức-Kế viết bài công kích Phạm-Quỳnh và các nhà tuyên truyền cho Kiều trên báo « Hữu Thanh » số 21 ra ngày 1-9-1924.

NGÔ-ĐỨC-KẾ

Chủ trương của Phạm-Quỳnh, bênh vực và đề cao Kiều, không phải là chủ trương của mọi người Việt-Nam, nhất là nó càng không phải chủ trương của các nhà đạo đức hồi đó, còn có thái độ rất ngặt ngẽ đối với việc đọc Kiều... Ngô-Đức-Kế đại diện cho phái đó, và tiếng nói của Ngô-Đức-Kế là tiếng của cả một môn phái. Chính vì thế mà ở « Hữu Thanh tạp chí » số 21 ra ngày mùng 1 tháng 9 dương lịch 1924, Ngô-Đức-Kế đã viết một bài đề là « Luận về Chánh-học cùng tà thuyết, Quốc văn, Kim văn Kiều, Nguyễn-Du ».

Bài « Chánh học cùng tà thuyết » của Ngô-Đức-Kế chia ra làm hai phần chính :

I -- Phần thứ I : luận về mối tương quan của đạo đức, hay của tà thuyết đối với vận mệnh một dân tộc.

1. — Đạo đức hay tà thuyết liên hệ đến vận mệnh một dân tộc thế nào

« Chánh học sáng rệt thì thế đạo nhân tâm phải tốt mà vận nước cũng theo chính học nổi lên, tà thuyết lưu hành thì nhân tâm thế đạo phải hư mà vận nước cũng theo tà thuyết mà đắm mất » (1).

2. — Sự xuất hiện của tà thuyết là dấu vận nước đã suy :

« Tà thuyết lưu hành trong nước như gió lướt cỏ, như nước vỗ đề, không ai ngăn cản, thì thường vào lúc chính học đã suy đồi, mà nhất là lúc việc đời biến cải, việc nước đổi thay, quốc thì mơ màng, nhân tâm bối ngỡ, nền cũ đã đổ, nhà mới chưa thành, bậc hiền nhân quân tử thì kín tiếng dấu tăm, nằm co nơi thảo dã, mà bọn bỉ phu tục tử thì khoa chuông gõ mõ, nhảy nhót ở trên vũ đài : lúc ấy chính lúc tà thuyết thừa cơ mà lấn lướt chánh học » (2)

3 — Sức mạnh của tà thuyết :

Tà thuyết có sức mạnh vô cùng : « vả lại cái tính loài người, theo điều phải thì khó khăn như trèo ngược núi, theo điều xằng thì dễ như

(1) Những áng văn hay, Nam Ký thư quán, 1933 trang 32.

(2) Những áng văn hay trang 32.

nước chảy xuôi. Vậy cho nên lúc vận nước đã suy, thì trăm nghìn người phò tri chính học mà không đủ, một người xướng lên tà thuyết mà hăm hại nhâm tâm thế đạo có thừa; góm ghê thay ! Cái tà thuyết làm sa đắm lòng người không biết đến đâu mà nói ! Một người xướng mười người họa: cho đến trăm nghìn người họa, lần lần phong hành cả nước». (1)

4 — Tình cảnh dân ta

Theo Ngô-Đức-Kế; dân tình nước ta đang bị sa vào vòng tà thuyết vì hai lẽ, thứ nhất là cái di sản đạo đức tốt đẹp thời xưa đã mất mà chưa có cái mới thay vào, thứ hai là vì có bọn đạo đức giả danh tuyên truyền cho là thuyết. Tại đây Ngô-Đức-Kế không gọi tên Phạm-Quỳnh mà ám chỉ Phạm-Quỳnh: «Những người học thức kiến văn chưa được một năm, nhân cách giá trị chẳng đáng là bao, mới lôm lem những học thuyết Ức Mạnh (Montesquieu), ông Lư (Rousseau) bập bẹ những cách ngôn họ Trang, họ Liệt, thì đã nghiêm nhiên tự lập một đảng văn hào, tự xưng khai hóa quốc dân, mà không ngó lại tự mình đã khai hóa hay chưa; thôi thì bài diễn văn chất đống, sách du ký đầy thùng, thôi thì tán xằng tán nhảm, nói bậy, nói càn, không còn có nghĩa lý chánh đáng chi nữa.» (2)

Đoạn này, các bạn thấy Ngô-Đức-Kế đã bước vào vấn đề phê bình đời tư cá nhân của đối phương rồi và lời lẽ có chiều hất cẳng và thiên lệch quá đáng.

II — Phần thứ II: Phê bình về Kiều.

Sau khi đã tràng giang đại hải đề nghị luận về tà thuyết, Ngô-Đức-Kế đề cập thẳng tới Kiều và đưa người ta đến kết luận: tuyên truyền cho Kiều là tuyên truyền cho tà thuyết và đưa vận nước đến chỗ suy vong. Ngô-Đức-Kế vin ra các lẽ sau đây:

1 — Kiều không có giá trị vì tên sách vở văn

Chỉ nhắc đến cái tên sách thì không thể nghĩ được: vì sao thế? Phàm bộ truyện nào, dầu trong có bao nhiêu nhân vật mặc lòng, chỉ là một người chủ nhân, sự tích là sự tích một người chủ nhân ấy, thì tên sách cũng theo đó mà gọi. Nay sự tích ấy là sự tích cô Vương-Thúy-Kiều mà tên sách đặt ba người: một người thì lấy chữ họ mà mất tên, hai người thì lấy chữ tên mà mất họ thì thật là đốit vô cùng. (3)

2 — Kiều không có giá trị vì sự tích tầm thường:

«Truyện thanh tâm tài nhân» (tức là truyện Kiều) là một bộ tiểu thuyết tầm thường, không có giá trị gì. Xem trong bộ «Tinh sử» của Tam, biết bao nhiêu sự ly kỳ hơn» (4)

(1) Những áng văn hay trang 33

(2) Những áng văn hay trang 34

(3) Những áng văn hay trang 35

(4) Những áng văn hay trang 35

3 — Kiều không giá trị vì sự tích tà dâm

«Một đôi thiếu niên nam nữ, đem thanh người vắng, treo tường, trở ngỗ, ước hội truyện trò với nhau, đối với phong hóa đạo đức đã là việc bất chính: mở đầu quyển sách như thế, dù sau có tỏ vẻ hiếu nghĩa gì đâu nữa, cũng không đủ làm gương tốt cho đời» (1)

4 — Kiều bị cha ông tố tiên kết án

«Ngày trước các cụ tiên hồi thường cấm con em xem truyện Kiều: trong xã hội ai hay đọc Kiều nghìn ngao, thì cho là kẻ đàng điếm» (2)

5 — Tố cáo Phạm-Quỳnh đã đề cao Kiều

«Thế mà ngày nay «đức» văn sĩ giả dối ta hiều dương truyện Kiều làm sách «quốc văn giáo khoa» (sách dạy), làm sách «sư phạm giảng nghĩa» (sách thầy), văn sĩ thường nói rằng: «học Hán văn là học mượn, học Pháp văn là học mượn, học quốc văn mới là học nhà: truyện Kiều tức là sách nhà đó» (3)

6 — Bài bác việc học Kiều

Từ đây đến hết bài, Ngô-Đức-Kế bài bác, bắt bẻ những người chủ trương học Kiều.

a) Học Kiều là thoái hóa, sa vào cái lầm lỗi cũ.

Ngô-Đức-Kế vin vào chính cái nhẽ của đối phương để vật họ. Phải tân học thường trách tiền nhân chỉ biết vùi đầu vào tứ chương cho nên làm mất nước. Học Kiều chẳng là sa vào cái lầm lỗi tứ chương như xưa đây ư «Hay là học cái lối thơ phú ca ngâm, nắn một chữ cho hay, dùng những điển cho lạ, rung đùi lắc gối, như lối học ngày xưa đã vì thế người ngu nước yếu, nay lại đổi chữ ra nôm ư» (4)

b) Suy tôn một cuốn tiểu thuyết làm chính kinh chính sử là một điều sĩ nhục.

«Trong nước ngày nay, nào là bình phẩm văn chương Kiều, nào là phê bình Kiều, nào là thơ vịnh Kiều, cho đến hát tuồng Kiều, diễn kịch Kiều, chớp ảnh Kiều, trong nhà ngoài đường, trên trời dưới đất đâu cũng Kiều? Cứ xem trong hiện trạng ấy, thì nước Việt-Nam ngày nay gọi tên là Kim Vân Kiều Quốc, nói giống Việt-Nam ta mà gọi là đại Kim Vân Kiều tộc cũng đúng lắm chứ không sai!

«Xem trong bộ «Tùy viên thi thoại» có nhà làm bài thơ vịnh Quán Công, mà ông Tùy Viên chê rằng đem sự tích tiểu thuyết mà làm vào thơ.

(1) Những áng văn hay trang 35

(2) Những áng văn hay trang 36

(1) Những áng văn hay trang 36

(2) Những áng văn hay trang 37

là người vô học. Bộ «Tam Quốc Chí» là bộ tiểu thuyết nhất danh tiếng sự tích Quan Công ai chẳng tin thật mà kính thờ; thế mà người ta còn cười đem tích tiểu thuyết làm thơ. Truyện «Thanh Tâm tài nhân» là tiểu thuyết hèn mạt bên Tàu, mà nay nước Việt Nam tôn phụng làm chính kinh Chính sử : thiết là rước lấy một cái đại sỉ nhục» (1)

C — Kiều không thể là quốc hồn quốc túy:

Thậm chí sùng bái Kiều mà nói rằng : «Truyện Kiều là quốc hoa, là quốc hồn, là quốc túy của Việt-Nam» : — không biết có còn quốc gì không ? — xin rằng ông Nguyễn-Du mà nói rằng : «Ông Nguyễn-Du đồ máu làm mực, làm vẽ vang cho giống nòi. Ông Nguyễn-Du dịch Kiều từ đời Gia-Long ; thế thì từ Gia-Long về trước, chưa có truyện Kiều thì nước ta không quốc hoa, không quốc túy, không quốc hồn ; thế thì cái văn tự vũ công mấy trào Đinh, Lý, Trần, Lê sáng chói rực rỡ đó, đều là ở đâu đem đến cho bọn «học thuê viết mượn» ấy mà thôi ; thế thì những bậc đại hào kiệt, đại huân nghiệp, cứu dân giúp nước, tái tạo giang sau, mở mang bờ cõi cho nước ta ngày xưa, không ai làm được vẽ vang cho nòi giống, không ai đáng kỷ niệm cả» (2)

Bài đả kích của Ngô - đức - Kế, tựu trung cũng chỉ là một lối phê bình chủ quan, duy ngã giáo điều. Tiêu chuẩn để hướng dẫn đường lối phê bình của Ngô - đức - Kế là việc chấp nhận văn chương phải có sứ mạng tuyên truyền cho luân lý, đạo đức Phạm - Quỳnh và Ngô - Đức - Kế đối lập nhau vì mỗi người bắt đầu từ một điểm khởi khác nhau, nhưng cả đôi bên đều gặp nhau ở một điểm mà cái điểm đó là văn chương phải có luân lý, phải đề cao đạo đức.

Điểm khởi của Phạm - Quỳnh là việc chấp nhận một cách tiên thiên rằng truyện Kiều vươn dịch đến một trình độ văn chương, nghệ thuật tuyệt vời. Nhưng đã ngầm nhận không thể có văn chương, có nghệ thuật vô luân lý, phi luân lý, cho nên Phạm - Quỳnh phải bào chữa cho luân lý truyện Kiều. Rồi từ chỗ bào chữa đến chỗ ca tụng, đề cao giới hạn không xa bao nhiêu.

Điểm khởi của Ngô đức Kế, ngược lại, là thái độ chấp nhận một cách tiên thiên rằng luân lý Kiều là một thứ luân lý tồi bại, rằng đạo đức trong Kiều là một thứ đạo đức giả dối, trụy lạc. Mà bởi đã ngầm nhận không thể có văn chương, nghệ thuật trong những cái phản lại luân lý, cho nên Ngô Đức Kế, sau khi nêu lên tính cách vô luân lý trong truyện Kiều, thì lại phải tiến tới chỗ biện minh cho tính cách vô văn chương, vô nghệ thuật của truyện Kiều.

Như vậy ta, thấy lối phê bình của Ngô đức Kế là một lối phê bình quan điểm. Quan điểm của Ngô đức Kế là quan điểm nhà đạo đức đứng nhìn và thẩm định sự vật theo các tiêu chuẩn đạo đức ; quan điểm của Phạm Quỳnh là quan điểm của nhà nghệ sĩ đứng nhìn và cắt nghĩa một tác phẩm nghệ thuật.

(1) Những áng văn hay trang 37-38

(2) Những áng văn hay trang 38.

Kết cục, hai bên không hiểu nhau, không hiểu tiếng nói của nhau và, do đấy cuộc đối thoại của họ không đi đến một kết quả nào.

Thái độ của NAM-PHONG và PHẠM-QUỲNH

Bài đả kích của Ngô-đức-Kế trên tạp chí Hữu Thanh, không những không được Phạm Quỳnh trả lời mà không một người cộng tác nào với báo Nam Phong đã động đến. Nhưng không phải vì vậy mà người ta thôi viết về Kiều, thôi ca tụng Kiều.

Sau hai đả kích của Ngô đức Kế trên Nam Phong còn một loạt bài sau đây xuất hiện :

1) Bài « Bàn góp truyện Kiều » của Vũ-đoan-Trang Nữ sĩ ở Nam Phong số 87 trang 260 ra ngày Sept. 1924.

2) Bài « Bàn về truyện Kiều » của Mai Khê, Nam phong số 99.

3) Bài « Bàn về nhân vật truyện Kiều » của Tùng hoa ở Nam Phong số 104 trang 273 ra ngày Avril 1926.

4) Bài « Bàn về truyện Kiều » do Cao Hữu Tào sao lục ở Nam Phong số 106 trang 469 ra ngày Juin 1926.

5) Bài « Nghiên cứu và phán đoán về truyện Kiều » của Đồ Nam ở Nam Phong số 125 trang 41 Janvier 1928 và số 126 trang 150 tháng Février 1928.

Tất cả loạt bài trên đây, có cái đặc điểm là phần nhiều còn ca ngợi Kiều nhưng không hăng hái như hồi trước năm 1924 nữa. Nhất là ít thấy ai đề cao triết lý và không một ai ca ngợi luân lý Kiều coi là thần thánh cao siêu như hồi trước 1924. Phải chăng do ảnh hưởng của Ngô đức Kế mà các tay bút của Nam Phong thay đổi thái độ ? Có điều lạ là người ta nhắc nhiều đến bài nọ bài kia hoặc đã khen hay chê Kiều mà tình không bao giờ đã động đến bài của Ngô đức Kế đả kích Phạm Quỳnh ở Hữu-Thanh tạp chí.

PHAN-KHÔI

« Cảnh cáo các nhà học phiệt »

Phạm Quỳnh tổ chức kỷ niệm Nguyễn Du về cực lực ca ngợi Kiều tháng 8 năm 1924. Ngô đức Kế đả kích Phạm ngay trong số báo ra tháng 9 năm 1924. Từ đó, kẻ bàn lại, nhưng cả Ngô đức Kế cả Phạm Quỳnh không ai nói năng gì thêm. Sự việc tưởng đã lịm hẳn đi. Nào ngờ đột ngột vào hồi đầu năm 1931, Phan Khôi đem khơi nó dậy ở Phụ Nữ Tân Văn, kịch liệt đả kích và kết án Phạm Quỳnh là học phiệt là khinh dư luận. Phan-Khôi phê bình Phạm - Quỳnh, đại khái bài của Phan - Khôi gồm mấy ý kiến sau đây :

1— Ông định nghĩa « bọn học phiệt » :

« Hạng người ấy ý có học rộng, trí thức nhiều, văn hay, tri thuật cũng khá, rồi tự coi mình là bậc « thầy », chẳng kể dư luận ra chi. Đã

hay rằng mình giỏi, song thế nào cho khỏi sự sai lầm, vậy mà họ tự phụ quá, cứ mặt sát quá. Ở cái dư luận nào không chánh đáng, họ mặt sát chẳng nói làm chi; cái này, khi người ta công kích họ một cách chánh đáng mà họ cũng làm thình. Làm thình, không phải tỏ ra là họ phục nhưng làm thình, tỏ ra là họ không thèm nói với thế mới đáng ghét. Tôi dành cho họ cái huy hiệu « học phiệt », lấy nghĩa rằng họ có ý kế nghiệp nhau mà chuyên quyền trong học giới, cũng như bọn quân phiệt đã nối nhau mà chiếm cứ đất đai và quyền chánh trị bên Tàu » (1)

2 — Phan Khôi ghép Phạm-Quỳnh vào tội học phiệt bởi lẽ Phạm-Quỳnh không trả lời ông Ngô Đức Kế.

3 — Hậu quả tai hại cho văn giới do thái độ học phiệt: cảnh văn đàn sẽ là cảnh tro tàn khói lạnh.

Tựu trung lối phê bình của Phan Khôi trong bài cảnh cáo các nhà học phiệt, là một lối phê bình thái độ, là công việc đả phá công kích một nhân vật. Đặc tính của lối phê bình của Phan-Khôi là sự thành thực sőt sảng, thẳng thắn, mà nhất là tươi tắn trẻ trung, có duyên lạ thường. Phạm-Quỳnh có thể bị chết đuối đi mà không thể giận được Phan-Khôi.

PHẠM-QUỲNH

Trả lời bài « Cảnh cáo học phiệt » của Phan Khôi.

Bài « cảnh cáo học phiệt » của Phan Khôi đã dồn Phạm-Quỳnh đến chỗ không thể không lên tiếng để biện bạch.

1 — Trước hết Phạm-Quỳnh nói qua đến sự liên lạc và chạm giữa hai người; Phan Khôi đã nhiều lần công kích bài bác Phạm-Quỳnh ở báo Thần Chung hay báo Phụ Nữ.

2 — Phạm-Quỳnh thuật lại các tội mà Phan Khôi đã ghép cho ông.

3 — Tuyên bố lý do sự ỏ lạng của Phạm-Quỳnh: vì hai bên đều làm báo.

4 — Phạm-Quỳnh nhắc nhở, châm biếm Ngô Đức Kế ở p 66 và 67 (cuối và đầu trang)

Đại để là Phạm-Quỳnh tự thanh minh, nhưng không vin được lẽ chi đích đáng, không bẻ lại các lẽ mà Ngô Đức Kế đã đưa ra để công kích ông mà chỉ hạ những lời lẽ đầy chua cay, phỉ báng ông Ngô-Đức-Kế mà ông cho là một anh đồ gàn, một người ghen tị, một tên tù đồ, cục mịch. Cái lỗi của Phạm-Quỳnh là ở chỗ ấy. Người ta mất cảm tình đối với Phạm-Quỳnh cũng ở cái điểm ấy. Lời lẽ của Phạm-Quỳnh không còn là lời lẽ của một nhà văn hóa, ông đưa vấn đề chánh trị ra đề mà đe dọa, phỉ báng Ngô-Đức-Kế.

HUỲNH-THÚC-KHÁNG

Sau bài Phạm-Quỳnh trả lời Phan-Khôi, trong đó, như ta đã thấy, có nhiều lời lẽ phỉ báng Ngô-Đức-Kế, thì, trên báo Tiếng-Dân, Huỳnh-thúc-

(1) Những án văn hay, trang 46

Kháng đề là : «Chánh học cùng tà thuyết có phải là vấn đề quan hệ chung không ?» Rồi trong ngoặc đơn tác giả chưa thêm mấy lời sau đây : «chiêu tuyết những lời bài báng cho một nhà chí sĩ mới qua đời.» Bài trả lời của Huỳnh-Thúc-Kháng chia ra làm phần mở, phần thân và phần kết.

Phần mở : Trong phần mở Huỳnh-thúc-Kháng nhắc qua lại nội dung bài xã thuyết của Ngô-Đức-Kế mà vấn đề muốn đặt ra là tìm xem chánh học cùng tà thuyết có phải là vấn đề quan hệ đến vận mệnh của quốc gia dân tộc không, sau đó Huỳnh-thúc-Kháng phản đối luận điệu có nhiều tính cách phỉ báng của Phạm-Quỳnh : «Nay ông Ngô đã qua đời rồi, nhân ông Phan-Khôi chỉ trích sự không trả lời ấy, ông Quỳnh mới dở mồi hiềm riêng chắt chứa lâu nay, công nhiên phò giữa công chúng rằng bài ấy là «câu chuyện cá nhân, câu chuyện quyền lợi, không quan hệ đến học vấn tư tưởng gì cả...». Ông lại bôi những truyện riêng của ông Ngô với ông, hai người đối đãi nhau Lúc bấy giờ, để làm chứng câu «cá nhân quyền lợi» của ông, mà buông lời thô bỉ như là «hàng thịt ngựa, hàng cá, thỏa lòng ác cảm, đạo đức hương nguyệt»... bôi lọ đến danh dự một người chí sĩ đã qua đời.

« Những lời nói trên mà xuất tự một người văn sĩ xằng nào thì không đủ trách; song tự lỗ miệng và ngòi bút một người tân nhân vật, nghiêm nhiên tự nhận cái gánh gây dựng một nền văn hóa mới cho nước nhà, lại chủ trương một cơ quan ngôn luận trong nước mười mấy năm nay mà có lời thô bỉ tố cáo tâm sự hiềm riêng, nói xấu cho người thiên cổ, thì không thể bỏ qua được » (1)

Phần thân : Sau bài mở, thân bài chia làm 5 phần:

Phần 1 — Huỳnh - Thúc - Kháng phản đối Phạm - Quỳnh đề công nhận rằng vấn đề chánh học cùng tà thuyết mà Ngô-Đức-Kế đã đặt ra là một vấn đề quan hệ chung cho toàn quốc chứ không phải là câu chuyện cá nhân như Phạm Quỳnh tưởng: «Độc giả thử xem, một bài biện luận xác đáng rạch ròi như vậy, sao gọi là câu chuyện cá nhân quyền lợi, mà không quan hệ đến học vấn tư tưởng ? sao gọi là luận thiên di ? Như vậy mà cho là không quan hệ thì những lối treo tường trở ngõ, quạt ước trăng thề, ếp liễn nài hoa, cặp hương trộm ngọc kia mới là quan hệ với học vấn tư tưởng sao ? lập luận ấy mới là chánh sao ? (2)

Phần 2 — Trong phần thứ hai, Huỳnh - Thúc - Kháng bác bỏ lời lẽ của Phạm - Quỳnh muốn gán cho Ngô - Đức - Kế có «thói con buôn », có thái độ « hàng thịt ngựa hàng cá ».

Phần 3 — Huỳnh - Thúc-Kháng biện minh cho Ngô Đức Kế không có thứ «đạo đức hương nguyệt » như Phạm - Quỳnh tưởng.

Phần 4 — Huỳnh - Thúc - Kháng biện và biện minh cho thái độ căm tức, nếu có, của Ngô - Đức - Kế khi thấy người ta hoan nghênh Kiều. Huỳnh - Thúc - Kháng cho rằng sự căm tức đó là chánh đáng vì nó nhằm công ích chứ không vì thù riêng.

(1) Những án văn hay trang 71-72

(2) Những án văn hay trang 73

Phần 5 — Huỳnh - Thúc - Kháng công kích thái độ phi lý của Phạm - Quỳnh trong khi yên lặng và lời lẽ tục tằn trong khi lên tiếng.

Phần kết : Sau hết để kết luận Huỳnh - Thúc - Kháng đồng quan điểm với Ngô - Đức - Kế mà kết án truyện Kiều, hô hào tẩy chay Kiều : «Truyện Kiều chẳng qua là một lối văn chương mua vui mà thôi, chứ không phải thứ sách học ; mà nói cho đúng ra, truyện Kiều là một thứ dâm thơ, rõ không ích mà có hại. Ở xã hội ta, từ có kẻ tán dương truyện Kiều, truyền bá học Kiều nay, đã biết bao lớp thanh niên say mê sòng sắc, chìm nổi biển tình, dứt cả nền nếp gia đình, trật tự xã hội mà theo mỗi ham mê của mình. Hiện xã hội ta ngày nay diễn ra những tuồng thương phong bại tục kia, cái giống độc con đĩ Kiều, gieo vào trong tư tưởng không phải là ít. Vậy ngày nay mà được trăm nghìn người học Kiều, tha khắp trong xã hội ta, không thấy cái gì ích mà chỉ thấy cái hại ; mà nếu được một người « đạo đức hẹp hòi » như ông Ngô - Đức - Kế thì không khác gì cột đá giữ giòng sông lở, ngọn đuốc trong khoảng đêm trường, có công với thế đạo nhân tâm không phải là ít, với cái mãnh lực của ông đủ có được biết bao nhiêu kẻ sa hầm sạt hố kia. (1)

Qua sự phân tích trên đây, ta thấy, cũng như Ngô - Đức - Kế, lối phê bình của Huỳnh - Thúc - Kháng, rút cục, cũng như là lối phê bình quan điểm, nó thiên về bút chiến hơn là thâm định đi nữa, thì cũng chỉ là thứ thâm định chủ quan, duy ngã, tiêu chuẩn không ngoài chủ trương đạo đức luân lý. Nhà phê bình trước tiên là nhà đạo đức học. Với bài lên tiếng của Huỳnh - Thúc - Kháng ta thấy phong trào chống Kiều đã lên đến tột bậc : «con đĩ ». Sau cuộc tranh luận nảy lửa này, vụ án truyện Kiều kết liễu.

Nhân vụ án Kiều này, chúng ta rút ra được mấy nhận định sau đây :

— Một cái hố chia rẽ, nghi kị đang cứ đào sâu giữa các nhà học giả, một bên là cựu học, một bên là tân học, một bên là những người như Ngô - Đức - Kế, như Huỳnh - Thúc - Kháng, một bên là những người như Phạm Quỳnh, như Nguyễn - Tường - Tam, như Trần - Trọng - Kim. ,

— Cái thái độ đôi khi có hơi kiêu căng của phái tân học, ý thức được năng lực của mình, miهن đang làm chủ tình thế, và bên kia là thái độ cứng rắn, hàm chứa nhiều tính cách đau đớn tuyệt vọng của một lớp người đang thâm cảm sự «rút lui », đang cứ mỗi ngày lại trở nên rõ rệt hơn cái vang bóng của một thời.

Những bản khoản nhiều khi đến bi đát của một thể hệ, tuy thái độ có khác nhau, mà cũng cảm thông trong một lo lắng chung. cái lo lắng đó là cố giữ lấy được cái tinh thần dân tộc trong khi chúng ta đã mất chủ quyền về đường chánh trị.

(1) Những áng văn hay trang 75-76

Đó là một thể hệ gồm toàn những người, mới cũng như cũ, nặng tình cổ điển nặng những giá trị nhân bản truyền thống.

— Đó là một thể hệ đang vươn mình, chuyển mình, vươn chuyển để đập vỡ cái vỏ cứng khuôn đóng họ bấy lâu ; nhưng vừa bước ra khỏi cái vỏ kín ấy, còn lạ lẫm nhiều với cái làn khí mới mẻ ở bên ngoài, nên thành ra có nhiều thái độ ngượng ngập : chính vì vậy mà các nhà văn sĩ thấy mâu thuẫn bề tắc trong khi phải xác định một sự nghiệp nghệ thuật.

Do truyền thống và tập tục, họ quan niệm đạo đức luân lý phải lãnh đạo và chỉ huy mọi hoạt động nghệ thuật. Thành thử khi gặp những tác phẩm nghệ thuật ít tính cách đạo đức luân lý như Kiều, mà lại nghệ thuật cao, nhà phê bình phân vân, khó nghĩ, thành ra mới có những thái độ giải thích gò bó miễn cưỡng để bênh vực cho luân lý đạo đức của Kiều.

Nói tắt là văn nghệ sĩ của thể hệ này còn luẩn quẩn, chưa phân biệt hai lãnh vực đạo đức luân lý thuần túy với văn chương nghệ thuật thuần túy. Sự mâu thuẫn gây nên giữa hai phái cũ và mới về vấn đề Kiều chính là thái độ không dứt khoát của phái trẻ về nghệ thuật. Phái này chưa dám chủ trương một hình thức nghệ thuật phi luân lý, cho nên gặp trường hợp mà nghệ thuật va chạm luân lý, họ gò bó, miễn cưỡng để biện minh cho nghệ thuật, trong những trường hợp kia không xúc phạm đến đạo đức luân lý. Rồi từ chỗ biện bạch, người ta dễ đi đến chỗ tung hô.

THANH-LÃNG

Ý nghĩa người lính trong thành phố (2)

Hồ Hữu Tường

THẾ-UYÊN viết

Một lần ghé qua tòa soạn một tạp chí, tôi tình cờ được gặp mặt ông Hồ Hữu Tường, — tôi viết gặp mặt bởi vì trước đó, đã từ lâu tôi đã biết tiếng ông. Câu truyện trong tòa soạn đang tiếp diễn nồng nhiệt quanh một vấn đề nên tôi ngồi yên trong một góc lắng nghe và nhìn mọi người. Điểm đầu tiên làm tôi chú ý là ông Tường mặc một bộ bà ba trắng — như một nhà văn lão thành và một nhà cách mạng cao tuổi tôi quen biết mặc cùng kiểu nhưng màu nâu và đen. Hình như y phục loại này làm tôi thấy cả ba vị cùng thuộc một lớp người xa cách với lớp trẻ hiện nay. Điểm thứ hai làm tôi ngạc nhiên là thấy những nhà văn, ký giả phần nhiều thuộc lớp bốn mươi tuổi có mặt trong phòng đã giành cho ông Tường một kính phục gần như đến mức tôn sùng — một tình cảm tôi không hề cảm thấy. Bởi thế, khi một nhà văn quay lại nói với tôi: « Anh cho ý kiến về anh Tường đi. Anh Tường đang muốn biết lớp trẻ nghĩ thế nào về anh », tôi đã hơi lúng túng và sau cùng xin khất đến một dịp khác. Gần đây, một trí thức bậc thầy cũ ở đại học đã lên đài phát thanh cải chính rằng ông không có chân trong một phong trào kêu gọi hòa bình giả trá của các cán bộ trí và giáo vận Cộng sản, rằng ông ký vào bản tuyên ngôn ấy là tại vì không biết nó là cái gì. Nghe lời cải chính, tôi buồn vô cùng bởi vì tôi còn giữ nhiều kính mến đối với vị này dù sau vụ đảo chính hụt tháng 11. 1960, với tư cách hội trưởng một hiệp hội văn hóa, ông đã dâng kiến nghị chống đảo chánh tới tổng thống Ngô đình Diệm đề rồi sau đó được trao một chức vụ cao trong ngành giáo dục. Sự kiện này làm tôi liên tưởng tới tất cả

những người trí thức lớp năm mươi tuổi, từ đó nhớ lại lời hứa một ngày đã lâu, nên ngày hôm nay tôi cầm bút ghi lại một số ý nghĩ về ông Hồ Hữu Tường. Để minh định quan điểm, tôi xin nhấn mạnh bài này không phải là một bài phê bình văn học nhà văn Hồ Hữu Tường, cũng không phải là một bài phân tích cuộc đời và chủ trương chính trị của chính khách Hồ Hữu Tường. Đây chỉ là những ý nghĩ của một trí thức trẻ đối với một trí thức lớp trước, lớp người đã tham dự và có trách nhiệm về những biến cố quan trọng của đất nước từ 1940 cho tới hiện nay.

Lần đầu tiên tôi biết đến ông Tường, tôi cũng biết luôn tới « trung lập chế » của ông phổ biến trên một tờ nhật báo xuất bản trước tháng 7. 1954. Hồi ấy, chưa đến tuổi trưởng thành, kiến thức căn bản về chính trị còn ở mức sát đất, tôi không hiểu « trung lập chế » ra làm sao nhưng khi đọc đến một đề nghị tôi còn nhớ đại khái : quân Việt kéo lên thượng du, quân Pháp lui xuống miền duyên hải..., tôi đã thấy đó là một ý kiến không tưởng. Một thời gian sau, tình cờ thấy ở nhà một người bạn cuốn *Phi Lạc sang Tàu* và cuốn *Thu Hương*, tôi mở ra đọc. Đọc cuốn thứ nhất, tôi thấy kỳ kỳ và không hiểu gì cả. Cuốn thứ hai làm tôi chán không thể đọc quá vài trang. Đến đây chấm dứt cuộc tiếp xúc gián tiếp với nhà văn chính khách Hồ Hữu Tường, cuộc tiếp xúc không lưu dấu gì khác trong tâm trí tôi hơn ngoài ý kiến : đó là một trí thức không tưởng. Một hai năm sau, chế độ Nhu Diệm có tổ chức vụ án xử các lãnh tụ Bình Xuyên, tôi thấy có tên ông Hồ Hữu Tường. Đối với nhận xét của tôi hồi ấy, Bình Xuyên chỉ là một tập đoàn anh hùng thảo khấu được người Pháp nâng đỡ triệt để với mục đích duy trì quyền lợi thực dân tại miền Nam, nên tôi vừa ngạc nhiên vừa chê trách sự hiện diện của ông Tường trong tập đoàn này. Nhiều năm về sau, một nhà văn bạn của ông Tường có bên vực những trí thức đi với Bình Xuyên còn bị giam ngoài Côn đảo bằng lập luận : ông Tường và các bạn đi với Bình Xuyên và với Pháp để tạo ra một thể chân vac ảnh hưởng cường quốc để Việt nam khỏi bị lệ thuộc vào cường quốc độc nhất. Nghe giải thích này, tôi vẫn thấy một cái gì trục trặc, và hơn nữa tôi không thể tin được muốn giữ miền Nam độc lập thực sự lại phải nhờ tới người Pháp — những người không xa lắm, là kẻ thù số một của Việt nam.

Thời gian kế tiếp tôi không còn đề ý và không còn biết gì về Hồ Hữu Tường nữa — trừ một điều là ông còn sống ngoài Côn đảo. Sau 1-11-63, qua các nhật báo, nhất là tạp chí *Bách khoa*, tôi được biết ông đã sống thế nào và làm những gì trong những năm lao tù. Thói quen đọc sách làm tôi tìm đọc truyện dài *Thuốc Trường Sanh* đăng trên một nhật báo, nhưng chỉ một vài kỳ, tôi cũng vẫn thấy chán như mười năm về trước đọc *Thu Hương*. Nhưng sau đó, dù thích hay chán, tôi cũng vẫn đọc nhiều bài tiểu luận, truyện ngắn, tự sự, trầm tư đăng trên tạp chí *Bách khoa* cũng như một vài tạp chí tôi thường cộng tác. Nhờ loạt bài này, tôi bắt đầu nhận ra vóc

đáng Hồ Hữu Tường và hiểu ông hơn. Hình như ông là một con người một nửa sống ở hai thế kỷ trước, một nửa ở một thế kỷ sau nữa. Ở ông, tôi thấy một tinh thần thần bí trung cổ — có lẽ tạo ra bởi vùng châu thổ Cửu Long, sông lớn mênh mông, lau sậy bạt ngàn ngút tới chân trời, nơi đã tạo ra những Huỳnh phú Sồ, và thấp hơn một bậc, những Đạo Dừa, những Đơn Hùng Tín, Năm Lửa, Ba Cụt... sen lẫn với tinh thần khoa học quá tân tiến đến độ giả tưởng. Một sự mâu thuẫn khó hiểu, và nếu ông có phát điên một lần cũng không có gì phải ngạc nhiên. Ở đây tôi không phê bình những trầm tư về tương lai nhân loại, những ngueron này ngueron kia của ông bởi vì kiến thức toán pháp và khoa học của tôi quá sơ đẳng và bởi vì tôi không thích nghĩ tới một tương lai xa quá ba mươi năm trong khi hiện tại còn có rất nhiều vấn đề phải giải quyết. Tôi chỉ muốn nói tới nhà văn Hồ Hữu Tường và thái độ của ông trong cuộc đời này mà thôi. (Nói đến nhà văn, tôi tự hỏi thực sự ông có là nhà văn hay không hay có lẽ ông chỉ là một nhà tiên tri lạc từ thời xưa tới).

Đọc lại những bài văn ông viết, nhớ lại những điều ông đã làm trong địa hạt văn học, tôi có cảm tưởng nên coi ông như một nhà văn hóa hơn là một nhà văn. Tuy vậy, tôi cũng thử tìm hiểu nhà văn Hồ Hữu Tường, thử xác định một vị trí cho các tác phẩm của ông. Từ phi Lạc sang Tàu tôi một vài truyện ngắn gần đây, tôi thấy có một điểm có một điểm không thay đổi: tác giả chỉ chú trọng đến mỗi một việc là trình bày những ý nghĩ lập luận của mình, còn các thứ khác như kỹ thuật chọn chữ đặt câu, cấu tạo nhân vật, các biến diễn của tình tiết... đều là phụ thuộc, muốn ra sao cũng được. Văn chương, đối với ông chắc có lẽ chỉ được coi như một phương tiện truyền bá tư tưởng chính trị, mà lại là một phương tiện nghèo, chứ không được là một phương tiện quý giá đáng để cho người xử dụng chau chuốt săn sóc kỹ lưỡng. Về nội dung, tôi đã có lần gạt các tư tưởng chính trị, những lập luận siêu hình kỳ hiểm để tìm ý tưởng chủ chốt thúc đẩy và chi phối ngòi bút ông. Cuộc tìm kiếm chưa đạt kết quả vì tôi lười biếng một phần, ngại đọc văn ông một phần. Nhưng nếu chỉ căn cứ vào những bài đã đọc, tôi có cảm tưởng hình như ông tin ở *sấm ký*-chẳng biết có phải *sấm* Trạng Trình hay không-, một cách rất khoa học rằng ông là dòng dõi của Hồ Quý Ly, của Nguyễn-Huệ và ông sẽ cứu được nước Việt, đưa dân tộc tới một thời kỳ vẻ vang như các cụ tổ kể trên đã làm. Ông nói tới Bửu Sơn Kỳ Hương, dẫn chứng bài thơ này, bài kinh kia, thú thực tất cả làm tôi hoa cả mắt không còn hiểu gì nữa. Đôi khi, tôi có nhìn ông như nhìn một vị Thượng Pháp Thanh hay Thanh Diệu Ngọc gì đó của đạo Cao đài, điều đó tôi thấy tôi cũng không đáng trách lắm bởi vì tôi không có được tinh thần thần bí để tin ở những sự kiện *sấm ký* hay cầu cơ.

Gần đây, cùng các thân hữu, ông có ra một tờ báo nhan đề là Hoà Đồng với hai chủ đề chính là văn minh tổng hợp và văn chương sáng giá.

Tôi biết rằng với đà tiến triển hiện nay, vấn đề giao hoán văn hóa (l' acculturation) đã được giảng dạy như một môn tại đại học, các biên giới ngăn cách các quốc gia có thể sẽ chỉ còn là biên giới chính trị quân sự, nói đến văn minh tổng hợp không phải là quá sớm. Nhưng tôi không tìm mua tờ Hoà Đồng vì tôi ngại đọc những bài sấm ký. Nỗi ngại ngần này, theo nhận xét riêng, không phải chỉ kẻ viết bài này mới có và nguyên nhân có lẽ tại lớp tri thức trẻ không được hun đúc trong cùng một một hoàn cảnh với lớp tuổi năm mươi tuổi. Về văn chương, ông Hồ Hữu Tường chia làm ba loại — lối chia này làm tôi liên tưởng tới đề thi «văn chương có ba lối» của một vị cao tuổi ở Văn Khoa hồi trước —, như sau: văn chương thù tạc, văn chương ca tụng và văn chương sáng giá. Tôi chưa đủ kiến thức để xét vấn đề văn chương chia loại căn cứ vào công dụng đối với xã hội, nên chỉ thắc mắc về loại thứ ba, loại văn chương sáng giá, văn chương sáng tạo giá trị. Tôi tự hỏi có phải một lần nữa ông Tường đã trao cho văn chương nhiệm vụ làm phương tiện chuyên chở một cái hệ nào nữa chăng. Tôi mới chỉ thắc mắc đến đó thôi, vì tìm hiểu thêm, tôi sẽ thấy làm nhà văn phải chịu nhiều rắc rối, bị có nhiều trách nhiệm quá, sẽ đâm ra ngại viết.

Đến đây, tôi thấy đã nói nhiều về ông Hồ Hữu Tường — nói nhiều mà chỉ có chê. Sự nghiệp văn chương, sự nghiệp chánh trị, tôi không tán phục gì cả, Nhưng thành thực nói, tại sao mỗi lần nghĩ đến ông, tôi vẫn thấy có nhiều cảm tình. Sau khi phân tích, tôi hiểu rằng tôi mến ông vì đó là một ông già yêu nước hết sức trung thành — điều tôi ít thấy ở lớp người đồng tuổi với ông. Tôi cũng còn mến ông vì sự thành thực biểu lộ trong cả văn chương lẫn chánh trị — điều tôi ít thấy hơn nữa trong lớp người cùng lớp tuổi với ông. Trong tương lai, nếu tiền bối Hồ Hữu Tường không giận kẻ hậu sinh vì bài này, có lẽ tôi mong được tiếp xúc với ông nhiều hơn. Mong thế, không những vì tôi thích gần những người yêu nước cuồng nhiệt và thành thật mà có lẽ còn vì Hồ Hữu Tường là người bao giờ cũng tin nước Việt - Nam không những bất diệt, còn sẽ trở thành oai hùng. Trong tình trạng đất nước có vẻ như muốn tới giòng sử chót hiện nay, đến hầu chuyện một người cao tuổi có ngôn ngữ và tác phong như một vị tiên tri ấy, thì dù chẳng có nhiều óc thần bí, tôi tin tôi cũng sẽ thấy xuất hiện trong tâm một niềm phấn khởi mơ hồ và một niềm tin không thể chứng minh được bằng lý luận ở tương lai của dân tộc Việt Nam.

Kỹ thuật viết của

JULES ROMAINS

trong

« NHỮNG KẺ CÓ LÒNG »

HOÀNG-VŨ Đ. V

— Trong pho truyện trường-giang « Những Kẻ Có Lòng » của Jules Romain, những cảnh làm người đọc phải chú-í trước-tiên là những bức tranh khái-quát về lịch-sử hay địa-dư.

— a) Đây là một kĩ-thuật không hẳn hoàn-toàn mới-mẻ. Victor Hugo, trong « Những kẻ khốn-nạn », đã đưa vào trong truyện cả một bức họa về trận đánh lịch-sử Waterloo, và một bức họa khác về xã-hội Pháp dưới trào Phục-Hưng. Honoré de Balzac bắt đầu nhiều cuốn tiểu thuyết của ông bằng một bài nghiên-cứu dài và tỉ-mỉ về nơi ông muốn cho các nhân vật của ông sống và sinh-hoạt. Trong « Những Kẻ Có Lòng » của Jules Romain chúng ta có thể thưởng-thức cảnh hoạt-họa của « thành phố Paris vào khoảng 5 giờ chiều » hay sự mô-tả « nước Pháp vào tháng bảy năm 1914 ».

— Cả Hugo lẫn Balzac cũng không viết nên được những trang truyện nào hay hơn thế.

— b) Một cách khác để làm cho tác-phẩm giữ được tính-chất thuần nhất là đưa ra một hay nhiều nhân-vật sống trọn-vẹn từ đầu đến cuối truyện và đại-diện cho tác-giả đã nói lên những cảm-nghĩ của tác-giả.

Vấn biết « Những Kẻ Có Lòng » không phải là một cuốn tiểu-thuyết tự-thuật, trong đó Jallez và Jerphanion là những nhân-vật chính. Nhưng Jallez và Jerphanion là hai người có một trí thông-minh đặc-biệt phản-chiếu tất cả các biến-cổ quan-trọng của thời-đại. Jallez và Jerphanion tượng-trưng cho hai vẻ người của tác-giả, một người tượng-trưng cho tâm-hồn thi-sĩ của Jules Romain. Còn người kia cho khía-cạnh thực-tế của ông. Có lẽ vì thế mà Jules Romain đã có í chọn cho hai nhân-vật chính của ông hai tên cũng bắt đầu bằng chữ « J » của chủ-từ « Je » nghĩa là tôi trong tiếng Pháp.

— c) Mỗi thời-đại đều có, những cơ-cấu, những hệ-thống xã-hội, những tầng-lớp, và những nền hành-chính riêng biệt. Mỗi khi nghiên-cứu một biến-cổ xảy ra, Jules Romain lại đưa chúng ta qua tất cả các tầng lầu trong hệ thống xã-hội đương-thời, bằng những bức ảnh chụp chớp-nhoáng kế tiếp nhau. Thí-dụ, để mô-tả trận đánh Verdun, Jules Romain đưa chúng ta vào hẳn trong các bộ tham-mưu, trong các đồn chỉ-huy, đến giữa các đám chiến-sĩ các đám người dân thường, và trong số các người này có những người làm chính-trị, những người buôn thầu với quân-đội các bà quý-phái cũng như các người bình-dân áo vải. Dem trình-bày biến-cổ bằng một loạt các tranh-ảnh có tính-cách thời-sự như thế, Jules Romain cho chúng ta có một í-niệm đồng-nhất về quốc-gia Pháp trong cơn biến-cổ.

— d) Xử dụng những kĩ-thuật kể trên để xây-dựng công-trình văn nghệ, tất-nhiên Jules Romain phải cạnh tranh với lịch-sử thật để làm cho tác-phẩm của ông có vẻ thật chứ không phải là giả-tưởng. Và một vấn-đề khó giải-quyết được đặt ra vì thế. Vấn-đề ấy các nhân-vật quan-trọng có thực ở ngoài đời. Chúng tôi muốn nói đến các địa-vị vua chúa, các ông tổng-thống, thủ-tướng, các tướng lãnh, các nghệ-sĩ danh tiếng. Một đặc-tính cần-thiết cho một cuốn tiểu-thuyết hay là phải tạo ra cho người đọc một không-khí và một khung-cảnh giống-thực. Nếu trong một thời-gian chúng ta biết rằng ở bên nước Anh George Đệ-Ngũ đang trị-vì, mà nhà văn lại mô-tả một ông vua khác không khải là George Đệ-Ngũ thì chắc-chắn không ai có thể tin nhà văn ấy được. Trong « Tân-Hải-kịch Nhân-loại », Balzac đã mạo hiểm đi bịa đặt ra trong một thời-gian lịch-sử một nhà văn tưởng-tượng là Canalis và một ông thượng-thư cũng tưởng-tượng là De Marsay, làm cho người đọc phải mỉm cười hoài nghi-và tha-thứ. Jules Romain đã tránh được lỗi - lầm của Balzac là trong một giai - đoạn lịch - sử nào đó, nếu ông cần đến các nhân-vật có sống thực trong giai-đoạn lịch-sử ấy thì ông đem dùng ngay những nhân-vật có đề trà-trộn họ với những nhân-vật do ông sáng-tạo ra. Vì thế cho nên, Briand, Jaffre, Clémenceau, Galliéni, Jaurès, trở thành các nhân-vật của « Những Kẻ Có Lòng » và cũng phát biểu í-kiến như ở trong một cuốn tiểu-thuyết lịch-sử, í như-thực.

— c) Vấn-đề kĩ thuật sau cùng Jules Romain phải giải-đáp là làm-sao giữ được sự quân-bình giữa cuốn tiểu-thuyết « đồng nhất », là cuốn tiểu-thuyết của toàn-thể, và các cuộc sống cá nhân. Bởi vì dù sao có cá nhân mới có đoàn thể, và cá-nhân mới chính là chất-liệu của đời sống. Về phương-diện này, tất-cả mọi người ai cũng đồng-í là Jules Romain đã thành-công được một phần lớn. Người đọc bắt-buộc phải chú-í đến nhiều cuộc sống cá-nhân vì các cuộc sống có nhiều điểm dễ cho họ rung-cảm. Người đọc theo rồi với nhiều cảm-tình các cuộc tình-duyên của Jallez, các sự tủi-nhục của Gurau, các cơn vui buồn thơ-ngây của chú bé Louis Bastide. Chúng-ta hãy đọc, trong cuốn « Những Kẻ Nghèo-hèn » (Les Humbles), cả một chương nói về đôi giày vàng. Đây là một đoạn tả kiêu-mẫu một xúc-cảm chân-thành và giản-dị. Gia-đình Bastide là một gia-đình nghèo. Người cha chỉ kiếm được mỗi tháng 210 quan. Nhưng em bé Louis lại chăm làm và làm giỏi và mẹ em hứa sẽ thưởng em một đôi giày vàng. Bà ta đi mua cho Louis. Mới đầu Louis tỏ-vẻ hãnh-diện và vui-sướng.

— « Nhưng trong khi hai mẹ con tiến về phía đường Ordener, bà Bastide nhận thấy Louis có vẻ tư-lự không vui, Louis nhìn thẳng đàng trước mặt. Em như đang theo-đuổi một í-nghĩ gì hơi khó-khăn đối với em một í-nghĩ xa-xăm.

— Con nghĩ gì thế con ?

— Không ạ.

— Con không thích nữa à ?

— Thưa mẹ có chứ ạ.

— Sao con lại buồn thế ?

— Mẹ mua giày cho con mất bao-nhiều tiền, mẹ ?

— Chín quan rưỡi. Khi mẹ mà-cả con không nghe thấy à ? (sự thực thì Louis có nghe thấy, song em sợ nghe nhầm). Người bán chỉ bằng lòng bớt cho mẹ tám xu. Kề thì cũng đắt đấy ! Nhưng đôi giày thật đẹp và da thật tốt. Mũi giày hơi nhọn nhưng chắc không bó chân con đâu.

— Mẹ này...

— Gì con ?

— Ba kiếm một ngày được bao nhiêu tiền ?

— Tại-sao con lại hỏi thế ? việc ấy không phải là việc của con. Bà Bastide nói thế xong mặt gần ửng đỏ. Đứng trước con bà, bà thấy háy-giờ e-ngại quá. Bà thấy Louis hỏi như thế là không phải, và bà sẽ gắt với Louis

nhiều hơn thế nữa, nếu trong đôi mắt ngay-thẳng của em, mở to, đang nhìn về phía trước, không có thoáng một ánh vô-cùng quan-trọng. Và bà Bastide cảm-thấy không có can-đảm đề nói dối con.

— Ba con kiếm mỗi ngày... tuy-vậy, cũng khá lắm. Ông chủ trả tiền lương ba hàng tháng. Cả ngày lễ lẫn những ngày chủ-nhật... chứ không như những người khác... Ba kiếm lợi hơn các thợ khác nhiều.

— Vâng, thế nhưng mỗi ngày ba kiếm được là bao-nhiêu ?

— Mỗi ngày làm việc thực ấy à ?

— Con không biết... không... con muốn hỏi mỗi ngày ba kiếm được bao-nhiêu để sống.

Bà Bastide lại đỏ mặt một lần nữa,

— Mẹ cũng không tính nữa... không được mười quan đâu. Chỉ có những người quan-trọng trong sở mới kiếm được mười quan một ngày.

— À ra thế ? ... cũng không được mười quan phải không mẹ ?

— Không được mười quan, thì cũng gần được. Nhưng nhiều ít thì có việc gì đến con.

— Bà Bastide cúi xuống một chút để nhìn Louis cho gần hơn. Vẻ mặt tươi-cười lúc này của Louis đã tan đi mất hẳn. Hai lông mày em hơi nheo lại, làn môi mấp-máy nhẹ-nhẹ. Hai mắt em vẫn chăm-chăm nhìn thẳng đàng trước nhưng trong khóe mắt em bây-giờ thấy một mảng voan ướt. Louis nắm lấy tay mẹ chặt hơn. Bà Bastide bỗng thấy tất-cả người rung lên, tim bà cắn nhói khi bà biết được í-nghĩ đang cắn-xé con bà. Bà cố hết sức để cầm nước mắt. Bà cúi xuống Louis, vuốt nhẹ mái tóc và chiếc mũ nôi của em, rồi nhen ngào nói :

— Con của mẹ ! Con yêu của mẹ ! Tội nghiệp con tôi ?... »

f) — Trong tác-phẩm «*Những Kẻ Có Lòng*» Jules Romain còn dành chỗ nhiều hơn Balzac và Stendhal để tả các khoái-cảm về thể-xác. Triết-gia Alain, trong bài khái-luận về hệ-thống mĩ-nghệ (*Le Système Des Beaux-Arts*), chủ-trương nghệ-thuật tiểu-thuyết chân-chính phải thanh-cao trong sạch và người nghệ-sĩ không thể lấy sự trần-thuật những thú-vui nhục-dục làm đối-tượng được. Sở-di Alain chủ-trương như thế vì ông cho rằng các xúc-động xác-thật mà tác-giả gọi ra ở người đọc hay người xem mạnh quá và chiếm hết chỗ không để dành cho xúc-cảm thẩm-mĩ nữa. Một bức tranh đàn-bà khỏa-thân chỉ có thể là một mĩ-nghệ-phẩm, nhờ ở cách bố-trí tế-nhị của họa-sĩ. Chúng tôi nghĩ rằng đây là một vấn-đề liên-quan đến thời-gian và

phong-tục. Pétrone, Rabelais, Laclós, Proust, hay Hemingway mô-tả những cảnh mà Racine hay chính Retz cũng không dám gọi ra. Nói như-vậy có phải là cho rằng khả-năng cảm-xúc của Racine và Retz kém khả-năng cảm-xúc của Laclós, Proust và Romaines không? Sự thực thì mỗi tác-giả tùy theo tâm-tính của mình và tùy theo phong tục của thời-buổi mà nói về tình-ái, và đề-cập đến vấn-đề tình-cảm, tinh-thần, hay vấn-đề vật chất, xác-thịt. Riêng về Jules Romaines, thì ông chú-trọng đặc-biệt đến sự mô-tả tình-yêu vật-chất vì ông nghĩ rằng «cách một người đàn-ông găn-gửi một người đàn-bà là một trong những đặc-điểm của người ấy». Đề trả-lời lập-trường của Jules Romaines, Alain và Stendhal sẽ nói: «Đây là một đặc-điểm của con người sống ở ngoài đời thật... chứ không thể là một đặc-điểm của nhân-vật trong truyện».

— Tác-giả «Những Kẻ Có Lòng» có đã thực-hiện được i-định của mình hay không? Ông đã có sáng-tạo ra một hình-ảnh sống-động và đầy-đủ của thể-hệ của ông hay không? Điều chúng-ta cần nói ngay là không một hình ảnh tiểu thuyết nào lại có thể là một hình ảnh đầy đủ. Và điều chúng-ta cần biết là Jules Romaines là một thi-nhân của đời sống mới, có óc tò-mò tìm hiểu các kĩ-thuật, các động-cơ bí-ẩn của nó, và là một nhà tiểu-thuyết mãnh-liệt và phong-phú đã biết làm sống cả một giang sơn và, ở trong cuốn Verdun, đã tái-tạo cả một đạo quân. Ông là một kẻ có lòng đã yêu-mến những kẻ có lòng khác, và đã tin-tưởng, và còn đang tin-tưởng ở quyền sức của trí thông-minh và ở sự liên-kết giữa những con người với nhau. Tất-cả những điều đó làm cho Jules Romaines là một trong những đại-văn-hào cận đại. Nhiều nhà văn khác đã hiểu rõ và đã mô-tả hơn ông về các khía cạnh khác nhau của con người. Balzac và Proust đã nghiên-cứu đầy-đủ hơn Jules Romaines các đam-mê của linh-hồn. Nhưng ở trong địa-hạt của ông, là địa hạt thi-ca của các đoàn-thể nhân-loại, thì ông không có ai so-sánh kịp, và đáng mặt vô-dịch. Ông phối-hợp được trong tinh-thần cực kì sáng-suốt của ông một nhà thơ, một nhà triết-học, một nhà tiểu-thuyết và một nhà văn kí-sự, và chính cái tài uyên-bác đa-nguyên ấy đã cho phép ông viết nên tấn bi-kịch nhân-loại của một thời rối-ren và buồn-thảm nhất của lịch-sử.

HOÀNG-VŨ Đ.V

VỀ CÁI CHẾT VÀ CHIẾN TRANH

NGUYỄN-ĐÔNG-NGẠC

Viên đạn đồng cắm sâu trong người lính trẻ tuổi.

Viên đạn thứ bao nhiêu của Tiệp - khắc, của Nga - sô đã giết thêm một người Việt - nam.

Chứng tích trên thân thể người lính là thâm kịch chiến tranh quê hương phải gánh chịu, hậu quả của một ngàn năm nô lệ Trung - hoa, một trăm năm nô lệ Pháp, là nỗi buồn chua xót con cháu phải trả nợ tội lầm lẫn của tổ tiên, đồng bào.

Trong giờ phút cuối cùng của một đời người tử thần hiện ra ban cho người lính yêu nước ơn huệ duy nhất là sự sáng suốt và tỉnh táo nói những lời trắng trối chót.

Người lính nhìn bóng đêm trong nỗi tuyệt vọng khóc thầm trong tâm hồn gọi tên rất nhanh người yêu, cha mẹ, anh em, thân thuộc. Cuối cùng là tên hấn và đời hấn với những mùa hè đồng quê, mùa thu Hà-nội, mùa mưa Sài - gòn, từ lúc còn là cậu học trò khóc đòi tiền mẹ, đuổi bắt tình yêu bằng ảo ảnh, thắc mắc về cuộc đời rồi đi lính và đến bây giờ bị thương nằm một mình giữa cánh rừng đêm.

Tận đáy cùng tâm hồn hấn, những lời nguyện rửa vang lên làm thành những âm thanh não nuột. Tại sao tử thần lại chọn hấn ? Viên đạn lại ghim trúng tim ? Và viên đạn đã lưu lạc qua tay bao người bao nước và để cuối cùng nả trên đất nước Việt - nam giữa tim hấn.

Hấn ghen ngạo muốn nói một lời sáng suốt với những người sống nhờ gió nhờ lá nhờ cây truyền đi. Chẳng hạn : Chúng ta không thể sống chung với Cộng sản, trung lập chỉ là dịp cho Cộng sản có thì giờ sửa soạn

cho trận chiến phân thắng bại hoàn bị hơn, tàn bạo hơn, là phi phạm xương máu của quân đội đã đổ). Hay : Cộng sản còn gây nhiều tang tóc bi thảm trên quê hương. Nhưng nhất định những người Việt - nam đích thực sẽ thắng trong trận cuối cùng, bà con miền Nam sẽ về giải phóng Hà-nội vì miền Nam chính là cứ điểm đóng và tiến quân của những người Việt - nam đích thực yêu nước.) Nhưng hẳn chẳng biết chọn lời nào trong muôn ngàn lời hẳn muốn nói, những lời sáng suốt tiên tri của người sắp chết.

Hắn đã chết trong sự sáng suốt với nỗi buồn tuyệt vọng nhận ra hẳn chính là một thảm kịch như quê hương và vì thế hẳn với nỗi buồn tuyệt vọng ấy là một. Hẳn tự hỏi liệu những người sống có hiểu và hẳn nhắm mắt chịu đựng.

Ôi cái chết này trên quê hương này trong chiến tranh này đã bị Việt Cộng [redacted] làm như bản biết gọi là gì biết định nghĩa thế nào. Hỡi con cháu và đồng bào hãy hiểu dùm cho trường hợp của hẳn. Hẳn là một người lính giữ nước và bao giờ hẳn cũng chỉ muốn được chết toàn danh dự làm một người Việt Nam như chúng ta hằng khao khát mong muốn. Hẳn đã hết trách nhiệm với tổ quốc và trả lại vai trò của hẳn cho những người sống tiếp tục, ra đi với lời cầu nguyện : « Nước Việt nam sẽ còn mãi mãi của người Việt nam và sẽ phải là một cường quốc ».

Ôi nỗi buồn của thân phận làm dân nhược tiểu ngu dốt đói rét đã khiến cho những mầm chia rẽ xói thịt thối nát độc tại tàn bạo phi nhân mọc rễ thành cây tàn phá mẫu mỗ máu thịt anh em, làm cho đất nước phân chia chiến tranh sâu xé.

Hỡi bà con :

Xin đọc bài thơ này như lời tự thú của một người sống biết trước đây là số phận sẽ phải đến cho những người lính cùng góp sức chia sẻ với nhau về những đau khổ của quê hương để con cháu soi gương giải quyết êm đẹp mọi vấn đề trong một ràng buộc giống nhau về quá khứ, như ràng buộc kiêu hãnh về một Quang Trung kiêu hùng, ràng buộc đau buồn về một Trịnh Nguyễn bi thảm sống sáng suốt hơn, kiêu hãnh hơn được làm người Việt-nam phụng sự một tổ quốc chung.

Tôi cúi đầu chịu ơn những người đã chết, những người lính yêu nước để tôi được sống trọn vẹn đời sống đích thực của một người Việt nam.

Ôi buồn biết bao nỗi tử biệt của những người Việt-nam với nhau trên chính quê hương !

MỘT BUỔI CHIỀU CỦA NGƯỜI LÍNH GIÀ

*Một buổi chiều biên khu
Người lính già đứng gác
Ôm súng thép nhớ nhà
Soi bóng mình trên đó.*

*Là ấu thơ khơi tâm
Tóc mọc dài nhớ tiều
Kỷ-niệm giờ hoa râm*

*Tuổi chữ vẽ trên trán
Cây từng luống tiêu hoang
Viết thành lời bom đạn.*

*Từng hố hầm, kềm gai
Giăng mắc đầy gian khổ
Nhưng đẹp màu chiến công.*

*Người lính già ngấm khế
Vần lục bát truyện Kiều
Mà ngỡ mình trẻ thơ...*

VŨ HOÀI MẠC NGUYỄN

(truyền giọng)

đêm đối thoại trên mặt thành

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

Đội trời đạp đất ở đời
Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông
Giương hồ quen thói vẫy vùng
Gươm đàn nửa gánh giang sơn một chèo
.....
Binh uy từ ấy sấm ran trong ngoài
Triều đình riêng một góc trời.
.....

Từ đứng lên, vươn vai một mối. Kiều ngồi dưới thềm ngựa mặt lên hỏi :

— Tướng quân đi đâu, đêm vui chưa hết nửa cuộc.

Từ im lặng vượt áo ra khỏi sảnh đường. Tiếng đàn hát vẫn còn quẩn quít chạy theo. Đêm đã khuya, cảnh tịch mịch chầm xuống khu thành. Thế là chỉ đêm nay nữa, mai thành này, quân này sẽ chẳng còn ở trong tay. Một thân vùng vẫy dọc ngang, làm vua một cõi chỉ còn là một tên quan ngày ngày cúi lưng nơi thềm rồng bệ ngọc. Giây phút Từ thấy băng khuâng buồn như sắp mất đi một cái gì lớn lắm... chắc chẳng bao giờ chàng lấy lại được nữa.

Một mình, Từ dạo qua những nơi quen thuộc, quân lính đều đã ngủ say, chỉ còn một vài tên lính canh đi lại dằng uể oải mệt nhọc. Từ qua kho lương, xuống chuồng ngựa... rồi theo bậc thang leo lên mặt thành. Đêm bao la chụp xuống cả một vùng đồi núi, trong thành đêm nay nhiều ánh đèn hơn mọi đêm, trại quân của Hồ-Tôn-Hiến đã rút hẳn ra ngoài xa chừng như đang mở hội ăn mừng. Từ bước thành thoi thở hít không khí gây gây lạnh, không phải là thí sĩ để có thể làm một bài thơ tức cảnh, Từ thấy tiếc làm sao. Tiếng trống canh rời rạc, một vài trạm gác chừng như lính đã ngủ, hay bỏ về nhà với vợ con không thấy điểm trống. Giá như lúc khác đã có kẻ phải rơi đầu nhưng đêm nay không cần thiết nữa, mai này... bất chợt Từ thở dài...

— Thừa tướng quân, tướng quân chưa đi nghỉ.

Từ giật mình quay lại, rồi lại lặng yên đưa mắt nhìn ra xa.

— Nếu tiểu tốt không lầm, tướng quân đang buồn vì sớm mai này tướng quân sẽ ra hàng giặc.

— Hàng giặc, sao lại là hàng giặc? Người là ai?

— Tiểu tốt là ai? Thừa tướng quân, tiểu tốt là bộ hạ của tướng quân, kẻ đã nghĩ triều đình là giặc, tướng quân là bậc đế vương. Thế mà mai này, khi mặt trời lên bậc đế vương đó sẽ dẫn tất cả đoàn quân dưới trướng này ra khỏi thành, quỳ gối, khom lưng, nhận giặc là minh chúa để nguyện trung thành tận tụy suốt đời... Thừa tướng quân, có phải vì thế mà tướng quân buồn.

— Buồn, ta không hiểu ý nhà người.

— Có lẽ tướng quân cố ý không chịu hiểu đó thôi.. đang buồn lắm chứ..

Từ bâng khuâng, tiếng nói của người đối diện như soáy vào trong tâm tư của mình. Nhưng ít nhất cũng có người hiểu được rằng Từ buồn, tự nhiên Từ lấy được sự thân mật dễ chịu. Ngay sau đó một cảm giác ớn lạnh chạy khắp người Từ. Thôi thế là không còn gì nữa. Mai này sẽ chỉ lại hai bàn tay trắng và một thái độ chịu thua, thái độ chấp nhận, thái độ đầu hàng...

— Sao người lại nói với ta như vậy. Ta buồn thật sao?

Từ quay nhìn người đang đối diện với mình chờ đợi. Thanh niên mỉm cười, dáng ngạo mạn lì lợm. Anh ta vào khoảng trên hai mươi, khỏe mạnh, nước da ngăm đen, tóc búi ngược, y phục một tên cận vệ. Từ cố gắng để nhớ xem có phải người đối diện mình là một tên cận vệ hay không. Thanh niên soay người chống tay lên mặt thành nhìn ra bãi cỏ phía trước.

— Tiểu tốt biết tướng quân buồn. Buồn thật hay không điều đó tướng quân tự biết.

— Bây giờ ta cũng chẳng còn là tướng quân gì nữa. Anh cũng chẳng còn là tiểu tốt nữa. Minh thua rồi.

Thanh niên soay phác người lại, đứng thẳng, trong ánh sáng mập mờ Từ chừng như thấy khuôn mặt kẻ đối diện thay đổi, mặt nghiêm lại, mắt mở lớn, đôi mày đậm dợn lên vẻ dữ dằn.

— Sao lại thua, mình đâu có thua...

Từ huyết người ngồi lên tường thành, hơi cúi đôi vai lớn, ngược mặt lên:

— Đó là sự thật. Anh có lấy thế làm buồn không.

— Nói không là dối lòng mình. Nhưng không lấy đó làm thất vọng. Tôi còn trẻ... Tướng quân có thấy là tôi còn trẻ không.

Từ gật gật đầu.

— Đúng, anh còn trẻ, như vậy có phải ta già rồi không?

— Tướng quân cũng còn trẻ.

— Thôi anh đừng gọi tôi là tướng quân nữa, còn quân đâu nữa mà tướng. Tôi cũng chỉ như anh. Tôi đâu còn như hồi xưa nữa. Phải không?

— Cũng vẫn như hồi xưa, cũng có thể làm lại như ngày xưa.

— Ngày xưa. Thôi nhà người đừng nói đến làm chi nữa.

— Sao lại vậy... Chỉ có ngày xưa. Cũng chính cái ngày xưa đó mà tôi gặp được tướng quân, đã hào hùng và bây giờ...

— ... Thất vọng.

Tướng quân có biết, nhưng mà thôi...

— Biết sao, nhà người hãy nói ta nghe, anh hãy coi ta như một người bạn... Ai hiểu được ta? Có lẽ chỉ có anh? Mà sao nhà người cũng buồn vậy?

— Tôi nhớ lại lúc còn tại quê nhà ở Giang Nam nghe tin tướng quân nổi dậy, đốt thuyền bè, chống quan lại... Tôi đã lặn lội từ đó lên Việt Đông. Tự xưng vào làm sĩ rốp... Tướng quân còn nhớ những ngày đó.

— Nhớ, mới như vừa mới xảy ra mà đã năm sáu năm trôi rồi còn gì. Dấy lên với hai bàn tay không, với những tấm lòng hào hiệp... Mà này sao tôi không bao giờ gặp được anh?

Có chứ, nhưng chắc tướng quân quên, tôi làm sao để tướng quân nhận ra từng người trong nghìn vạn quân tướng.

Người thanh niên buồn bã:

— Trong nghìn vạn quân tướng ấy đã có bao nhiêu người ngã xuống chiến trường, trải thây trên con đường hành quân, những người đã xông pha ở Việt Đông, Triết Giang, hạ năm thành ở cõi Nam, cướp Châu Thái, lấy Vô Tích, chiếm Lâm Truy... để cho tới lúc tướng quân có một giang sơn như ngày nay, có một thành quách như hiện nay... Và tôi đã sống sót để mai này chứng kiến cái công lao của những ngày gây dựng không còn nữa...

Thôi anh đừng nhắc chuyện đó. Ta đã thua rồi. Anh có tiếc công, tiếc sức rằng đòi theo ta không. Anh có dám rằng ta đã phản bội lòng tin cậy của anh, của các bạn cũng đã theo ta không?

Câu hỏi của Từ dội đi, tiếng trống canh rồi rã, Từ bước đi loang loang. Giọng người thanh niên mơ hồ.

— Lúc sống lại nơi quê nhà, cha tôi nói: bây giờ là thời loạn. Kỷ cương của nước không còn nữa, lòng người ly tán, kẻ sĩ hèn hạ mà còn dùng bút nghiên làm gì nữa, ta muốn thấy người hành động như một tên du côn còn hơn. Câu chuyện ấy vẫn làm cho tôi băn khoăn suy nghĩ không có thời loạn mà chỉ có lòng người loạn. Cha tôi cũng là kẻ khoa

cử nhưng từ chối công danh sự nghiệp, cha tôi nhận như một kẻ cầm điếu đui mù, ngoảnh mặt đi với cuộc sống mà lại muốn con hành động như một tên thảo khấu du côn. Cha tôi cũng loạn sao? Cha tôi bảo kỷ cương không còn, trật tự bị phá hủy, sách vở thánh hiền đã lu mờ còn đâu kẻ sĩ với tinh thần hào hiệp nữa. Lòng người đã phụ với thời, kiến văn chỉ làm người ta đê hèn, bần tiện đi. Kẻ có học dùng sở học vào đường bất chánh như vậy thất học còn hơn, vì thất học không phải nhiễm độc bởi những cặn bã của tư tưởng thì với lương tâm may ra còn sống được ngay thẳng. Làm thẳng du côn có chí thì cứu được đời... Tôi đã ngẫm lại và thấy có phần đúng. Trong xã hội tôi không còn thấy ai là kẻ sĩ nữa. Bọn thư sinh mặt trắng đi vào con đường hư danh, tư lợi... có nghĩa thời loạn còn kéo dài lâu lắm. Giữa lúc ấy tai nghe tin tên Từ-Hải, một tên con nhà thuyền chài vô học dấy lên, lòng người ngã theo tôi nghĩ: Cha tôi đã đúng, và tôi vứt bút nghiên đi theo một tên du côn.

— Một tên du côn, đi theo một tên du côn mà anh nghĩ là phải. Bây giờ anh có tự hối hận không?

— Không, tôi không hề hối hận.

— Tại anh kiêu ngạo không chịu nhận.

Không phải vì tôi kiêu ngạo mà tôi không nhận.

— Hay anh để cho cái định mệnh của lịch sử nó phải thế?

— Không, không bao giờ tôi lấy một thứ số phận, một thứ định mệnh nào để chốn chạy. Chính là tại tôi, tại tướng quân. Tôi muốn hỏi Tướng quân: Tướng quân đâu muốn ép thân thuần phục, đâu Tướng quân có kính nể nàng Kiều, đâu Tướng quân có coi bọn trí thức bỏ hạ ra gì, nhưng sao Tướng quân lại nghe lời bàn của bọn họ.

— Sao anh lại cho rằng tôi không kính nể nàng Kiều, không kính nể mà sao tôi lại có thể cưới nàng làm vợ. Anh nghĩ tại nàng là một con điểm hay sao? Nếu quả vậy thì anh đã nhầm, anh đã cho rằng du côn còn khá thì với tôi, ngày nay trong giới đàn bà cũng chỉ có bọn làm điểm là khá. Du côn dám nhận là du côn, làm điểm dám nhận là làm điểm, còn ai hơn thế nữa. Cả thiên hạ này đang làm điểm mà không dám nhận là làm điểm. Như vậy ai được quyền khinh họ. Chính là nàng Kiều, chính là kẻ làm điểm có lương tâm với nghề làm điểm của mình cung phụng cho khách làng chơi. Ta chẳng sợ gì mà không nói với anh. Ta kính nể con điểm là vợ ta đó.

Còn cái bọn ở chung quanh ta, cái bọn Từ vân Trường, cái bọn Văn hay chữ tốt, khoa bảng ta đâu có coi bằng một con chó ta nuôi. Bọn họ đâu sánh được với nàng Kiều. Ta nuôi bọn nó để cho bọn nó nịnh bợ, nó ca tụng, nó su phụng ta. Ai cũng muốn có kẻ nịnh bợ mình, muốn có kẻ đóng kịch làm hề cho mình coi... Bọn nó theo ta chẳng phải như anh, như quân sĩ của ta. Bọn nó theo ta vì chúng không được làm đầy tớ yêu của chủ chúng như Hồ tôn Hiến chẳng hạn. Chúng bất mãn bỏ đi, và bây giờ anh thấy đó chúng muốn ta hàng để chúng được sống yên ấm với nhung lụa, địa vị... Thời loạn cũng vì bị bọn nó. Bọn chó phản chủ, và chúng mãi mãi như thế. Với ta, khi nào không được ân huyệt nữa bọn nó sẽ phản lại...

Ta đã thua, ta chịu quy hàng chẳng phải vì ta đã nghe theo những vợ, những quần thần, ta chịu thua, chịu hàng bởi vì bọn chúng, không có được cái chí lớn như ta nghĩ. Ta còn lại một mình, ta nài ta chịu thua vì ta thất vọng, ta buồn bã. Bọn họ nghĩ giờ đã có thể lực, địa vị, mục đích đã đạt rồi còn khổ sở làm chi nữa, họ muốn đóng lại cho đúng vai trò mà trước đây họ chống đối. Bọn họ cũng muốn trở thành quan lại bóc lột, cũng muốn xe ngựa áo quần, địa vị ..

Bọn họ cũng như bao nhiêu người kẻ bình thường vậy thôi.

— Không, không thể như thế được...

Ta không muốn chính những kẻ theo ta sẽ giết ta. Ta cũng chỉ là một tên du côn, một tên du côn về già, một tên du côn hết thời. Ta tiếc rằng sao không chỉ giữ mình là một tên du côn ở đất Việt Đông cho xong. Ta nghĩ tối mai này, ta phải khúm núm với cân đai bố tử ra vào chốn triều đình, cúi ngời với bọn quan lại, nài thừa nài gửi mà sao ta muốn chết quá, hãy vứt bỏ hết đi... Làm đời một thằng du côn với mảnh khố rách chắc còn sung sướng hơn nhiều... Mai này anh có chịu ra quy hàng, nhận lãnh bổng lộc của triều đình ban cho không?

Không, canh ba đêm nay tôi sẽ mạo muội tướng quân mà trốn đi.

Anh không muốn được hưởng phú quý vinh hoa với ta sao?

— Tôi còn đầy đủ điều kiện để làm một thằng du côn. Chốn công quyền không phải nơi tôi lui tới. Tướng quân sắp từ chức một tên du côn rồi.

— Anh cho làm du côn là cao quý lắm sao.

— Thời này địa vị du côn cao quý lắm, không có gì so với hẳn được nên tôi đã thưa với tướng quân.

— Anh có bằng lòng cho ta cũng chốn đi làm du côn trở lại được không?

— Tại sao không?



phong trần mãi một lưỡi gươm, như thể có nghĩa Từ-Hải vẫn chưa hàng, cuộc phiêu lưu của Từ-Hải chưa chấm dứt, Từ-Hải không chết đúng. Từ-Hải còn sống... và câu thơ của Hoàng Sào: **Bán khiên Cung kiếm nhất trao giang sơn.** Vẫn còn được ngân lên với tiếng nhịp đập trên đống kiếm... Trả câu thơ ấy về cho **Người trai phượng nỏ** với giấc mộng không thành để trở thành một **Hồng sơn liệt lộ.** Ba trăm năm sau có ai khóc cho chàng không? Tạ ơn người.

(trích: THẦN THOẠI TỪ-HẢI — 1963)

DƯƠNG NGHIÊM-MẬU

albert camus

DỊCH HẠCH

LA PESTE

(tiếp theo)

HOÀNG-VĂN-ĐỨC

dịch

Lẽ dĩ nhiên, không có gì trong tất-cả những điều đó là tuyệt-đối. Bởi vì nếu quả có đúng là những người bị chia-cách đều đi đến tình-trạng đó, thì đúng ra cũng phải nói rằng họ không đến cùng một lúc và dù cho có bị đặt yên-vị vào trong thái-độ mọi-mê đó, thì những tia-sáng, những sự trở-lại, những sự sáng-suốt bất-thần lại kéo những con bệnh trở-về một sự cảm-xúc trẻ-trung hơn và đau-đớn hơn. Muốn thế phải có những giây phút giải khuây trong đó họ dự tính một vài việc mặc nhiên cho là dịch-hạch đã chấm-dứt. Họ bắt-buộc phải cảm-thấy bất chợt, và dưới hiệu-lực của một ân-sủng-pào đó, vết cấn nhức-nhối của một lòng ghen-tuông vô duyên-cớ. Những người khác cũng thấy như tái sinh lại bất-thình-lình, thoát ra khỏi tâm trạng u-mê vào những ngày nào đó trong tuần lễ, dĩ nhiên là vào ngày chủ-nhật và chiều ngày thứ-bảy, bởi-vì những ngày đó trước-kia thường được đề-dành cho một-vài tập tục, khi còn chung-sống, với người vắng-mặt. Cũng có khi, một cơn buồn vẩn-vương xâm-chiếm họ lúc ngày tàn, báo cho họ biết rằng, tuy không hẳn bao giờ cũng đúng như thế, trí nhớ của họ sắp trở lại. Cái giờ ban chiều đó, đối với những người có tín-ngưỡng là giờ kiểm thảo lương tâm, cái giờ đó thực là giao-nan đối với người bị-cảm-tủ hay đối với người bị-lưu-dày chỉ có khoảng trống không để kiểm-thảo. Nó giữ họ lơ lửng một lúc, rồi họ lại trở lại tâm-trạng suy-nhược vô-thần, vô-lực, giam mình trong dịch-hạch



Người ta đã hiểu rằng điều đó có nghĩa là từ bỏ những sự gì mất-thiết đối với mình nhất. Trước kia, trong thời kì những ngày đầu của dịch-hạch, họ bị đau khổ bởi nhiều những chuyện vật-vãnh nhỏ nhặt thâu-gồm lại, đối với họ thì có rất nhiều ý-nghĩa, nhưng đối với những người khác thì

tuyệt-nhiên như không có và như thế là họ tập-sự cho quên với đời sống cá-nhân bây-giờ trái-lại, họ chỉ còn chú-í đến những sự gì cũng cùng làm cho những người khác chú-í đến, họ không còn có những ý-tưởng khái-quát và ngay chính tình-yêu của họ đối với họ cũng đã-mang một bộ mặt trừu-tượng hơn. Họ bị phó-mặc cho dịch-hạch cho đến một-đời-khi cũng thấy họ cũng chỉ còn hy-vọng rằng dịch-hạch sẽ yên đi và bất chợt tự thấy mình đang nghĩ rằng: «Hạch mãi rồi thôi cho nó chấm dứt đi là vừa!» Nhưng các hạch thực ra cũng đã yên yên rồi, và tất cả thời gian đó chỉ còn là một giấc ngủ dài. Dân-cư trong thành-phố bây-giờ là những người ngủ mà vẫn tỉnh, chỉ thực ra thoát khỏi số phận của họ trong những lần thừa-thót hoạ-hoàn trong đó, về ban đêm, vết thương bề ngoài đã khép miệng của họ bất thần lại bung ra lại. Rồi giật-mình thức giấc giậy, họ mới sờ qua hai mép vết thương đang bị day-dứt, với một thứ dăng tri, và trong thoáng một giây tìm thấy lại sự đau-khổ của họ, bỗng-nhiên hồi-trê-lại, và, cùng với nó, về mặt đau đớn của tình yêu của họ. Sáng ngày ra, họ lại trở-lại với dịch hạch, nghĩa là với những việc làm quen thuộc nhằm chán.

Nhưng người ta sẽ hỏi: trông những người bị chia-li đó ra làm-sao? Xin thưa rằng, điều đó thực giản-dị, trông họ không làm-sao hết. Hay, nếu người ta muốn như thế hơn, trông họ cũng như mọi người khác, có một vẻ hoàn-toàn chung với tất-cả chứ không có gì đặc-biệt. Họ chia sẻ sự bình-thản và những sự xung-động trẻ-con của thành-phố. Họ mất đi những vẻ bề ngoài của óc phê bình chỉ-trích, trong khi được những vẻ bề ngoài của sự can-đảm. Người ta có thể trông-thấy, để lấy làm thí dụ, những người thông-minh nhất trong bọn họ làm ra bộ cũng tìm tòi như những người khác trong các báo, hay trong các buổi phát-thanh, những lý lẽ để tin rằng dịch-hạch sẽ chấm-dứt mau chóng, và cũng nuôi những hy-vọng mỏng-manh, hay cũng sợ hãi vô-duyên-cớ, khi đọc đến những í-kiến được một nhà báo viết ra cho qua-quýt, miệng ngáp dài lộ vẻ buồn-chán. Còn đối với mọi chuyện khác, họ uống bia hay chăm nom các người bệnh của họ, lười-biếng hay mệt-mỏi, xếp đặt các phiếu bệnh hay cho các đĩa hát chạy không phân-biệt cái nào với cái nào. Nói một-cách-khác, họ không còn chọn lựa gì nữa hết. Dịch-hạch đã tiêu huỷ những sự phê-phán theo giá-trị. Và điều đó trông-thấy-rõ ở cách không còn thấy ai chú-trọng đến phẩm-chất của áo-quần hay thức ăn mà người ta đi mua về nữa. Người-ta chấp-nhận một-cách sô-bô.

Để chấm-dứt, người ta có-thể nói rằng những người bị phân-chia không còn có sự biệt-đãi lạ-lùng đã che-chở họ lúc đầu. Họ đã-mất đi tính ích-kỷ của tình-yêu, và những lợi-lộc do tình-yêu đem lại. Ít ra, bây-giờ, hoàn-cảnh đã thực sáng-sủa rõ-ràng, dịch-hạch có liên-

quan đến tất-cả mọi người. Tất-cả chúng tôi, ở giữa những tiếng sùng nổ nghe vang ở các công-tỉnh, những tiếng dẫu triện đóng chia nhịp đời sống hay những cái chết của chúng tôi, ở giữa những đám cháy và những phiếu ghi, giữa sự kinh-hoàng và những giấy-tờ hình-thức, bị hứa-hen cho chết một cách nhục-nhã ê-chề, nhưng được ghi vào sổ tử-tế, giữa những làn khói kinh-khủng và những tiếng còi binh - thần của các xe-chở-bệnh, chúng-tôi nuôi-dưỡng mình bằng cùng một thứ bánh lưu-đày, trong khi cùng chờ-đợi mà không hay-biết cũng sự hợp-mặt và sự bình-yên lam rồi - loạn tâm-thần. Tình-yêu của chúng - tôi dĩ-nhiên bao-giờ cũng vẫn còn có đó, nhưng, một-cách-giảm-dị, nó không-dùng-vào-được-việc-gì, nặng-chịu trên mình, bất-động bên trong chúng-tôi, khô-cằn như tội-ác hay sự lên-án. Nó chỉ còn là một sự kiên-nhẫn không tương-lai và một sự đợi-chờ đây trở-ngại. Và về phương - diện đó, thái-độ của một đồng-bào của chúng-tôi làm liên - tưởng đến những cái đuôi dài nối nhau ở bốn góc thành-phố, trước các tiệm bán đồ ăn. Cũng sự nhẫn-nhục đó và cũng sự bao-dung khoan - thứ đó, vừa bất-tận vừa không ảo-tưởng. Chỉ có việc nâng cao tình-cảm đó đến một kích - thước một ngàn lần lớn hơn về phương-diện chia-li, bởi-vì khi đó vấn-đề là một sự đối khắt - khác, có khả năng ngốn-ngấu tất-cả.

Dù-sao chăng nữa, cho rằng người-ta có muốn có một i-kiến đúng đắn về trạng-thái tinh - thần trong đó hiện diện ở các người bị chia li của thành-phố chúng-tôi, thì có lẽ lại phải gọi nhớ đến những buổi chiều hôm bất-tận ánh-vàng và bụi - bặm buông xuống thì trần không cây-cối này, trong khi các người nam, nữ cùng nhau tuôn vào trong các đường-phố. Bởi-vì, một cách kì-lạ, sự gì đau lên trong lúc đó về phía các sân thượng hãy còn chói-chang ánh-sáng mặt trời, trong sự xa vắng của những tiếng động xe-cộ và máy-móc thường làm thành tất-cả ngôn ngữ của các đô-thị, chỉ còn là một tiếng âm i vĩ đại những bước chân đi và những giọng nói trầm, tiếng lướt đau-đớn của hàng ngàn những đế giày theo nhịp tiếng còi hú của địch-hạch trong bầu trời nặng-chịu, một tiếng chân dẫm vô-tận và ngọt-ngọt, sau-cùng, dần dần tràn-lan khắp thành-phố và, chiều nay và chiều khác, đem giọng trung-thành nhất và buồn-tẻ nhất của nó cho sự bướng-bỉnh mù-quáng đang thay-thế tình-yêu trong lúc đó, trong tâm-can của chúng-tôi.

albert camus
**DỊCH
HẠCH**
L. PEST

(còn tiếp)

HOÀNG VĂN-ĐỨC dịch

GIỌNG BUỒN LANG THANG

nửa đường đi nhớ Tô-hoài
nghe con dế cổ thổi còi bao vây
may tôi còn đủ chân tay
chạy bừa bãi trốn xa ngày trẻ thơ

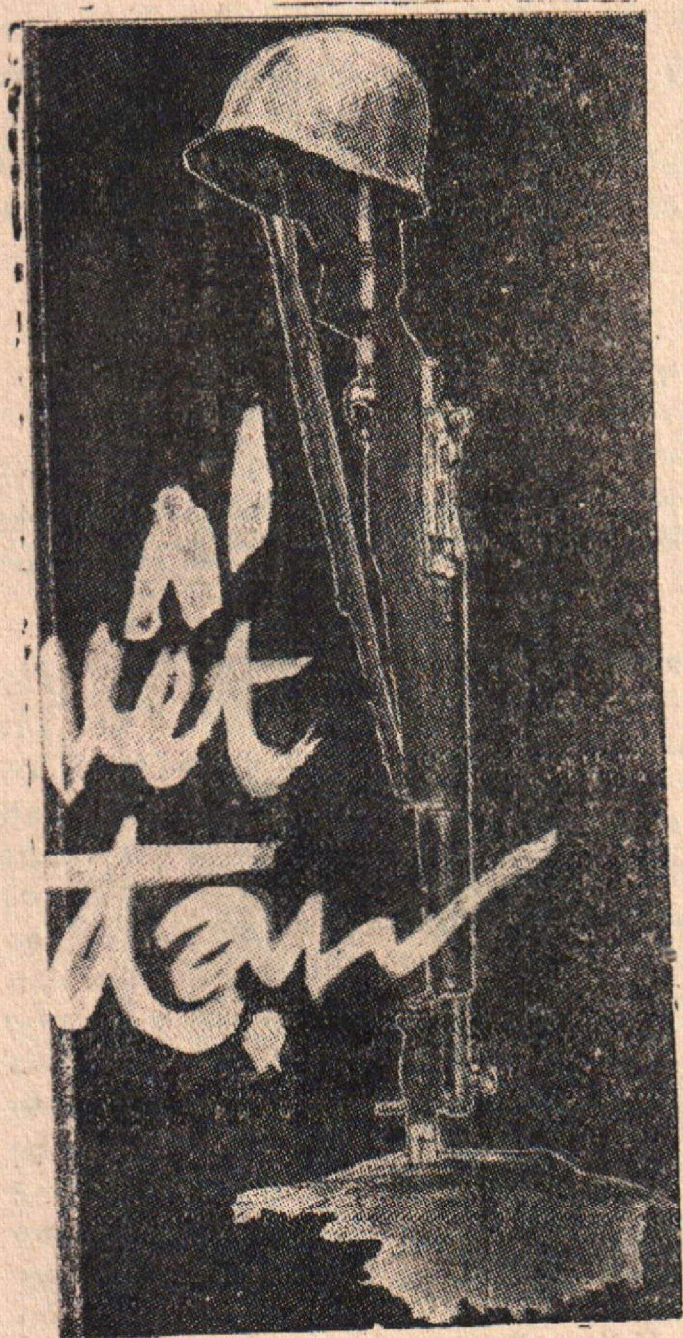
thoát rồi về nghĩ bằng quơ
lạ chưa tôi lại nghi ngờ tôi thêm
điệu ca buồn lốt làm nên
đời khuyển hồn dụng vài đêm diễn trở

màn treo tôi giọng nhỏ to
bờ sông cảnh lạ con cò lặn lội
cũng xong cũng đủ một đời
ba chìm bảy nổi góp lời chung tim

tưởng rồi phận núp trong im
từ đen tối chuột ra tìm trách tôi
may chưa đi khỏi cuộc đời
sao hèn nhát trốn, con người thế ư?

tay che mặt then găm gờ
lưng đao sườn kiếm tôi chờ phơi thây
lòng sâu xa hẳn thơ ngây
hồn tôi cũng mất sau ngày đầu quân.

LUÂN-HOÀN
(Trôi sông)



truyện dài
của
Nguyễn Sa

(tiếp theo)

5

« Như thế Thắng sẽ khởi trở lại lý do tình cảm ». Đó là ý nghĩ của Thảo trước khi đi ngủ. Thảo đã tìm được danh từ chính xác cho sự việc xảy ra lúc chập tối. Phương tiện. Phương tiện đúng hơn là giá cả, nâng nghĩ như thế. Liên hệ tình dục với Thắng là một phương tiện, chỉ là một phương tiện, không được vượt ra ngoài phạm vi của phương tiện. Thảo muốn như thế.

Ý muốn đó đã làm cho Thảo nhắc lại việc Đoàn Thắng bị hành hung, sáng hôm sau, trong bữa ăn sáng.

— Anh có cho là họ cố ý không? Thảo nói.

— Nhất định là cố ý rồi. Nhưng tại sao lại cố ý?

Thảo nắm lấy cơ hội để đóng sâu một cái đinh đã cắm sẵn, đưa Thắng đi thật xa cái « lý do tình cảm ». Những người tuổi trẻ đã hành hung Đoàn Thắng là một bọn du đãng được thuê mướn. Bà giáo Huỳnh thám thính, báo cáo với các ông bạn « mặt chược » của được sĩ Vương Long. Vương Long do sự súi bầy của bạn bè Saigon và Đà Lạt đã thỏa thuận cho nhóm bạn « mặt chược » thuê người hành hung Thắng, Thảo cắt nghĩa như thế.

— Sao em biết Long bị súi bầy ?

Thảo nở một nụ cười đắc thắng :

— Anh không biết cú điện thoại của cô Gaumont à ? Em quên không kể cho anh là cô ấy bảo ở Saigon bọn đàn ông bạn của Long thường họp với Long và họ có vẽ bàn bạc điều gì bí mật lắm... Và việc này xảy ra...

Câu nói cuối cùng của Đoàn Thắng trong bữa ăn sáng xác nhận tính chất « hợp lý » của câu chuyện do Thảo đưa ra. Nhưng lời xác nhận đó lại bị chính ký giả mặt trận phủ nhận trong cuốn nhật ký. Họ Đoàn gọi đó là « giả thuyết. » Những giọng chữ ghi nhận phản ánh một cố gắng mãnh liệt để giữ vững sự sáng suốt của ý thức. Đoàn Thắng nhận định rằng « trong tình trạng hiện tại, không đủ dữ kiện để minh chứng một cách tuyệt đối chắc chắn lý do của cuộc hành hung » nhưng vì lý do nào đi nữa, một trang giấy viết đầy đặc cho biết là đều không quan hệ. Vấn đề thiết yếu, có một tầm quan trọng lớn lao với ký giả họ Đoàn là « tại sao lại làm như thế. » « Phản ứng trả thù », « sự thức tỉnh, vươn lên của một tinh thần vô thức », « lý do thuần túy sinh lý », « nạn nhân của vai kịch » là những nguyên nhân có thể mà họ Đoàn trong nhiều trang giấy, đã chiếu lên đó lớp ánh sáng chói lọi và lạnh lùng của ý thức. Đoàn Thắng không chối bỏ những khoái cảm cuồng nhiệt đã kéo đến như vũ bão và anh nhận rằng « khách quan mà xét, vai trò của thể xác trong tình ái quan trọng. Tầm quan trọng đó rất lớn lao trái với sự lầm tưởng của những tâm hồn lãng mạn, các nhà đạo đức. Nhưng ở đây sự rung động thể xác đến sau là hậu quả nhiều hơn là nguyên nhân. » Tính chất « khách quan » của nhận xét đã được bênh vực bởi những hoài niệm gọi ra, bởi những cái nhìn thẳng, soi mói vào nội tâm — Tự nội quan của Đoàn Thắng không cho anh tìm thấy dấu hiệu của một ham muốn nào mới về Thảo trong những ngày tháng dĩ vãng. « Sự thức tỉnh, vươn lên của một tinh thần vô thức » có vẻ vững chắc hơn. Nhưng giả thuyết này, giả thuyết đã làm Thảo lo âu, cũng bị Đoàn thắng lật đổ cũng như giả thuyết gọi là « phản ứng trả thù. » Đoàn Thắng cho rằng mình đã vượt quá cái tuổi mà những tinh thần thời niên thiếu bị chôn vùi trong vô thức có cơ hội sống lại. Những kỷ niệm được gọi lại, những sự gặp gỡ bất ngờ có thể làm mỉm cười khoan khoái, làm chút ít luyến tiếc thoáng hiện trong mắt nhìn nhưng đó « chỉ là những ngọn gió nhẹ vừa đủ làm mặt nước gợn lên vài nếp nhăn chẳng làm nên sóng lớn » vì « trên thân cây thối rữa đã làm khô héo, có thể có nấm, có rêu, nhưng chỉ có hoa tươi nụ mới » Freud đã được họ Đoàn nhắc đến với một giọng hoài nghi, chế giễu : « Mình đã quá tuổi tin tưởng ở những huyền thoại tâm lý vô thức của Freud. » « Phản

ứng trả thù » bị Đoàn Thắng bác bỏ vì chưa bao giờ Thắng nghĩ rằng cuộc hành hung được tổ chức bởi Vương Long cùng bạn bè của được sĩ này. Hơn nữa, đó không phải là « tử nạn đầu tiên » trong đời sống của ký giả mặt trận. Giả thuyết « nạn nhân của vai kịch » bị Đoàn Thắng bài xích quyết liệt hơn cả. Họ Đoàn nhắc lại những ghi nhận cũ : trong đời sống, nhiều khi đóng kịch với tha nhân, người ta có thể trở thành nhân vật kịch với chính mình..

Anh còn tăng cường sự ghi nhận đó bằng một vài văn ảnh : « chuyện đùa khi tuổi nhỏ » có thể trở thành chuyện thật. Nhưng, Thắng viết : « Sự di chuyển tình cảm đó chỉ xảy ra khi ý thức thiếu sáng suốt, cảnh giác ; thời gian cho phép những động tác, cảm nghĩ trở thành tập quán. Tập quán và ý thức thiếu sáng suốt mới đủ sức mạnh làm cho người đóng vai kịch trở thành tù nhân của vai kịch, nhầm lẫn « đùa » và « thật ». Còn với họ Đoàn, trong trường hợp cố định này, « sự cảnh giác của ý thức chẳng bao giờ vắng thiếu » và « khoảng thời gian ngắn ngủi của » cuộc chơi « mới mở màn chưa đủ để cố gắng cho tập quán một mảnh đất để thiết lập doanh trại. »

« Vậy nguyên nhân nào đã đẩy mình làm như thế ? » mình quá tin tưởng ở khoa học để có thể chủ trương rằng đó chỉ là một hành động không có nguyên nhân. Mình quá thông minh hay quá ngu độn để chấp nhận một nguyên nhân thần lý loại ý muốn của tạo hóa, số kiếp. Hãy nhìn thẳng vào mọi việc : nếu gian phòng sáng hơn, nếu Thảo đứng di chuyển từ phía gối qua mép giường, nếu Thảo chỉ vào phòng nửa giờ sau mình tỉnh dậy, nếu mình bị thương ở tay mặt thay về tay trái, động tác có xảy ra không ? Nhưng thực tế là mối liên hệ dục vọng đã xảy ra. Đơn giản : đã ngủ với Thảo. Đó là một sự kiện, một hành động. Hành động đến từ nguyên nhân mơ hồ, vô định sẽ mang lại hậu quả nào, ý nghĩa nào ? Cần phải nhìn rõ hậu quả vì nó bao hàm ý nghĩa và ý nghĩa, trong một phạm vi nào đó, sẽ xác định nguyên nhân. Thí dụ : nếu hành động đã làm đưa tới một chuỗi hành động tương tự, đưa tới hậu quả tiếp tục ngủ với Thảo và không đặt ra vấn đề tình cảm tức là xác nhận nguyên nhân thuần túy sinh lý của hành động đã xảy ra. Thí dụ khác : nếu sau đây nhân là sự giải bày tình cảm, sự săn sóc triu mến, thiết lập sự đồng loã qua nụ cười, khoe mắt là xác nhận nguyên nhân tình cảm. Nhưng thành thực mà xét : hậu quả sẽ là *không có gì thay đổi xảy ra cả*. Mối tương quan giữa Thảo và mình chắc chắn sẽ *không thay đổi gì*. Cần phải giữ tròn tình bằng hữu và đóng xong vai kịch nhân danh tình bằng hữu đó. Và như thế, hành động đã xảy ra là hành động không ý nghĩa, vô lý. Ý nghĩa duy nhất của hành động đó chỉ có thể là sự vô nghĩa. »

Những giòng tiếp theo cho thấy một tâm trạng thường gọi là bi quan : « Nhưng chẳng lẽ những hành động có một tầm quan trọng đáng kể trong một đời người đều chỉ có một ý nghĩa duy nhất là sự vô nghĩa này sao ? Có thể cho chúng những ý nghĩa khách quan, trừu tượng. Nhưng đi sâu vào từng khía cạnh của ý thức càng được chấp nhận sẽ thấy những cột trụ to lớn đó đều rỗng. Ý nghĩa được đốt sáng, càng thấy bóng tối dày dặc, mênh mông. Càng tìm kiếm càng lạc lõng, lạ thay !.. »

Những tuần lễ tiếp theo, kỳ giả mặt trận có cơ hội hay đúng hơn bị đặt trong tình trạng phải tìm hiểu nội tâm, mình kỹ lưỡng hơn nữa suy nghĩ nhiều hơn về ý nghĩa đích thực của hành động này và những hành động khác của anh cũng như ý nghĩa đích thực của cuộc sống.

Trong hiện tại, trung thành với ý tưởng của mình, họ Đoàn đã tiếp tục đóng vai trò tình nhân của bà được sĩ Vương Long nhưng không có gì xảy ra cả. Diện mạo, cử động thái độ, ngôn ngữ của họ Đoàn có phần nào ngượng ngáp, có mất đi ít nhiều vẻ tự nhiên ngoài ý muốn của chính anh chàng? Anh có cảm thấy một tình cảm khác lạ nào nhen nhúm trong tâm hồn như một loài cây leo ném ra những cánh tay vương vít? Không thấy họ Đoàn nói gì trong cuốn nhật ký của anh. Nhưng phải nghĩ rằng Đoàn Thắng hơi đổi khác. Đổi khác chỗ nào? Thắng có đòi về Sài Gòn sớm hơn không? Về mặt đảm chiêu, cử chỉ ngượng ngùng mất tránh những tia nhìn của Thảo, tránh những cuộc đi dạo hàng ngày những cuộc thảo luận kéo dài? không, trái lại. Thảo cố gắng quan sát để tìm kiếm một dấu hiệu nào đó của sự vò xé lương tâm, sự ăn năn, hối hận qua động tác ngại ngùng của Thắng nhưng Thắng tỏ ra vui vẻ, bình tĩnh. Chính Thắng đề nghị những buổi đi dạo hàng ngày. Chính Thắng tìm những đề tài thảo luận, nêu những câu hỏi đặt những vấn đề để mở đầu và kéo dài những cuộc nói chuyện của hai người. Và khi Thảo đề nghị ở thêm vài ngày nữa, sau khi ngày thứ sáu của cuộc du ngoạn đã trôi qua, Thắng đã nhận lời tức khắc. « Ở thêm vài ngày nữa, tốt lắm. Đề thảo xong mấy cái «băng» này rồi hãy về... Có lúc Thảo nghĩ rằng hay là Thắng muốn tiếp tục mối liên lạc tình dục. Ý tưởng này bị gạt bỏ ngay nhưng cũng đủ làm một cuộc mở vào một thạch động kỳ lạ trong đó những ánh sáng chói lọi, chen lẫn với những vùng bóng tối, những bãi cỏ dịu xanh, vườn hoa mùa xuân bị bao quanh bởi những vùng nước đục ngầu, những tảng đá ngập rêu, Thảo nghĩ những việc đã xảy ra với sự ăn hận chân thành, với sự suy luận lạnh lùng, với khoái cảm mãnh liệt. Ăn hận, suy luận và khoái cảm những xuất hiện kế tiếp lẫn lộn, thay phiên và lẫn lộn bất khả phân như những nước của những giòng suối khác nhau đã nhập thành sông, như nước của những giòng sông khác nhau đã tan thành biển. Ăn hận vừa dừng lại sự suy luận lạnh lùng như một cuồng phong đã cuốn bay đi. Thảo nghĩ rằng mình không phải là người đàn bà cổ xưa, kính sợ những nguyên tắc bề mặt. Trước khi lấy Long, Thảo đã có những liên lạc với những người đàn ông khác. Không phải là Thắng. Thắng chỉ là tình cảm vụn vặt thuở học trò, nhưng trước khi lấy chồng khác. Thảo sẽ phản đối, bất bình nếu Long phán đoán những việc làm của Thảo trước khi gặp Long. Người đàn ông không có quyền phán đoán ngược dòng thời gian như thế. Nó phải chấp nhận, phải yêu mình nguyên vẹn, toàn diện như khi gặp gỡ, với tính tốt và nét xấu, tội lỗi. Nhưng sau đó, phải nhận là người đàn bà sẽ có lỗi, sự cam kết tinh thần đã được chấp nhận qua hôn nhân. Thảo nghĩ rằng đã lắm, đã có tội vì không chống cự lại Thắng. Lời tự kết án này vừa thành hình trong cuộc đối thoại thầm lặng, sự suy luận lạnh lùng liền kéo đến. Sự cam kết tinh thần, nếu không bị hủy bỏ, có thể coi được là đã bị tạm thời ngưng áp dụng. Long vi phạm đầu tiên. Minh chỉ vi phạm nhằm mục đích làm cho Long đứng vi phạm nữa. Sự

vi phạm của mình chỉ là một phương tiện. Đúng rồi, chỉ là một phương tiện, nhằm một cứu cánh tốt. Phương tiện cần thiết thực hiện trong trường hợp bắt buộc. Và lại sự việc tự nó tới, mình không tạo ra. Và lại, đến giờ phút này, vẫn chưa thấy nó lên hay cho người lên giàn xếp, tìm kiếm mình về thì chẳng có gì là đáng hối hận. Mà cái anh Thắng này kỳ thật. Không có cử chỉ nào báo trước là nó sẽ làm như thế. Đây là Thắng đang có thương tích. Cánh tay nó ghi mạnh như chiếc kim thép. Nó vuốt ve cũng dữ dội, mãnh liệt. Thật lạ lùng: vuốt ve thì phải dịu dàng tại sao lại vuốt ve thô bạo có thể gây ra khoái cảm bùng cháy như thế. Không nên nghĩ đến chuyện này nữa, không nghĩ nữa. Dù sao, đi cũng là một tội lỗi, không nghĩ nữa. Không nghĩ đến chuyện này nữa...

Những đêm cuối cùng ở Đà Lạt, Thảo bước vào giấc ngủ chậm chạp như một con thuyền đi ngược một dòng nước chảy xiết. Những lời tự nhủ trốn tránh «không nghĩ đến chuyện này nữa» là những mái chèo kêu gọi sự hỗ trợ của ý chí là là dấu hiệu của những yếu đuối hay của sự mệt mỏi tăng dần?...

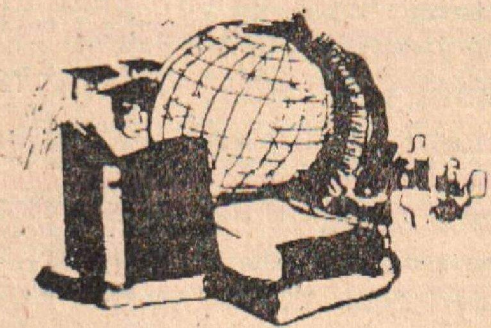
(còn tiếp)

NGUYỄN-SA

CÁO LỖI

Vì trong số *VĂN HỌC* đặc biệt này, chúng tôi đã mời nhà văn Nguyễn *MANH-CÔNG* viết một bài về *Cụ Tiên-Điền Nguyễn-Du*, nên đoạn cuối truyện « Một vụ xử án trong vùng tề » cũng như mục sinh hoạt xin để lại số sau. Mong quý bạn lượng thứ.

V.H



CHÂN TRỜI VĂN HỌC

Trần-Điện

Tiếng nói trong tuyết

của OLGA ANDREYEV-CARLISLE (1)

Dầu cho có sống chung hòa bình với nhau, giữa Nga Xô và các nước Tây phương vẫn còn xa lạ nhau lắm. Trong cuốn *Năm tháng với người đời*, Zlya Ehrenbourg nêu lên nhiều mẫu chuyện con con mà cay độc, có ý trách cứ bên Anh, bên Pháp, người ta ít biết về xứ sở quê hương của ông quá : Ai đời chủ tịch hội Văn Bút Anh quốc mà không hề biết Ehrenbourg là văn sĩ Nga, ai đời một nhà văn Pháp mà lẫn lộn Alexis Tolstoi với Léon Tolstoi v.v...

Nhưng thử hỏi Ehrenbourg đồng bào ông được biết gì về Mỹ ? về Pháp ? về Anh ? Danh tiếng như J.P Sartre mà trước sau tác phẩm được dịch ra tiếng Nga có mỗi một cuốn *Ái Giang hồ*, mỏng dính, không giới thiệu được chút gì triết học hiện sinh hết !

Tình trạng ấy làm cho những đoạn mô tả sinh hoạt Paris trong cuốn hồi ký của Ehrenbourg chắc chắn được độc giả Nga cho là lý thú lắm. Cũng như những điều Olga Andreyev — Carlisle thuật lại về sinh hoạt của các nhà văn Nga : Essénire, Choloikov, Evtoncheuko, Pasternak, Dondistsev Ehrenbourg... làm cho độc giả ngoài bức màn sắt rất lấy làm thú vị. Tác giả cũng là người Nga, di cư, trưởng thành ở Pháp, về sau lấy chồng người Mỹ, nên mới theo chồng trở về Nga sống được ít lâu. May mắn được trở lại cái xứ sở quê hương đầy bí mật, bà vội vã lắng tai và... cái tiếng nói cất lên từ trong tuyết được giới thông thạo khen là rất độc đáo.

Từ giờ Giờ thứ hăm lăm Cho đến Giờ vĩnh cửu(!)

Cố nhiên, đó là tên một tác phẩm của C. Virgil Gheorghius... Giờ thứ hăm lăm là chuyện đời của Gheorghius... Cho đến giờ vĩnh cửu giờ thiệu cuộc đời của thân sinh ra ông cũng một linh mục như ông hiện nay

Khoa học nguyên tử với văn nghệ

Nhà bác học nguyên tử Oppenheimer bị truy tố vì hoạt động chống Hoa-Kỳ. Jean Vilar cho trình diễn vở kịch *Hồ sơ Oppenheimer*, phỏng theo vụ án nọ. Một vấn đề được đặt ra: nhà khoa học nên có thái độ ra sao khi phát minh của mình có thể đe dọa nhân loại?

Tạp chí *les nouvelles littéraires* đã hỏi Jean Rostand, Alfrerd Kastler, André George...: «Nếu ông là Oppenheimer thì ông làm thế nào?»

Đại khái, quan điểm của các khoa học gia danh tiếng đều gần giống nhau, tuy mỗi người có một cách đề đặt riêng. Andre George găm câu nói của A. Camus: «Cái thời của người nghệ sĩ vô trách nhiệm đã qua rồi.» A. Kastler kết thúc: «Cái tháp ngà thuộc về dĩ vãng.»

(Riêng vở kịch của J. Vilar, nhà phê bình kiêm triết gia Gabriel Marcel cực lực khen ngợi về phương diện nghệ thuật).

Họa sĩ

CẦN ĐƯỢC SUNG SƯỚNG

Họa-sĩ Christian Caillarol vừa mang vợ và con gái từ Madagascar về, khoe rằng ông đã tìm ra thiên đường: Đó là một hòn cù lao nhỏ — cù lao Khỉ (Nossi-Kombé) — ngoài khơi đảo Madagascar. Cảnh ở đó hết sức đẹp, người ở đó hết sức an nhàn, không bận bịu chút ưu tư gì.

Hỏi: Có phải đi như vậy để tìm cảnh đẹp mà vẽ chăng?

Đáp: Không. Họa sĩ không cần đi tìm đề tài. Đề tài ở đâu cũng có. Cái nào cũng như cái nấy, không cần cảnh đẹp. Đi đến một chỗ đặc biệt như vậy là cốt để được sống những giờ phút thật khoái. Hết khoái, là vẽ được.

Còn thi sĩ cần cái gì?

Họa sĩ đi tìm đảo Khỉ, tìm khoái, tìm thiên đường. Trong lúc đó, thi sĩ Đoàn Thêm ở ta, suốt năm sáu năm trời, cũng mãi mê tìm kiếm: *Tìm Đường* (Từ Thước kẻ...), *Tìm hiểu hội họa*, và mới rồi lại... *Tìm đẹp* (2), cái đẹp ở khắp nơi: ở tác phẩm nghệ thuật, ở nơi những vật dụng con con, ở diện mạo vóc dáng con người v.v...

Nổi khao khát của người thi sĩ tinh tế và uyên bác ấy rất bổ ích.

(1) Nhà xuất bản Plen.

(2) Nam chi xuất bản



Người nghệ sĩ Cộng Sản

với CHÚA TRỜI

Pier Paolo Pasolini vừa là thi sĩ vừa là tiểu thuyết gia khuynh Cộng. Còn xã hội đề cập tới trong các cuốn *Ragazzi di vita*, *Una vita violenta*, là xã hội những hạng bần cùng ở ngoại ô thành Rome. Mức sống vật chất của những nhân vật ấy đã tồi tệ, mà mức độ tinh thần, đạo đức của họ càng tồi tệ hơn. P.P. Pasolini phơi trần ra trước lương tâm chúng ta một cảnh sống nhiều khi làm cho độc giả ghê sợ.

Một hôm Pasolini bắt gặp ở nhà Don Giovanni Rossi một cuốn Phúc âm, đọc, và diễn thích. Tiểu thuyết gia quay ra làm phim. Cuốn phim *Phúc âm theo thánh Mathien* của ông thực hiện xong, trình bày ở Venise, và đã được một giải thưởng (giải Grand prix de l'offie Catholique international du cinéma).

Có điều, theo dư luận, cuốn phim ấy đáng lẽ nên đặt tên là *Phúc âm theo Pasolini* thì đúng hơn. Bởi vì đáng Cứu thế trong Thánh Kinh với đáng Cứu Thế được chờ đợi trong quan niệm của Pasolini khác nhau thật xa.

Một phong trào

VĂN NGHỆ... GẶP MAY!

Gần đây có một loạt sách nói về «tiểu thuyết mới»: *The parole veigante* của Ludovic Janvier, *Robbe-Grillet ou le Roman de l'absence* của Olga Bernal, *Michel Butor ou le livre futur* của roudaut, *Illustrations* của Michel Butor. Trong một bài điểm sách nói về các tác phẩm này, R. M. Albérès tự hỏi: tại sao «tiểu thuyết mới» được nói tới nhiều vậy? Mau nổi đình nổi đám vậy? Với một chút mĩa mai, nhà phê bình bảo: Sinh viên các nước ngoài, hạng hơi «chậm tiến» một chút thì tìm một luận đề về «Camus hay Saint Exupéry với một tí Srtre», còn hạng tào bạo hơn thì «Robbe Grillet-Butior-Sarraue» tuy chưa hề đọc tới các tác giả này. Tại sao vậy? (Trong khi ấy «tiểu thuyết mới» chỉ là một chủ trương còn quá mới mẻ chưa có thành tích vững, lại cũng không có vẻ gì sẽ tồn tại...)

R. M. Albérès tự giải đáp: Không nói về «tiểu thuyết mới» thì biết nói về cái gì? Nói về ai? mười lăm năm nay không có một nhóm nào, một tên tuổi nào xuất sắc hết — Trước kia, có một thời của Mauviac, một thời của Malrecus, của Sartre, của Camus v.v... Sau này, ai? — François Sagan chẳng? Sagan hùng mạnh quá, «lòn qua kẽ ngón tay như lươn»! — Roger Peyre Jilte chẳng? Vô vị quá!

Trong lúc ấy lại có những người rất cần nói, thật gấp. Về, văn chương, «tiểu thuyết mới» nổi như cồn vì vậy!

TRÀNG-THIÊN

hộp thư

VĂN HỌC

Sáng tác thơ văn của các bạn: **Tâm Hoài Linh**, **Hoàng-ngọc-Anh** (Qui-nhơn) **Phương-Chư**, **Trần-huy-Bình** (Phan-Thiết) **Nguyễn-Bạch-Dương**, **Lan-Trúc-Phượng** (Kiến-hòa) **Lan-Trúc-Mỹ** (nhóm **Hương Dạ-Lan**) **Hoàng-đức-Tiến** (Saigon) **Đường-minh-Tâm**, **Mặc-duy-Thanh**, **Huy-Phong**, **Bùi-anh** **Tường-Tuấn**, **Lâm-Chương** (Chợ-lớn) **Ngọc-Trai**, **Võ quế** (Quảng-Trị) **Lê-thị Hồng-Loan** (Câu Nhi-Quảng trị) **Quang-Hoài** (Tuy-hòa) **Hoàng-Hạ-Viên**, **Trâm-Lý**, **Võ-văn-Tiến** (Phan-thiết) **Từ kế Tường**, **Nguyễn Cơ**, **Văn Phú Lưu**, **Tôn Nữ Kiều Mộng**. Tòa soạn đã nhận đủ. Rất tiếc, phải gác, mong sáng tác khác. Cảm tạ.

Bạn **Vương-Hoàng-Lan** (Phước-Thành) đã nhận được truyện ngắn. Đã đọc. Rất tiếc phải gác. Mong kỹ thuật khá hơn mới hy vọng thành công. Đa tạ.

Các bạn: **Nguyễn-kỳ-Trần** (Tuy-hòa) **Lam-Hồ** (Qui-nhơn) **Chế-tôn-Nguyên** (Đà-lạt) **Vũ-Đức Sao-Uyển** (Huế) đã nhận được. Đang đọc để chọn đăng trong những số gần đây. Cảm tạ và mong gửi tiếp cho VH những tâm sự của Bạn cũng là tâm sự thanh niên hiện đại. Chúc các Bạn luôn mạnh.

Cô **Phạm-thị Thanh-Tùng** (Tây-Ninh) thư riêng của cô đã tới tòa soạn. Cánh thơ gửi người quá cố ý rất hay, nhưng thiếu kỹ thuật. Phải gác. Mong cô thông cảm. Cô **Phương-Khanh** gửi lời chia buồn cùng cô.

Các Bạn **Song Thanh** (Bình Định) **Võ Sĩ** (Hội An) đang đọc tâm sự của các bạn. Nếu được sẽ đăng trong số tới. Đa tạ.

Bạn **Vũ-Hoài Mặc-Nguyễn** (Đại học Huế) đã đăng trong số này. Những bài còn lại có dịp sẽ đăng. Đa tạ và mong sáng tác đều.

Bạn **Trần-nhật-Nguyên** (Huế) «Thực trạng» sẽ đề cập trên V.H một ngày sắp tới. Huế có gì lạ không? Cho biết tin. Chúc luôn mạnh.

Bạn **Cao-Quảng-Văn** (S/V Huế) rất tiếc phải gác hai sáng tác Bạn vừa gửi. Đề nghị của Bạn, tòa soạn sẽ thực hiện trong số Thi ca Việt nam, nhưng cần tài liệu và hình ảnh các tác giả tiền chiến. Nếu Bạn có cho V.H mượn để làm bản kèm càng tốt. Đa tạ và mong liên lạc để thực hiện số thi ca tốt đẹp.

Cô **Cát Tiên** (Hội An) «Trong vùng bóng tối sẽ» đăng trong số tới. Đa tạ và mong nhận được sáng tác đều.

Bạn **Đặng-Hoàng-Chung** (Đà-Nẵng) đã nhận được thư riêng của Bạn và kèm thư L.H. Rất tiếc phải gác vì kỹ thuật. Mong lần sau thành công để góp mặt trên V.H. Đa tạ.

ĐÓN ĐỌC: VĂN HỌC SỐ 36

— Chính trị : DƯƠNG KIỀN, NGUYỄN HỮU DUNG, LÝ CHÁNH TRUNG, TRẦN VĂN TOÀN ..

— Biên khảo Văn Học : HOÀNG VŨ Đ.V, NGUYỄN VĂN TRUNG, THANH LĂNG, LƯU TRUNG KHẢO, NGUYỄN SA.

— Sáng tác văn nghệ :

NHỮNG TRUYỆN NGẮN ĐẶC SẮC NHẤT CỦA :

THẾ UYÊN, DƯƠNG NGHIÊM MẬU, VƯƠNG THANH, VÕ PHIẾN, NGUYỄN MẠNH CÔN, DUYÊN ANH, BÙI NGỌC DUNG...

— Khởi đầu truyện dài :

« NHỮNG KẺ ĐỨNG BÊN LỀ » II

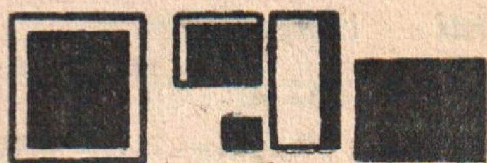
của

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN.

theo sự đòi hỏi của độc giả Văn Học

**GIỚI THIỆU
SÁCH MỚI:**

**TRONG THÁNG VĂN HỌC ĐÃ
NHẬN ĐƯỢC :**



Diễn Đàn Tự Do số 1,5, 6, 7 và 8. Cơ quan ngôn luận do một nhóm Sinh viên V.N. tại Nhật Bản chủ trương. D.Đ.T. D. in bằng Roneo, với bài vở rất khách quan bằng những

biên khảo vô tư của các bạn sinh viên xa quê hương.

— **Hành trình** số 5 tháng 2/65. do G.S. Nguyễn v Trung chủ trương. cùng một số giáo sư Đại học và sinh viên biên soạn. Giá bán 30 đồng.

Thơ đen của Tú Kếu, do Tiếng nói xuất bản. Tập thơ trào phúng thời đại. Bản đặc biệt.

— **Truyện hay các nước** do Nguyễn minh Hoàng và Trảng Thiên chọn và dịch, do Thời mới xuất bản. Giá bán 34 đồng.

Thành thật cảm tạ các tác giả, nhà xuất bản và trang trọng giới thiệu cùng bạn đọc VĂN HỌC.